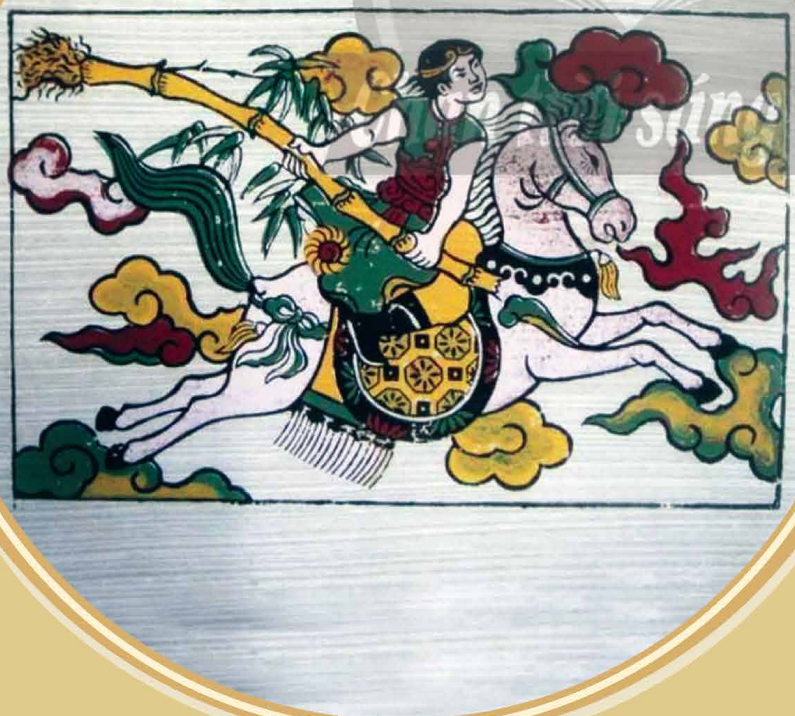
Chân trời sáng tạo

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – ĐOÀN LÊ GIANG – PHẠM NGỌC LAN

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
NGỮ VĂN
12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢN MẪU
Tháng 10 - 2023

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Ngữ văn – Lớp 12

(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chủ tịch: LÊ QUANG HƯNG
Phó Chủ tịch: NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
Uỷ viên, Thư kí: NGUYỄN VĂN THƯ

Các uỷ viên: ĐẶNG THU THỦY – NGUYỄN THỊ BÍCH
LÃ PHƯƠNG THÚY – TRẦN THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN THỊ THU HÀ – HỒ TẤN NGUYÊN MINH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – ĐOÀN LÊ GIANG – PHẠM NGỌC LAN

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
NGỮ VĂN
12

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Bạn thân mến!

Trên tay bạn là cuốn ***Chuyên đề học tập Ngữ văn 12***.

Ở lớp 10 và lớp 11, bạn đã được học các chuyên đề:

Lớp 10	Lớp 11
10.1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian.	11.1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
10.2. Sân khấu hoá một tác phẩm văn học.	11.2. Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại.
10.3. Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.	11.3. Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học.

Lên lớp 12, bạn sẽ được học tiếp ba chuyên đề, vừa tiếp nối vừa nâng cao so với lớp 10 và lớp 11, đó là:

12.1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại.

12.2. Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.

12.3. Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn.

Chân trời sáng tạo

Cũng như các sách chuyên đề học tập Ngữ văn soạn cho lớp 10 và lớp 11, ***Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*** được soạn theo phương châm thiết thực, gắn tri thức, kĩ năng với thực hành; kết hợp củng cố, hệ thống hoá kiến thức cơ bản với các hoạt động vận dụng, nhằm tạo ra các sản phẩm cụ thể. Theo đó, hoàn thành chuyên đề 12.1, chuyên đề 12.3, bạn sẽ bước đầu biết nghiên cứu và viết được một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại hoặc biết cách đọc, tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học. Hoàn thành chuyên đề 12.2, bạn có thêm những tri thức, kĩ năng để tìm hiểu một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học. Qua đó, tư duy khái quát, khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ trong đọc, viết, nói và nghe của bạn sẽ được nâng cao hơn.

Chúc các bạn có những trải nghiệm thú vị với cuốn sách này!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Chuyên đề 1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI 6

Phần thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại 6

I. Đọc ngữ liệu tham khảo 6

II. Tìm hiểu cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại 9

III. Thực hành 15

Phần thứ hai: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại 16

I. Phân tích ngữ liệu tham khảo 16

II. Những yêu cầu với bài báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại 19

III. Quy trình viết bài báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại 20

IV. Thực hành 22

Phần thứ ba: Thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại 23

I. Tìm hiểu cách thức thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại 23

II. Thực hành 24

Chuyên đề 2. TÌM HIỂU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC 25

Phần thứ nhất: Từ tác phẩm văn học đến tác phẩm nghệ thuật chuyển thể 25

I. Tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học 26

II. Tính sáng tạo trong việc chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm nghệ thuật 32

III. Mục đích, yêu cầu của việc tìm hiểu, giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học 36

IV. Thực hành 40

Phần thứ hai: Yêu cầu và cách thức viết bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học 41

I. Đọc ngữ liệu tham khảo 42

II. Hướng dẫn quy trình viết bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học 51

III. Thực hành 53

IV. Cách viết kịch bản phim ngắn chuyển thể 54

Chân trời sáng tạo

Phần thứ ba: Yêu cầu và cách thức thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học 61

I. Tìm hiểu cách thức thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.....61

II. Thực hành.....63

Chuyên đề 3. TÌM HIỂU PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC: CỔ ĐIỂN, HIỆN THỰC HOẶC LÃNG MẠN..... 64

Phần thứ nhất: Yêu cầu và cách thức tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực) 65

I. Tìm hiểu các khái niệm: phong cách sáng tác, phong cách sáng tác của một trường phái/ trào lưu văn học.....65

II. Tìm hiểu và chỉ ra những nét độc đáo có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác văn học.....65

III. Thực hành.....77

Phần thứ hai: Yêu cầu và cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực) 77

I. Những lưu ý chung về yêu cầu, cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của trường phái cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực.....77

II. Cách viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực).....80

III. Thực hành.....86

Phần thứ ba: Yêu cầu và cách thức thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực) 87

I. Cách thức thuyết trình giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học.....87

II. Một số đề thực hành 89

Bảng thuật ngữ 90

Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 1 TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
• Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề. • Biết viết một báo cáo nghiên cứu. • Hiểu và vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học hiện đại. • Biết thuyết trình một vấn đề của văn học hiện đại đã tìm hiểu.	1. Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề. 2. Cách viết một báo cáo nghiên cứu. 3. Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học hiện đại. 4. Cách đọc văn bản văn học hiện đại. 5. Yêu cầu của việc thuyết trình một vấn đề của văn học hiện đại.

Với *Chuyên đề học tập Ngữ văn 11*, bạn đã tìm hiểu, rèn luyện cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam. Trong chuyên đề này, bạn sẽ tìm hiểu, rèn luyện cách thức nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại qua ba phần:

Phần thứ nhất: *Tập nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại.*

Phần thứ hai: *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại.*

Phần thứ ba: *Thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại.*

Chân trời sáng tạo

Phần thứ nhất
TẬP NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

I. Đọc ngữ liệu tham khảo

QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HOÁ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN 1945[1]

Trần Đăng Suyền[2]

Khái niệm hiện đại hoá ở đây được hiểu là quá trình làm cho văn học có tính chất hiện đại, có thể nhịp bước và hoà nhập với nền văn học thế giới. Nói văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 đổi mới mạnh mẽ theo hướng hiện đại hoá tức là khẳng định nó thoát khỏi đặc trưng văn học trung đại, tạo nên những đặc điểm, tính chất của một nền văn học hiện đại.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[2] *Trần Đăng Suyền*: sinh năm 1953, quê ở tỉnh Nam Định; là nhà giáo, nhà nghiên cứu, phê bình có nhiều công trình nghiên cứu về văn học hiện đại Việt Nam. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Văn học Việt Nam thế kỉ XX; Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao; Nhà văn, hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo;…*

[…] Quá trình hiện đại hoá văn học diễn ra trên mọi mặt, nhiều phương diện. Trước hết là sự thay đổi quan niệm về văn học; từ văn chương chở đạo, thơ ca nói chí của thời văn học trung đại chuyển sang quan niệm văn chương như một hoạt động nghệ thuật đi tìm và sáng tạo cái đẹp; từ văn chương để *răn đời* sang văn chương để *hiểu đời*, để nhận thức, khám phá hiện thực. Văn học thời kì hiện đại đã tách ra khỏi các hoạt động trước tác[1] khác, không còn tình trạng "văn, sử, triết bất phân" như trước nữa. Cũng từ đây, văn học thoát ra khỏi những quan niệm thẩm mĩ và hệ thống thi pháp[2] của văn học trung đại (tính quy phạm chặt chẽ, hệ thống ước lệ tượng trưng dày đặc, tính chất sùng cổ, phi ngã,…). Quá trình hiện đại hoá văn học còn được thể hiện ở sự biến đổi các thể loại văn học (thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn) và xuất hiện những thể loại văn học mới (kịch nói, phóng sự, phê bình văn học). Quá trình hiện đại hoá văn học cũng gắn liền với việc hiện đại hoá ngôn ngữ văn học và việc sử dụng chữ Quốc ngữ thay thế cho chữ Hán, chữ Nôm. Về mặt chủ thể sáng tạo, quá trình hiện đại hoá văn học cũng dẫn tới sự thay đổi kiểu nhà văn: từ các nhà Nho sang kiểu nhà văn nghệ sĩ mang tính chuyên nghiệp. Thay đổi về công chúng văn học: từ tầng lớp Nho sĩ sang tầng lớp thị dân[3]. Tóm lại, hiện đại hoá đã diễn ra trên mọi mặt của hoạt động văn học, làm biến đổi toàn diện và sâu sắc diện mạo nền văn học Việt Nam. 1

1 Quá trình hiện đại hoá thể hiện qua những phương diện nào? Có tác động như thế nào đến văn học Việt Nam?

Hiện đại hoá không chỉ là vấn đề hình thức mà còn là vấn đề nội dung văn học. Xã hội Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 đã đặt ra rất nhiều vấn đề về đất nước, về cuộc sống, con người và nghệ thuật mà ở những thời kì trước chưa từng có, đòi hỏi văn học thời kì mới phải đáp ứng. Vì thế, hiện đại hoá trước hết là chuyện nội dung, bao gồm tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm,… của nhà văn trước hiện thực đời sống, con người và nghệ thuật. Chính nội dung tư tưởng đã tạo ra những đặc điểm, dấu ấn riêng, tạo ra sự khác biệt giữa văn học đầu thế kỉ XX đến 1945 so với văn học trung đại. Chẳng hạn, cũng nói về đất nước, các nhà thơ thời kì trung đại không thể không gắn nước với vua, chủ nghĩa tôn quân đã trở thành tư tưởng chung của thời đại. Còn ở thời kì văn học này, nước gắn liền với dân. Phan Bội Châu viết trong *Hải ngoại huyết thư*:

Nghìn, muôn, ức, triệu người trong nước,
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà.
Người, dân ta; của, dân ta,
Dân là dân nước, nước là nước dân.
… Sông phía Bắc, bể phương Đông,
Nếu không dân cũng là không có gì.

[1] *Hoạt động trước tác*: viết thành tác phẩm; ở đây nói chung là hoạt động viết văn bản văn, sử, triết.
[2] *Thi pháp*: phương pháp, quy tắc sáng tác.
[3] *Thị dân*: người dân thành thị.

"Mấy câu thơ trên – nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu nhận xét – là lời tuyên bố vạch thời đại. Nó phủ nhận tư tưởng chủ quyền theo mệnh Trời – cơ sở đạo lí cho chế độ chuyên chế, cơ sở lí luận cho sự đồng nhất trung vua với yêu nước"[1]. Khi nói đến con người, văn học thời kì trung đại chủ yếu chỉ nói tới con người xã hội, con người công dân vì tinh thần phi ngã[2], vô ngã[3] đã thành đặc trưng trong quan niệm về con người thời đại đó. Còn ở thời kì mới này, các nhà văn không chỉ nói tới con người xã hội, con người công dân mà còn nói tới con người trên tinh thần giai cấp, con người tự nhiên, con người cá nhân, và cả con người với đời sống tâm linh nữa.

2 Tác giả so sánh đề tài yêu nước trong văn học trung đại và trong *Hải ngoại huyết thư* nhằm mục đích gì?

Tuy nhiên, khi nói đến công việc hiện đại hoá văn học thì điều dễ thấy nhất lại là những phương diện của hình thức nghệ thuật. Quá trình hiện đại hoá này trước hết được bắt đầu bằng sự hình thành nền văn xuôi Quốc ngữ. […] Đến tận nửa cuối thế kỉ XIX, từ lĩnh vực tôn giáo, chữ Quốc ngữ mới chuyển sang địa hạt của văn hoá, văn học. Sự truyền bá rộng rãi chữ Quốc ngữ đã góp phần tạo nên tầng lớp công chúng văn học mới ngày càng đông đảo, đồng thời ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển nền văn xuôi hiện đại ở nước ta. Đến đầu những năm 20 của thế kỉ XX, chữ Quốc ngữ đã thay thế chữ Hán, chữ Nôm, chiếm được vị trí độc tôn trên văn đàn, góp phần đưa văn học nước ta vào quỹ đạo văn chương hiện đại.

Cùng với việc chữ Quốc ngữ được truyền bá rộng rãi, sự xuất hiện của báo chí và phong trào dịch thuật đầu thế kỉ XX đã tạo ra những điều kiện chín muồi cho sự hình thành nền văn xuôi Quốc ngữ. Báo chí đóng vai trò như là nơi sản xuất, cho ra mắt loại báo chí cùng với các thể văn mới khác như phê bình, khảo cứu, nghị luận,… trong đó hai tờ *Đông Dương tạp chí* (1913 – 1919) và *Nam Phong* (1917 – 1934) có những đóng góp quan trọng. Ngôn ngữ báo được hình thành và phát triển; điều đó liên quan mật thiết tới sự hình thành nền văn xuôi mới. Ngôn ngữ hiện đại ở nước ta ra đời trước hết bằng con đường của ngôn ngữ báo chí. Có thể thấy, ngôn ngữ thông tấn và ngôn ngữ bình luận là bước đi ban đầu của ngôn ngữ văn xuôi tự sự sau này. Từ văn báo chí, văn dịch thuật tiến dần đến văn sáng tác, là con đường hình thành của nền văn xuôi Quốc ngữ.

3 Sự phát triển của chữ Quốc ngữ và báo chí đã tác động như thế nào đến sự phát triển của văn xuôi Quốc ngữ thời kì này?

---

[1] Theo *Văn học Việt Nam (1900 – 1945)*, NXB Giáo dục, 1998, tr. 107.

[2] *Tinh thần phi ngã*: tư tưởng không thừa nhận cái "tôi" cá nhân theo quan niệm Nho giáo. Văn học trung đại hạn chế bộc lộ con người cá nhân mà chỉ chú trọng vào những vấn đề trọng đại, lớn lao của dòng tộc, xã hội, đất nước.

[3] *Tinh thần vô ngã*: quan niệm Phật giáo cho rằng không có sự vật, hiện tượng nào hiện hữu tự nó, hiện hữu một cách bất biến, thường hằng, mà luôn phải ở trong tương quan với các sự vật, hiện tượng khác, luôn luôn biến đổi.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Minh Đức (2002). *Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỉ XX*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
2. Nguyễn Đăng Mạnh (1994). *Khái quát về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945*. Tài liệu giáo khoa thí điểm, ban Khoa học Xã hội. Hà Nội: Giáo dục.
3. Phạm Thế Ngũ (1961). *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên (tập III)*. Sài Gòn: Quốc học tùng thư.
4. Phan Cự Đệ (2004). *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*. Hà Nội: Giáo dục.
5. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng (1986). *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930*. Hà Nội: Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
6. Vũ Ngọc Phan (1944). *Nhà văn hiện đại*. Hà Nội: Tân Dân.

(In trong *Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2018, tr. 17 – 27)

Trả lời câu hỏi

1. Văn bản trên nghiên cứu về đề tài gì? Bài nghiên cứu đã đưa ra những luận điểm nào về đề tài nghiên cứu?
2. Phương pháp so sánh và phương pháp phân tích – tổng hợp đã được sử dụng như thế nào trong bài nghiên cứu trên?
3. Tìm thêm một ví dụ cho thấy quan niệm, tư tưởng về con người trong văn học hiện đại khác với văn học trung đại.
4. Bài nghiên cứu đã giúp bạn hiểu thêm điều gì về tính hiện đại trong văn học Việt Nam?
5. Phần *Tài liệu tham khảo* của văn bản này được trình bày theo chuẩn APA[1]. Bạn hãy phân tích cú pháp trình bày và cách sắp xếp các mục trong phần *Tài liệu tham khảo* của bài nghiên cứu trên.
6. Từ văn bản trên, bạn rút ra được kinh nghiệm gì khi nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại?

II. Tìm hiểu cách thức nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại

1. Văn học hiện đại và văn học hiện đại Việt Nam

1.1. Khái niệm thời hiện đại và văn học hiện đại Việt Nam

Thời hiện đại: thời đại lịch sử gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, quá trình đô thị hoá, chủ nghĩa tư bản và ý thức cá nhân. Ở phương Tây, thời hiện đại gắn với kỉ nguyên phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật và tư duy lí tính, khoảng thế kỉ XVII trở đi. Ở phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng,

[1] Xem lại Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan*, *Ngữ văn 11*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

thời hiện đại thường được tính là thời kì tiếp sau thời trung đại, khi quá trình thuộc địa hoá gây ra những biến động mạnh mẽ trong văn hoá và xã hội khiến cơ cấu văn hoá truyền thống bị phá vỡ. Thời hiện đại Việt Nam bắt đầu từ khoảng đầu thế kỉ XX.

Văn học hiện đại Việt Nam: thời kì văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay thoát li khỏi hệ thống thi pháp văn học trung đại và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây để hoà nhập với văn học thế giới.

1.2. Một số đặc điểm của văn học hiện đại Việt Nam

Về tổng thể, văn học hiện đại Việt Nam có hệ thống nguyên tắc, phương pháp sáng tác riêng, thoát khỏi những nguyên tắc, phương pháp sáng tác của văn học trung đại. Có thể tóm tắt một số điểm như bảng sau:

	Văn học trung đại	Văn học hiện đại
Quan niệm nghệ thuật	– Văn, sử, triết bất phân. – Coi văn chương là phương tiện truyền bá đạo lí.	– Khu biệt văn chương với sử, triết; coi trọng tính thẩm mĩ của văn chương. – Không phủ nhận giá trị nhận thức và giáo dục của văn chương, nhưng đề cao tính chân thực và tính thẩm mĩ, hướng văn chương đến cái đẹp.
Đặc điểm sáng tác	Có tính phi cá thể, hạn chế việc biểu lộ con người cá nhân, cá thể hướng đến các vấn đề chung của xã hội, dân tộc.	Đề cao ý thức cá nhân, con người cá nhân, cá thể được khai thác, phản ánh đa dạng, nhiều khía cạnh qua các giai đoạn văn học.
	Tuân thủ tính quy phạm nghiêm ngặt, chặt chẽ.	Đề cao tinh thần sáng tạo tự do.
	Sùng cổ, luôn hướng về quá khứ, coi quá khứ là chuẩn mực, từ đó có xu hướng "tầm chương trích cú", sử dụng điển tích, điển cố khi sáng tác văn chương.	Thoát khỏi lối văn chương "tầm chương trích cú", tập trung phản ánh những vấn đề của hiện thực, đáp ứng yêu cầu của thời đại qua từng giai đoạn.
	Có tính trang nhã, sử dụng nhiều ước lệ tượng trưng.	Thoát khỏi hệ thống ước lệ tượng trưng, sáng tác bằng chất liệu hiện thực, chất liệu ngôn ngữ đời thường.
Thể loại	– Văn học chữ Hán: thơ Đường luật, thơ cổ thể, truyện truyền kì, hịch, chiếu, biểu,… – Văn học chữ Nôm: truyện thơ Nôm, thơ Nôm Đường luật,…	Thơ hiện đại, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch nói, phê bình văn học,…
Mối quan hệ giữa người sáng tác và người đọc	Văn chương không phải một nghề kiếm sống, sáng tác văn chương chủ yếu để tỏ lòng, tỏ chí. Mối quan hệ giữa người sáng tác và người đọc chưa được quan tâm rõ rệt.	Văn chương là một nghề kiếm sống. Bạn đọc có vai trò quan trọng trong việc quyết định số phận của tác phẩm → sự "đối thoại" giữa nhà văn và người đọc trong tác phẩm.

Chân trời sáng tạo

Từ những đặc điểm chung đó, trong mỗi giai đoạn khác nhau, văn học hiện đại Việt Nam lại có những đặc điểm riêng để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thời đại. Cụ thể như sau[1]:

Thời kì/ giai đoạn	Đặc điểm
Văn học từ đầu thế kỉ XX đến 1945 (đặc biệt là giai đoạn 1930 – 1945)	Nền văn học từng bước hiện đại hoá, phát triển với nhịp độ đặc biệt mau lẹ, có sự phân hoá thành nhiều xu hướng vừa đấu tranh, vừa bổ trợ vừa tương tác trong quá trình phát triển.
Văn học từ 1945 đến 1975	Nền văn học đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu; nền văn học hướng về đại chúng, chủ yếu sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn cách mạng.
Văn học sau 1975	Nền văn học vận động theo hướng dân chủ hoá[2], lấy tư tưởng nhân bản và sự thức tỉnh ý thức cá nhân là nền tảng cho tư tưởng và cảm hứng nhân đạo; có sự phong phú, đa dạng hơn về đề tài, chủ đề, thủ pháp nghệ thuật, đề cao cá tính sáng tạo của nghệ sĩ và đổi mới cách nhìn, cách tiếp cận về hiện thực, con người, đề cao tính đối thoại trong văn chương.

Từ sau những năm 1986, các sáng tác văn học có sự đổi mới mạnh mẽ với sự xuất hiện của yếu tố hậu hiện đại[3], những phương thức sáng tác văn chương phá vỡ các quy chuẩn sáng tác sẵn có, phá vỡ những logic nhận thức thông thường để tạo ra các thủ pháp độc đáo, có tính thể nghiệm. Có thể kể đến những thủ pháp hậu hiện đại trong tiểu thuyết như: *siêu hư cấu* (người kể chuyện bàn luận về chính quá trình viết và bản chất hư cấu của câu chuyện), *dòng ý thức* (các chương, đoạn được xây dựng và kết nối một cách lỏng lẻo, tự do, hỗn loạn, phỏng theo những suy nghĩ, cảm xúc miên man của nhân vật), *người kể chuyện không đáng tin cậy* (có những tín hiệu cho thấy người kể chuyện cố ý hoặc vô ý bóp méo sự thật về nhân vật và câu chuyện),…

---

[1] Tổng hợp theo Trần Đăng Suyền, Lê Quang Hưng (đồng Chủ biên), *Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2018; Nguyễn Văn Long (Chủ biên), *Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2018.

[2] *Nền văn học vận động theo hướng dân chủ hoá*: nền văn học quan niệm văn học không chỉ là tiếng nói của cộng đồng, dân tộc mà còn là phát ngôn của mỗi cá nhân, hướng đến các vấn đề đời tư, thế sự, khám phá thế giới nội tâm riêng tư và bi kịch đời thường của mỗi cá nhân, đề cao tính đối thoại trong văn chương.

[3] *Chủ nghĩa hậu hiện đại*: một trào lưu văn hoá phương Tây kết tinh những giá trị của xã hội hậu hiện đại, được hình thành khoảng những năm 60 của thế kỉ XX, nền tảng tư tưởng triết học bắt nguồn từ những biến đổi xã hội phương Tây sau Thế chiến thứ hai và thời đại xã hội "hậu công nghiệp" với nền văn minh máy tính. Như vậy, đối với văn học Việt Nam, "hậu hiện đại" không phải giai đoạn nối tiếp văn học hiện đại theo tiến trình văn học sử.

2. Một số yêu cầu về nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại

Khi nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại, cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– Chọn được vấn đề phù hợp, cụ thể, vừa sức, cung cấp thêm thông tin hay nhận thức mới mẻ cho người đọc.

– Căn cứ nghiên cứu chủ yếu là tác phẩm. Bên cạnh đó, để giải quyết được câu hỏi nghiên cứu và kiểm chứng được giả thuyết nghiên cứu, bạn cần tham khảo thêm các tư liệu liên quan đến đề tài như: bài nghiên cứu, bài báo, bài tham luận về thể loại, ngôn ngữ, lịch sử văn học,…

– Kết quả nghiên cứu cần được tổng hợp, khái quát và ghi chép một cách đầy đủ, có hệ thống dưới dạng dàn ý, sơ đồ thông tin, in-pho-gráp-phích (inforgraphic).

3. Quy trình nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại

3.1. Xác định đề tài, vấn đề cần nghiên cứu

Bạn có thể xác định đề tài, vấn đề cần nghiên cứu dựa vào những hướng nghiên cứu sau:

– *Tìm hiểu về tác phẩm văn học hiện đại*: Tìm hiểu các yếu tố về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm, tập trung vào đặc điểm của văn học hiện đại thể hiện trong tác phẩm.

– *Tìm hiểu về thể loại*: Với những thể loại đã có từ văn học trung đại (thơ, tiểu thuyết), bạn có thể tìm hiểu những điểm đổi mới của thể loại hiện đại so với trung đại. Với những thể loại chỉ mới xuất hiện trong thời kì văn học hiện đại (kịch nói, phóng sự văn học, phê bình văn học,…), bạn có thể tìm hiểu và giới thiệu đặc trưng, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những thành tựu, đóng góp,… của thể loại mới này.

– *Tìm hiểu về tác giả văn học hiện đại*: Khi tìm hiểu về sự nghiệp văn học và phong cách sáng tác của một tác giả văn học hiện đại, bạn có thể chú ý đến những đặc điểm đổi mới, hiện đại trong nội dung và thủ pháp nghệ thuật mà tác giả đó khai thác.

– *Tìm hiểu về giai đoạn văn học hiện đại*: Mỗi giai đoạn văn học hiện đại có những đặc điểm, thành tựu, hạn chế riêng. Bạn có thể tìm hiểu những đặc điểm, thành tựu, hạn chế ấy thông qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn. Bạn cũng có thể tìm hiểu về trào lưu, xu hướng văn học tiêu biểu trong từng giai đoạn (chẳng hạn: trào lưu Thơ mới, trào lưu văn học hiện thực phê phán trong giai đoạn 1930 – 1945).

Từ các hướng nghiên cứu, bạn chọn cho mình một đề tài phù hợp. Cần cân nhắc đến phạm vi đề tài, tránh đề tài quá rộng hoặc quá hẹp hay đề tài mơ hồ, chưa cụ thể, thiếu khả thi.

Sau đây là một số đề tài gợi ý:

– Tìm hiểu về sáng tác bi kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

– Tính cổ điển và hiện đại trong thơ của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám.

– Chủ đề sự tha hoá trong truyện ngắn của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám.

– Tìm hiểu tính sử thi qua một số tác phẩm thơ thời kì kháng chiến chống Pháp.

– Những cách tân trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu giai đoạn sau 1975.

– Sự đổi mới quan niệm về con người trong tập truyện *Hà Nội trong mắt tôi* của Nguyễn Khải.

– Tìm hiểu quan niệm về tính nữ trong một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư.

– Hình tượng con người và thiên nhiên trong *Muối của rừng* của Nguyễn Huy Thiệp.

3.2. Thu thập tư liệu và xác lập câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu

Từ đề tài đã chọn, bạn tiến hành thu thập tư liệu. Có hai nhóm tư liệu bạn cần thu thập:

– Thứ nhất, các bài nghiên cứu, bài báo, tư liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu: Bạn có thể tìm tư liệu này trên thư viện hoặc những trang web uy tín; sau đó tiến hành thống kê tư liệu tìm được, phân loại tư liệu gốc và tư liệu thứ cấp. Có thể thực hiện dựa vào bảng sau:

STT	Tên tài liệu	Tác giả, năm xuất bản, đơn vị xuất bản	Thông tin đáng lưu ý liên quan đến đề tài	Thông tin khác (nếu có)
1	…	…	…	…
2	…	…	…	…

Chân trời sáng tạo

– Thứ hai, các ghi chú, nhận xét, suy nghĩ của bạn khi đọc các tác phẩm liên quan đến đề tài nghiên cứu: Bạn cần lên danh mục tác phẩm cần đọc và ghi chú lại kết quả đọc. Có thể thực hiện dựa vào bảng sau:

STT	Tác phẩm, tác giả	Thời điểm sáng tác	Đặc điểm cần lưu ý về nội dung, hình thức	Thông tin khác (nếu có)
1	…	…	…	…
2	…	…	…	…

Trên cơ sở các tài liệu được thu thập, bạn xác lập câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu. Câu hỏi nghiên cứu là câu hỏi bao trùm toàn bộ đề tài, mục đích nghiên cứu của đề tài chính là trả lời câu hỏi này. Giả thuyết nghiên cứu là những giả thuyết bạn đưa ra để trả lời câu hỏi nghiên cứu, các giả thuyết này sẽ được kiểm chứng tính đúng – sai dựa vào quá trình nghiên cứu. Chẳng hạn:

Đề tài	Câu hỏi nghiên cứu	Giả thuyết nghiên cứu	Dự kiến phương án tìm hiểu, kiểm chứng giả thuyết
Tìm hiểu tính cổ điển và hiện đại trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh	Tính cổ điển và hiện đại thể hiện như thế nào trong tập *Nhật kí trong tù*?	Tính cổ điển và hiện đại có thể thể hiện qua đề tài, chủ thể trữ tình, hình ảnh thơ, ngôn từ,…	Phân tích, tổng hợp một số bài thơ tiêu biểu trong tập *Nhật kí trong tù* để kiểm chứng tính cổ điển, hiện đại trong đề tài, chủ thể trữ tình, hình ảnh thơ, ngôn từ.
	Tính cổ điển và hiện đại mang đến giá trị gì cho tập *Nhật kí trong tù*?	Góp phần thể hiện hình ảnh người tù – con người Chủ tịch Hồ Chí Minh.	Xem xét lại các yếu tố cổ điển, hiện đại đã phân tích và đánh giá xem các yếu tố ấy đã thể hiện cụ thể những phẩm chất nào của hình ảnh người tù.
		Sự độc đáo của hình thức nghệ thuật.	So sánh, đối chiếu với một số hiện tượng khác để cho thấy sự độc đáo về hình thức nghệ thuật.

3.3. Lập hồ sơ nghiên cứu

Lập hồ sơ nghiên cứu bằng cách tập hợp các phiếu ghi chép, đề cương nghiên cứu và kế hoạch nghiên cứu. Bạn cần lập kế hoạch nghiên cứu để kiểm soát tiến độ thực hiện đề tài. Có thể thực hiện dựa vào bảng sau:

STT	Công việc/ nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kết quả cần đạt	Đạt/ chưa đạt
1	Thu thập tư liệu và xác lập câu hỏi, nhiệm vụ nghiên cứu.	Từ … đến …	– Bảng thống kê tư liệu. – Có câu hỏi nghiên cứu và đề ra được các giải pháp.	…
2	…	…	…	…

3.4. Đọc – xử lí tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu

Ở phần *Thu thập tư liệu và xác lập câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu*, bạn đã đọc lướt và nắm tổng quan nội dung chính của các tư liệu. Trong giai đoạn này, khi đã có câu hỏi nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu cần kiểm chứng, bạn tiến hành đọc sâu tư liệu, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu cần thiết để đánh giá tính đúng – sai, toàn diện – phiến diện của các giả thuyết nghiên cứu, qua đó trả lời câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra. Khi đọc – xử lí tài liệu, bạn cần lưu ý:

– Với nhóm tài liệu thứ nhất (các bài nghiên cứu, phê bình, bài báo khoa học, phỏng vấn,… liên quan đến đề tài): Bạn đọc và nắm hệ thống ý chính của tài liệu,

chú ý đến những giả thuyết, bằng chứng có thể giúp bạn kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu và trả lời câu hỏi nghiên cứu.

– Với nhóm tài liệu thứ hai (ghi chú, nhận xét, suy nghĩ của cá nhân khi đọc tác phẩm liên quan đến đề tài): Bạn đọc lại tác phẩm, chú ý đến các đặc điểm nội dung, nghệ thuật tiêu biểu, đặc trưng cho văn học hiện đại, các đặc điểm liên quan đến giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu mà bạn đưa ra. Trên cơ sở đó, bạn bổ sung và điều chỉnh ghi chép, suy nghĩ của cá nhân (nếu có).

Lưu ý: Việc đọc hai nhóm tài liệu trên không tách bạch mà tiến hành xen kẽ, xuyên thấm vào nhau. Nhóm tài liệu thứ nhất giúp bạn hiểu sâu hơn, có những phân tích cặn kẽ, hợp lí hơn về tác phẩm. Nhóm tài liệu thứ hai giúp bạn kiểm chứng, làm sáng tỏ những đặc điểm được nêu ở nhóm tài liệu thứ nhất. Trong quá trình đọc – xử lí tài liệu này, bạn nên loại bớt những tài liệu không liên quan hay ít liên quan đến đề tài, tìm kiếm và bổ sung tài liệu còn thiếu (nếu cần).

3.5. Ghi nhận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu chính là những kết luận của bạn rút ra sau khi thực hiện đề tài nghiên cứu, giúp bạn kiểm chứng những giả thuyết và trả lời câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra. Đây chính là đóng góp của bạn khi thực hiện đề tài nghiên cứu. Bạn cần kiểm tra tính liên kết giữa kết quả nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu. Có thể thực hiện dựa vào bảng sau:

STT	Kết quả nghiên cứu	Giúp kiểm chứng giả thuyết…	Đã trả lời câu hỏi nghiên cứu bằng cách…
1	Kết quả 1:…	…	…
…	Kết quả…	…	…

Bạn cần ghi chép lại kết quả nghiên cứu một cách hệ thống, khoa học dưới dạng sơ đồ tư duy, in-pho-gráp-phích,…

III. Thực hành

Bài tập 1

Từ bốn hướng nghiên cứu văn học hiện đại Việt Nam được đề xuất ở mục *3.1*, bạn hãy tìm một đề tài nghiên cứu phù hợp và khả thi.

Bài tập 2

Thực hành lập bảng thống kê tư liệu cho đề tài đã chọn ở câu trên.

Bài tập 3

Xác định câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu cho đề tài bạn đã chọn, trình bày dự định nghiên cứu của bạn để xác minh các giả thuyết, trả lời câu hỏi nghiên cứu.

Bài tập 4

Thực hành phác thảo đề cương nghiên cứu và kế hoạch nghiên cứu cho đề tài đã chọn ở câu trên.

Chân trời sáng tạo

Phần thứ hai
VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

I. Phân tích ngữ liệu tham khảo

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CÁI ĐẸP TRONG VĂN XUÔI HƯ CẤU[1] CỦA THẠCH LAM[1]

Nguyễn Thành Thi

Tóm tắt

Một nền văn học không ngừng hiện đại hoá trên tinh thần nâng cao tính chuyên nghiệp như văn học Việt Nam 1930 – 1945 rất chú trọng đến việc từng bước tạo ra sự đa dạng thẩm mĩ trong sáng tác cũng như trong tiếp nhận. Thạch Lam, một cây bút văn xuôi tiêu biểu, độc đáo trong giai đoạn này, với quan niệm văn chương đúng đắn, tiến bộ, đã có những khám phá, phát hiện mới mẻ về cái đẹp. Bài viết này phân tích quan niệm về cái đẹp và cái thẩm mĩ trong văn xuôi hư cấu Thạch Lam, góp phần làm rõ biểu hiện của cái đẹp ấy trong mĩ cảm về con người cá nhân, đặt trong tương quan thế giới cảm giác muôn màu.[2]

Từ khoá: Thạch Lam, cái đẹp, văn xuôi hư cấu.

1. Khái quát quan niệm về cái đẹp, cái thẩm mĩ trong văn chương Thạch Lam[3]

Trong xu thế đa dạng hoá các giá trị thẩm mĩ của văn học Quốc ngữ Việt Nam trước 1945, quan niệm về cái đẹp, cái thẩm mĩ trong văn chương Thạch Lam – theo tác giả bài viết này – có mấy đặc điểm nổi bật sau đây:

– *Cái đẹp là sự sống được cảm thấy*: Nhà văn đề cao tính sinh động, tính chủ thể[2] trong việc phát hiện, thụ hưởng và miêu tả cái đẹp, cái thẩm mĩ (Đây là một cách trả lời câu hỏi: "Đâu là bản chất của cái đẹp, cái thẩm mĩ và cái đẹp, cái thẩm mĩ có nguồn cội từ đâu?").

– *Cái đẹp vốn tiềm tàng, khuất lấp*: Nhà văn đề cao việc phát hiện nhân tố mới của cái đẹp, cái thẩm mĩ, ở khắp mọi nơi, kể cả những nơi tưởng chừng khó tìm thấy chúng nhất (Đây là một cách trả lời câu hỏi: "Nhà nghệ sĩ tìm kiếm cái đẹp nào, ở đâu?").

– *Cái đẹp của sự sáng tạo (vai trò nghệ sĩ)*: Theo tinh thần này, không có cái đẹp trung tính, chung chung, chỉ có cái đẹp mang tính chủ thể được nghệ thuật hoá. Tức là cái đẹp trong hiện thực đời sống luôn được chắt lọc, sáng tạo và đương nhiên luôn mang cá tính sáng tạo của nghệ sĩ, hằn ghi dấu ấn chủ thể[3] […] (Đây là một cách trả lời câu hỏi: "Giữa khách thể thẩm mĩ và chủ thể thẩm mĩ có mối liên hệ như thế nào?").

[1]: Nhan đề nêu được đề tài, phạm vi nghiên cứu

[2]: Phần tóm tắt nêu ngắn gọn bối cảnh, vấn đề, phương pháp, kết quả nghiên cứu

[3]: Khái lược cơ sở lí thuyết của đề tài

---

1 *Văn xuôi hư cấu*: ở đây chủ yếu xét tới truyện ngắn và tiểu thuyết của Thạch Lam.

2 *Tính chủ thể*: nói đến tư cách chủ thể thụ hưởng, cảm nhận cái đẹp của nhà văn; thể hiện góc nhìn, dấu ấn riêng của nhà văn khi khám phá, sáng tạo cái đẹp.

3 Ở đây ý nói cái đẹp của hiện thực không bao giờ là sự sao chép đơn thuần, mà luôn là cái đẹp mang dấu ấn, cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Khi độc giả đọc tác phẩm văn học và cảm nhận được cái đẹp, thì đó không phải cái đẹp mô phỏng, sao chép từ hiện thực, mà là cái đẹp hiện ra qua sự sáng tạo, cách nhìn, cách cảm thụ của người nghệ sĩ.

2. Mĩ cảm[1] về con người cá nhân trong văn xuôi hư cấu của Thạch Lam[4]

Quan niệm về cá nhân, thực chất là quan niệm về cái "tôi"[2], quan niệm về cuộc sống, sự sống của cá nhân "tôi". Trong quan niệm về cuộc sống, sự sống cá nhân "tôi" qua văn chương thời Thạch Lam nổi bật lên ba vấn đề quan yếu, ba điều băn khoăn cần được giải đáp bằng tác phẩm văn học trở thành băn khoăn của con người trong văn học:

– Băn khoăn về quyền sống tự do của cá nhân "tôi";

– Băn khoăn về tư cách sống, tư cách "Người" của cá nhân "tôi";

– Băn khoăn về năng lực sống, năng lực "Người" của cá nhân "tôi".

Niềm băn khoăn thứ nhất – quyền sống tự do của cá nhân "tôi" – đặc biệt thu hút nhãn giới của những tiểu thuyết gia tiêu biểu nhất trong Tự lực văn đoàn[3]: Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo. Tiếng "quyền" "vang lên như một điệp khúc trên hành trình đi đến tự do" của nhân vật Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo. […] Niềm băn khoăn thứ hai – tư cách sống, tư cách "Người" của cá nhân "tôi" – chủ yếu bộc lộ trong sáng tác Nam Cao. Nhân vật Nam Cao, kể cả nông dân lẫn trí thức, đều có chung một niềm băn khoăn như vậy. […]

Niềm băn khoăn thứ ba – về năng lực sống, năng lực "Người" của cá nhân "tôi" – hầu như chỉ thấy đậm nét ám ảnh trong những thiên truyện của Thạch Lam, và chung chừng mực nào đó, của Xuân Diệu.

Người có năng lực sống, năng lực "Người" là người có giác quan nhạy cảm, có tâm hồn phong phú, giác quan tâm hồn lúc nào cũng căng nhạy như những sợi tơ sẵn sàng rung lên những giai điệu thầm kín, những cảm xúc mãnh liệt. Con người ở đây không phải là con người hành động, con người tư tưởng, con người tính cách, con người tâm lí nói chung, mà là con người cảm xúc. Con người ấy khao khát sống cao độ, sống hết mình trong những cảm xúc và những rung động mãnh liệt của thể chất và tâm hồn mình. […] Con người cảm xúc trong quan niệm và trong sáng tác của Thạch Lam cũng như vậy. Những điều mà nhân vật của ông băn khoăn trước hết là các trạng thái tâm hồn: "Có những ngày mà tự nhiên, không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì?" (*Một cơn giận*). Và, khi kể lại câu chuyện về "cơn giận" của mình thì Thanh không chỉ bộc lộ tình thương, lòng hối lỗi, khao khát "sửa sai" của mình, mà có lẽ anh ta còn quan tâm hơn đến cái cảm giác, cái diễn biến cảm xúc của *Một cơn giận*. Thành trong *Sợi tóc* cũng băn khoăn nhiều về ranh giới tốt – xấu, hiền lương – tội lỗi, về sự chuyển giao chóng vánh giữa cái tốt và cái xấu, cái trong sạch và tình trạng vấy bẩn tâm hồn, tức là băn khoăn về tư cách "Người" của mình. Toàn bộ thế giới cảm xúc, từ cái cảm giác vật chất đến cảm giác nội tâm, từ cái ý thức được và cái không ý thức được, đã được "tôi" ghi lại, thuật lại tỉ mỉ như những thước phim quay chậm. […]

[4]: Nêu luận điểm 1: Phân tích biểu hiện thứ nhất của vấn đề

---

[1] *Mĩ cảm*: cảm nhận, nhận thức về cái đẹp.

[2] *Cái "tôi"*: tổng hoà những nhận thức của một cá nhân về bản thân, bao gồm cả lòng tự trọng và sự tự nhận thức về tầm quan trọng của bản thân.

[3] *Tự lực văn đoàn*: tổ chức văn học mang tính hội đoàn do Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) khởi xướng, hoạt động sôi nổi vào những năm 1932 – 1939; Thạch Lam là một thành viên của Tự lực văn đoàn.

Như vậy, niềm băn khoăn về năng lực tự nhận thức, năng lực cảm thụ sự sống của con người nói chung và của từng cá thể nói riêng thực sự đã thu hút nhiều tâm lực của ngòi bút Thạch Lam. Ông thực sự muốn dò biết, khám phá cái cõi thầm kín bên trong của tâm hồn con người. Và nhân vật của Thạch Lam muốn giành cho mình cái hứng thú, cái quyền tự nhận thức, tự nhìn ngắm và lắng nghe những bí mật đó của sự sống và tâm hồn.[5]

[5]: Đưa ra bằng chứng và phân tích để làm sáng tỏ luận điểm 1

3. Từ mĩ cảm về con người cá nhân đến thế giới cảm giác muôn màu trong văn xuôi hư cấu của Thạch Lam[6]

[6]: Nêu luận điểm 2: Phân tích biểu hiện thứ hai của vấn đề

Thế giới cảm giác mà Thạch Lam tạo ra trong tác phẩm của ông thật là phong phú, tinh vi. […] Đó là một thế giới hài hoà của âm thanh, hương vị, màu sắc của tâm hồn,… Tất cả được lắng lọc trong cảm giác, qua cảm giác. Nhưng cảm giác trong văn Thạch Lam là cảm giác nội tâm. Không còn là những cảm giác sinh lí bản năng, mà là cảm giác đã "thăng hoa" thành cảm xúc.

Hoàn toàn có thể nói đến ở đây một "cơ chế" cảm xúc của con người tinh thần trong sáng tác của Thạch Lam. "Cơ chế" cảm xúc ấy có mấy đặc tính đáng lưu ý sau đây:

Thứ nhất: Có một sự hài hoà giữa cảm giác (chất liệu thu nhận của ngũ quan, mang đậm tính thể chất) và cái cảm nghĩ (sản phẩm của ý thức tư duy). […] Trong truyện ngắn và trong tiểu thuyết, thế giới cảm giác của Thạch Lam dường như đều được lọc qua tâm hồn, cảm xúc của nhân vật. Ở đây, có những đoạn văn miêu tả đẹp như những bài thơ: cảm giác và nội tâm, miêu tả và biểu hiện, tự sự và trữ tình dường như không còn một đường biên nào nữa. Ví như đoạn tả các cảm giác của Thanh, anh học trò làm việc trên tỉnh thành về thăm bà: *Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát cả người, trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn ra lau mồ hôi trên trán, bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi trên bức tường hoa thấp chạy đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhẹ, trong thửa vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngưng lại trên bậc cửa.* (*Dưới bóng hoàng lan*)

***Thứ hai*:** Cảm giác và nội tâm của nhân vật đều hiện hữu và đều có thể cảm thấy; cảm thấy bằng các giác quan và bằng tâm hồn. Sự chuyển hoá giữa cái cảm thấy bằng giác quan và điều cảm thấy bằng tâm hồn thường là tự nhiên, bất ngờ. […] Nhân vật của Thạch Lam nhiều khi còn cảm thấy thế giới ngoài nó và thế giới trong nó bằng một thứ giác quan đặc biệt. Đây không phải là một thứ "giác quan thứ sáu" người ta thường vẫn nói: một thứ giác quan có thật. Đó là trường hợp *Sợi tóc*. Thứ "giác quan" cảm thấy được cái "sợi tóc" ấy quả là một thứ giác quan huyền nhiệm. Ở đó, trực cảm, trực giác của con người tinh diệu đến mức nhân vật tưởng như không còn đơn thuần nhận thức sự vật, đối tượng mà là đang cảm nhiệm[1] sự vật, đối tượng.

(Lược dẫn: *Tác giả trình bày đặc điểm thứ ba – con người với tư cách chủ thể nhận thức, chủ thể cảm xúc luôn xuất hiện cùng với cái không gian môi sinh đặc thù của nó*).[7]

[7]: Đưa ra bằng chứng và phân tích để làm sáng tỏ luận điểm 2

[1] *Cảm nhiệm*: giao cảm một cách nhiệm mầu, gần như giác ngộ.

4. Kết luận

Cũng bởi xuất phát từ quan niệm cái đẹp là sự sống được cảm thấy, cái đẹp luôn mang tính chủ thể cao, nên mĩ cảm trong văn xuôi nghệ thuật của Thạch Lam, đặc biệt là trong truyện ngắn, tiểu thuyết, cái đẹp thường gắn với các tri nhận mang tính chủ thể của con người cá nhân. Cái đẹp trong thế giới nghệ thuật của ông, cũng vì thế, thường toát ra từ thế giới cảm giác. Ở sáng tác của Thạch Lam, quan niệm đề cao con người cá nhân trong tư cách chủ thể nhận thức, chủ thể cảm xúc đã toả chiếu và biểu hiện trong thế giới cảm giác trên từng trang viết, từng hình tượng nhân vật của ông. Và đến lượt nó, sức mạnh nội cảm của con người chủ thể cảm xúc, chủ thể nhận thức lại chiếu sáng từng cảm giác khởi sinh từ thế giới bên ngoài. Ở đây, sự chiếu sáng cảm giác từ bên trong là một nét độc đáo trong cách nhìn thế giới và con người của Thạch Lam.[8]

TÀI LIỆU THAM KHẢO[9]

1. Hà Văn Đức (1998). *Văn học Việt Nam (1900 – 1945).* Hà Nội: Giáo dục.
2. Hê-ghen (1999). *Mĩ học (tập II).* Hà Nội: Văn học.
3. Lê Dục Tú (1994). *Miêu tả nội tâm trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn.* Tạp chí Văn học. số 8.
4. Phạm Thị Thu Hương (1998). *Thạch Lam – văn chương và cái đẹp.* Hà Nội: Hội Nhà văn.
5. Thạch Lam (1962). *Nắng trong vườn.* Sài Gòn: Đời nay.

(In trong *Văn học thế giới mở*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr. 118 – 151)

[8]: Khái quát và nêu ý nghĩa, giá trị của kết quả nghiên cứu

[9]: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo theo chuẩn APA

Trả lời câu hỏi

1. Bài viết trên nghiên cứu về vấn đề gì? Trong bốn hướng nghiên cứu văn học hiện đại bạn đã học, đề tài của bài viết này thuộc hướng nào?
2. Câu hỏi nghiên cứu của bài viết là gì? Bài viết đã trả lời câu hỏi nghiên cứu đó như thế nào?
3. Vẽ sơ đồ tóm tắt ý chính, từ đó nhận xét về cách tác giả đặt các đề mục của bài viết.
4. Phương pháp phân tích – tổng hợp và so sánh đã được sử dụng như thế nào trong bài viết?
5. Từ bài viết trên, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại?

II. Những yêu cầu với bài báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại

– *Về nội dung*: Nêu phân tích, đánh giá, lí giải để trả lời một/ một số câu hỏi nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại.

– *Về thể thức trình bày*: Đảm bảo các yêu cầu của bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại:

Chân trời sáng tạo

+ Trình bày được cơ sở lí luận và thực tiễn, phương pháp, nội dung kết quả nghiên cứu cùng những kết luận quan trọng một cách hệ thống, với các phần/ chương/ mục rõ ràng.

+ Đưa ra được bằng chứng đa dạng, hợp lí; có những lí lẽ phân tích, lí giải bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm.

+ Trích dẫn, cước chú, danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.

– *Về bố cục*: Một bài báo cáo nghiên cứu thường gồm các mục chính:

+ *Nhan đề, tóm tắt, từ khoá.*

+ *Mở đầu*: Giới thiệu đề tài; nêu vấn đề cụ thể hoá đề tài/ câu hỏi nghiên cứu.

+ *Phần chính*: Xác định giả thuyết nghiên cứu/ cơ sở của việc nghiên cứu; kết quả nghiên cứu theo các phần/ chương/ mục chính; lập luận, minh chứng, lí giải vấn đề.

+ *Kết luận*: Khẳng định lại các kết quả nghiên cứu, chỉ ra sự phù hợp giữa kết quả nghiên cứu và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu, nêu ra hướng phát triển của đề tài nghiên cứu (nếu cần).

+ *Tài liệu tham khảo, phụ lục* (nếu có).

III. Quy trình viết bài báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại

Đề bài:

Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại mà bạn quan tâm.

Chân trời sáng tạo

Bước 1: Chuẩn bị viết

Bạn đã chọn đề tài, thực hiện nghiên cứu và thu nhận kết quả nghiên cứu ở *Phần thứ nhất* của chuyên đề. Từ kết quả nghiên cứu thu nhận được, bạn tiến hành xác định đề tài cho bài viết, mục đích viết và đối tượng người đọc, từ đó chọn cách viết cho phù hợp.

Lưu ý: Đề tài của bài viết không phải lúc nào cũng trùng với đề tài bạn chọn nghiên cứu. Tuỳ vào mục đích viết và đối tượng người đọc mà bạn cân nhắc một trong hai trường hợp: Trường hợp thứ nhất, viết một bài báo cáo để trình bày tất cả kết quả nghiên cứu thu nhận được (đề tài bài viết trùng với đề tài nghiên cứu). Trường hợp thứ hai, viết một bài báo cáo để trình bày một vài kết quả tiêu biểu, đáng chú ý, phù hợp với mục đích và đối tượng người đọc (đề tài bài viết cụ thể, hẹp hơn đề tài nghiên cứu).

Trên cơ sở đã chọn đề tài bài báo cáo, bạn xem phiếu thu thập tư liệu trong hồ sơ nghiên cứu, lập danh mục tài liệu tham khảo theo chuẩn APA.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Bạn xem lại kết quả nghiên cứu đã thu nhận ở *Phần thứ nhất*, chọn lọc các ý cần viết và lập dàn ý. Có thể sử dụng sơ đồ để phân tách ý chính, ý phụ của bài báo cáo, trên cơ sở đó, bạn tạo ra hệ thống đề mục phù hợp, đảm bảo tính logic (các đề mục thể hiện đầy đủ kết quả nghiên cứu muốn trình bày, đều hướng về giải quyết câu hỏi nghiên cứu và làm rõ vấn đề nghiên cứu, các đề mục đồng cấp không được bao chứa hay giao nhau, tên các đề mục không đồng cấp không được trùng nhau,...).

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn viết bài báo cáo hoàn chỉnh. *Lưu ý:*

– Phần tóm tắt nên bám sát bối cảnh nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp và kết quả nghiên cứu.

– Đảm bảo ngôn ngữ khoa học, chuẩn mực, khách quan, không sử dụng từ ngữ địa phương hay ngôn ngữ biểu cảm; sử dụng các phương tiện liên kết để bài viết mạch lạc, rõ ràng.

– Đảm bảo tôn trọng sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn bằng cách trích dẫn, sử dụng cước chú, dẫn nguồn một cách đúng quy cách.

– Kết hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (nếu cần).

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại

	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Nhan đề	Bao quát được nội dung bài báo cáo.		
Tóm tắt	Nêu được ngắn gọn bối cảnh nghiên cứu, câu hỏi, phương pháp nghiên cứu và kết luận.		
Mở đầu	Giới thiệu đề tài.		
	Nêu câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu.		
Nội dung nghiên cứu	Trình bày được cơ sở lí luận của việc nghiên cứu.		
	Lần lượt trình bày kết quả nghiên cứu theo các phần/ chương/ mục chính.		
	Lập luận, lí giải vấn đề.		
	Đưa ra bằng chứng và phân tích để làm rõ các khía cạnh của vấn đề.		

Chân trời sáng tạo

Kết luận	Khẳng định lại kết quả nghiên cứu.		
	Chỉ ra sự phù hợp giữa kết quả nghiên cứu và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu.		
Tài liệu tham khảo	Danh mục tài liệu tham khảo phù hợp, cần thiết với nội dung nghiên cứu.		
	Danh mục tài liệu tham khảo được trình bày đúng quy cách, nhất quán theo một chuẩn.		
Kĩ năng lập luận, diễn đạt và thực hiện quy cách viết báo cáo nghiên cứu	Các nội dung nghiên cứu được sắp xếp theo trình tự hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính.		
	Trích dẫn đúng cách, sử dụng cước chú để làm rõ nội dung trình bày.		
	Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ nội dung trình bày.		

IV. Thực hành

Bài tập 1

Tóm tắt quy trình viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	…	…
…	…	…

Bài tập 2

Từ bảng thống kê tài liệu tham khảo đã thực hiện ở *Phần thứ nhất*, bạn hãy lập danh mục tài liệu tham khảo theo chuẩn APA.

Bài tập 3

Từ kết quả nghiên cứu thu nhận được ở *Phần thứ nhất*, bạn hãy chọn đề tài và phác thảo hệ thống đề mục cho bài báo cáo. Trao đổi với các bạn trong lớp và nhận xét về sự hợp lí, logic của hệ thống các đề mục.

Chân trời sáng tạo

Phần thứ ba
THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

I. Tìm hiểu cách thức thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại

Bạn chuẩn bị và tiến hành các bước thuyết trình như đã thực hiện khi thuyết trình một vấn đề văn học trung đại Việt Nam (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 11*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, tr. 32 – 33):

1. Chuẩn bị thuyết trình

2. Trình bày bài nói

3. Trao đổi và đánh giá

Trong trường hợp đề tài bài nói chính là nội dung bài báo cáo đã thực hiện ở *Phần thứ hai*, bạn chuyển hoá nội dung bài báo cáo thành nội dung bài thuyết trình như sau:

• Tóm tắt hệ thống ý chính của bài báo cáo, đánh dấu những ý quan trọng cần nhấn mạnh, cần ưu tiên trình bày trọn vẹn.

• Chuyển hoá nội dung các phần trong bài báo cáo thành dạng từ khoá, sơ đồ, chuyển hoá ngôn ngữ viết thành ngôn ngữ nói. Thao tác này giúp bạn nắm được ý trọng tâm cần trình bày, tránh đọc lại bài báo cáo khi thuyết trình.

• Chuẩn bị phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ và dự kiến cách kết hợp các phương tiện ấy với nội dung bài trình bày sao cho hiệu quả, hợp lí.

• Dự kiến phần phản hồi, đặt câu hỏi của người nghe và chuẩn bị trước câu trả lời.

Để tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng thuyết trình một vấn đề văn học hiện đại, bạn sử dụng bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào hỏi và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu vấn đề, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu.		
Nội dung chính	Nêu cơ sở lí thuyết, phương pháp nghiên cứu vấn đề.		
	Trình bày nội dung/ kết quả nghiên cứu.		
	Đưa bằng chứng và phân tích để rút ra kết luận về vấn đề.		
	Chỉ ra mức độ phù hợp giữa nội dung, kết quả nghiên cứu với câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu.		

Kết thúc	Tóm tắt và khẳng định được nội dung trình bày về vấn đề văn học hiện đại.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, từ ngữ khách quan, trung tính.		
	Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		

II. Thực hành

Chọn một vấn đề văn học hiện đại và thực hiện bài thuyết trình, sau đây là một số gợi ý:

– Tính chất giao thời trong bài thơ *Hầu trời* của Tản Đà.

– Tìm hiểu một số đặc điểm phóng sự của Vũ Trọng Phụng.

– Chất thơ trong một số truyện ngắn của Thạch Lam.

– Cảm hứng đau thương trong một số bài thơ của Hàn Mặc Tử.

– Đề tài thế sự trong một số truyện ngắn của Nguyễn Khải sau năm 1975.

– …

Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 2 TÌM HIỂU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
• Hiểu thế nào là chuyển thể tác phẩm văn học. • Biết cách tìm hiểu, giới thiệu, thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học. • Nêu được ý tưởng và cách thức tiến hành chuyển thể một tác phẩm văn học.	1. Tác phẩm văn học và chuyển thể tác phẩm văn học. 2. Một số điểm khác biệt cơ bản giữa tác phẩm văn học và tác phẩm chuyển thể từ tác phẩm văn học 3. Cách chuyển thể một tác phẩm văn học thành bộ phim, tác phẩm hội hoạ, âm nhạc,...

Khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học – một bộ phim truyện, một vở diễn sân khấu, một ca khúc, một vở nhạc kịch, một truyện tranh, một hoạt cảnh sân khấu hoá,... việc so sánh tác phẩm nghệ thuật với tác phẩm văn học để đưa ra nhận xét, bình phẩm là tự nhiên, cần thiết. Nhưng trong các trường hợp này có nên xem các tác phẩm văn học được chọn để chuyển thể là chuẩn mực về mọi phương diện và tác phẩm nghệ thuật chuyển thể thì buộc phải luôn bám sát, trung thành? Cần tìm hiểu, đánh giá các tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học như thế nào cho phù hợp và có tính khoa học?

Chuyên đề học tập này sẽ hỗ trợ bạn trong việc trả lời các câu hỏi đó. Nội dung chuyên đề gồm ba phần:

Phần thứ nhất: *Từ tác phẩm văn học đến tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.*

Phần thứ hai: *Yêu cầu và cách thức viết bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.*

Phần thứ ba: *Yêu cầu và cách thức thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.*

Phần thứ nhất
TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐẾN TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ

Ở phần này, để hiểu được quá trình chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm thuộc một loại hình nghệ thuật khác, bạn cần trả lời một số câu hỏi:

1. Thế nào là tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học?

2. Vì sao từ một tác phẩm văn học có thể chuyển thể thành nhiều tác phẩm nghệ thuật với những mức độ, xu hướng sáng tạo khác nhau?

Chân trời sáng tạo

3. Mục đích chính của việc tìm hiểu, giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học là gì? Cần xem xét tác phẩm nghệ thuật chuyển thể trong tương quan như thế nào với tác phẩm văn học được chuyển thể?

Các nội dung dưới đây sẽ giúp bạn trả lời các câu hỏi trên.

I. Tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Tác phẩm văn học là sản phẩm nghệ thuật ngôn từ được sáng tạo bởi nhà văn (hữu danh hoặc vô danh). Sản phẩm nghệ thuật này có thể là tác phẩm truyền miệng hoặc tác phẩm văn học viết, là thơ hoặc văn xuôi (xét về hình thức), là truyện, thơ, kịch hoặc kí (xét về loại, thể loại).



Cảnh trong vở ba-lê (ballet) *Hồ Thiên Nga*

(Nguồn: *https://www.shutterstock.com/*)

Chân trời sáng tạo

Tác phẩm nghệ thuật là khái niệm chỉ chung các sản phẩm thuộc các ngành nghệ thuật khác nhau như: kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, vũ đạo, sân khấu, điện ảnh,… được sáng tạo bởi cá nhân hay tập thể tác giả. Tác phẩm nghệ thuật thuộc ngành nghệ thuật nào thì sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật cùng các đặc trưng thuộc loại hình, phương thức sáng tạo, tiếp nhận của ngành nghệ thuật đó.

Vậy, thế nào là tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học?

Để có câu trả lời phù hợp, hãy so sánh một số trường hợp tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và tác phẩm văn học được chuyển thể.

- **Trường hợp 1: Bài thơ *Lá đỏ* và bài hát *Lá đỏ***

[A]: Bài thơ

LÁ ĐỎ

Nguyễn Đình Thi

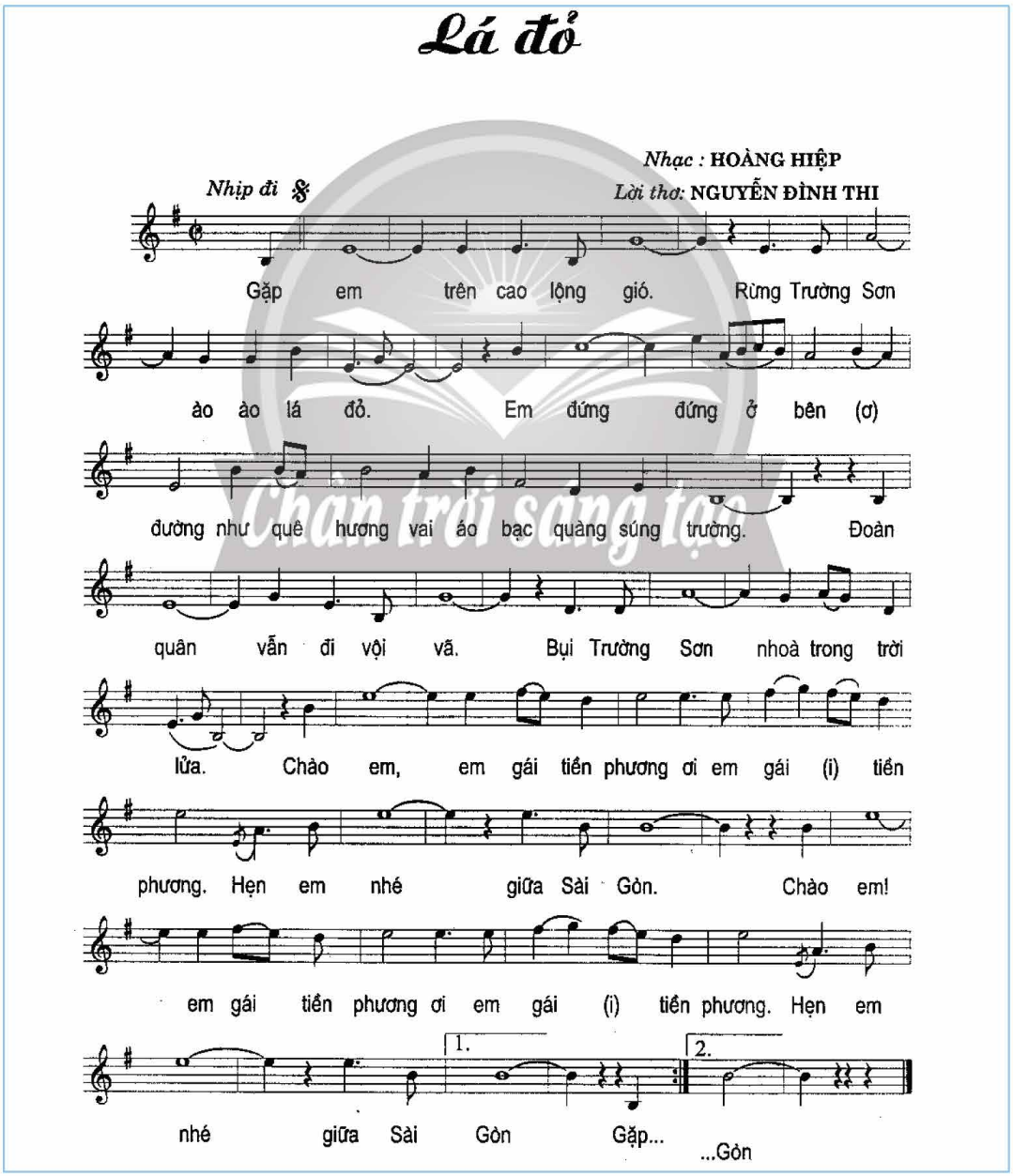
Gặp em trên cao lộng gió
Rừng lạ ào ào lá đỏ.

Em đứng bên đường như quê hương
Vai áo bạc quàng súng trường.
Đoàn quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn nhoà trời lửa.
Chào em, em gái tiền phương
Hẹn gặp nhau nhé giữa Sài Gòn.
Em vẫy cười đôi mắt trong.

Trường Sơn, 12/1974

(In trong *Trường Sơn – đường khát vọng*, NXB Chính trị quốc gia, 2009)

[B]: Bài hát



Ảnh chụp văn bản bài hát *Lá đỏ*

Thực hiện các yêu cầu sau

1. Đối chiếu, so sánh lời thơ và lời bài hát (ca từ); nhận xét về sự tương đồng, khác biệt về phần lời.

2. Đối chiếu văn bản bài thơ khi đọc diễn cảm với giọng hát của một nghệ sĩ (chẳng hạn Quốc Hương, Quang Thọ) khi bài hát được hát lên; so sánh, chỉ ra một số điểm khác biệt trong cách biểu đạt nội dung, cảm xúc của hai tác phẩm.

• **Trường hợp 2: Bức tranh *Gióng* (tranh Đông Hồ) và truyền thuyết *Thánh Gióng***

Sự kiện Thánh Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân được thuật lại trong *Thánh Gióng* (truyền thuyết dân gian Việt Nam) và trong tác phẩm *Gióng* (tranh dân gian Đông Hồ) – tác phẩm nghệ thuật chuyển thể – như sau:

[A]: *… Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn)…*

(*Thánh Gióng*, in trong *Ngữ văn 6*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, 2021)



[B]: *Gióng*
(Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân – tranh Đông Hồ)

Tác phẩm nghệ thuật chuyển thể là khái niệm chỉ chung các tác phẩm thuộc về một loại hình hay một lĩnh vực nghệ thuật nào đó được chuyển thể từ một tác phẩm thuộc loại khác, trong đó phổ biến nhất là chuyển thể từ văn học.

Tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học không phải là một "bản sao" của tác phẩm văn học mà là kết quả của quá trình tạo ra những giá trị nghệ thuật mới: giá trị nghệ thuật của âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh,…
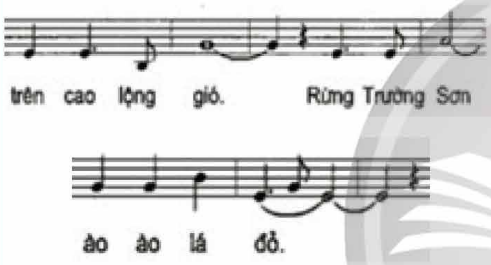
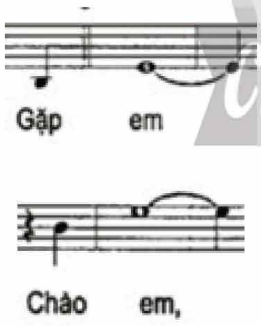
Thực hiện các yêu cầu sau

1. So sánh trích đoạn truyền thuyết *Thánh Gióng* (cột [A]) và tranh *Gióng* (cột [B]), chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt trong cách biểu đạt nội dung giữa đoạn trích và bức tranh. Giải thích nguyên nhân của sự tương đồng và/ khác biệt đó.

2. Từ hai trường hợp trên đây (chuyển thể bài thơ thành bài hát và chuyển thể hình tượng trong tác phẩm văn học thành hình tượng hội hoạ trong tranh vẽ), hãy nêu cách hiểu về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.

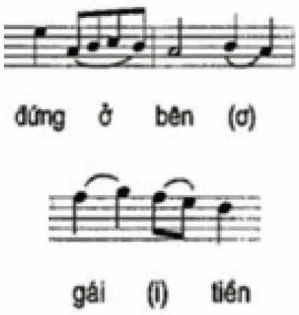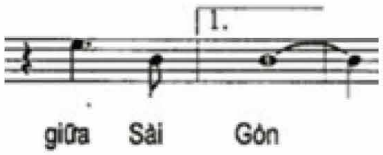
3. Tìm hiểu, so sánh chi tiết và sâu hơn trường hợp tác phẩm ca khúc chuyển thể từ tác phẩm thơ. Sử dụng một số hiểu biết về âm nhạc để giải thích cách nhạc sĩ Hoàng Hiệp sử dụng ngôn ngữ âm nhạc để tạo nên âm điệu vừa khoẻ khoắn, hào hùng vừa trữ tình, tha thiết khi chuyển thể (phổ thơ) bài thơ *Lá đỏ* thành bài hát *Lá đỏ* như thế nào.

Bảng 1. Âm hưởng hành khúc hào hùng trong bài hát *Lá đỏ* của Hoàng Hiệp qua ngôn ngữ âm nhạc

	1. **Nhịp 2/2** là một trong số những nhịp phổ biến được các nhạc sĩ lựa chọn viết cho thể loại hành khúc – một thể loại trong âm nhạc được đặc trưng bởi **nhịp điệu đều đặn, mạnh mẽ**. *Lá đỏ* đã tận dụng, phát huy sức biểu đạt của nhịp này.
	2. Các tiết tấu gồm hình **nốt đen liên tục kết hợp tiết tấu nốt đen chấm đôi và nốt đơn** tạo nên từng nét vẽ **dứt khoát**, tô điểm cho sự hùng vĩ của núi rừng Trường Sơn.
	3. – **Quãng 4** mở đầu cho giai điệu gồm nốt **Si** đen có trường độ ngắn hơn biểu hiện sự chuyển động so với nốt **Mi** tròn nối thêm một nốt đen có trường độ dài hơn nhiều làm điểm tựa cho sự dịch chuyển. Khung cảnh của cuộc gặp gỡ dần được tái hiện trước mắt. – Quãng 4 này diễn ra từ **phách yếu sang phách mạnh**; đặc biệt tại vị trí chuyển tiếp sang điệp khúc nhưng lại **cao hơn một quãng 8 so với phần mở đầu** tạo thành điểm nhấn và mở ra cao trào của tác phẩm. – Việc **nhảy quãng 4** và **quãng 5** trong bài hát cũng góp phần tạo sự **khoẻ khoắn** cho giai điệu của bài hát hoặc mở ra khung cảnh bát ngát, rộng lớn.

Chân trời sáng tạo



	4. Ca khúc tuy mang âm hưởng hào hùng nhưng ta vẫn thấy có **nét trữ tình** do giai điệu của bài hát được xây dựng dựa trên **điệu thức Mi thứ** và một số chỗ ca từ có **dấu luyến** đặt trên các âm liền bậc.
	5. Vẫn là quãng 4 nhưng chuyển động theo hướng ngược lại từ cao xuống thấp Mi Si và đi về kết. Thay vì dùng kết trọn ở chủ âm (bậc I), tác giả đã lựa chọn **kết mở** (kết ở bậc V của điệu thức) thay cho một lời hẹn sẽ gặp lại.

Như vậy, sự giống nhau từ nhan đề (*Lá đỏ*), lời thơ đến chủ đề cảm xúc (niềm vui gặp gỡ giữa người chiến sĩ và cô thanh niên xung phong trên đường ra mặt trận lộng gió Trường Sơn) không hề phủ nhận được một thực tế: Hai bài *Lá đỏ* vẫn là hai tác phẩm khác nhau (dù có quan hệ rất mật thiết với nhau). Vì sao?

So sánh tiếp: Hoàn thành Bảng 2 bằng cách điền thông tin vào cột "Các yếu tố cấu thành tác phẩm" và cột "Cách tiếp nhận tác phẩm" (làm vào vở):

Bảng 2. Một số khác biệt về loại hình, cấu trúc, tác giả và cách tiếp nhận tác phẩm giữa bài thơ và bài hát

Tác phẩm	Lĩnh vực/ loại hình	Các yếu tố cấu thành tác phẩm	Tác giả	Cách tiếp nhận tác phẩm
Lá đỏ (nghệ thuật văn chương)	Văn học Tác phẩm thơ	Ngôn ngữ cấu thành bài thơ: ...	Nguyễn Đình Thi	...
Lá đỏ (nghệ thuật âm nhạc)	Âm nhạc Tác phẩm ca khúc	Ngôn ngữ cấu thành ca khúc/ ca từ: ...	Nhạc: Hoàng Hiệp Lời thơ: Nguyễn Đình Thi	...

Bảng 2 cho thấy: Cùng với sự thay đổi về lĩnh vực, loại hình còn có nhiều sự thay đổi cụ thể khác: *các yếu tố cấu thành tác phẩm, tác giả, cách tiếp nhận tác phẩm,…*

4. Xem kĩ các bức tranh *Gióng* phía dưới: tranh Đông Hồ (1a), (1b), (1c), tranh bột màu và tranh sơn mài của hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm (1d), (1e). Chỉ ra một số điểm tương đồng và/ khác biệt giữa các bức tranh (tuỳ chọn). Giải thích vì sao cùng chuyển thể hình tượng từ truyền thuyết *Thánh Gióng* mà các bức tranh lại khác nhau như vậy.

Chân trời sáng tạo

[B1]: Hình tượng Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân trong tranh Đông Hồ:



Gióng
(*Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân* – tranh Đông Hồ) (1a)



Gióng
(*Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân* – tranh Đông Hồ) (1b)



Gióng
Tranh Đông Hồ của nghệ nhân Phạm Văn Đôn (sau 1945) (1c)
(Nguồn: *Tranh Đông Hồ (Đông Hồ folk paintings)*, An Chương, NXB Mĩ thuật, 2010, tr. 90)

[B2]: Hình tượng Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân trong hai bức tranh dưới đây của Nguyễn Tư Nghiêm (tranh bột màu (1d) và tranh sơn mài (1e)):



Gióng
Tranh bột màu của Nguyễn Tư Nghiêm (1d)
(Nguồn: Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam)



Gióng
Tranh sơn mài của Nguyễn Tư Nghiêm (1e)
(Nguồn: Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam)

Nhận xét:

❖ *Với trường hợp bài hát chuyển thể từ bài thơ*

Dù cùng chủ đề, cảm hứng, nhan đề; hơn nữa, lời bài thơ gần như được giữ nguyên trong ca khúc, nhưng giữa hai tác phẩm *Lá đỏ* – nhạc và *Lá đỏ* – thơ vẫn có rất nhiều điểm khác biệt. Điều này cho thấy tác phẩm nghệ thuật ngay cả khi chuyển thể một cách trung thành với tác phẩm văn học thì vẫn không phải là một bản sao đơn giản. Trái lại, đó là một tác phẩm khác, là tiếng nói của chủ thể tác giả khác, bằng chất liệu, ngôn ngữ nghệ thuật khác; là kết tinh của một quá trình sáng tạo theo quy luật, nguyên tắc của lĩnh vực, thể loại mới để sống đời sống của chính nó.

❖ *Với trường hợp (các) bức tranh chuyển thể từ hình tượng nhân vật truyền thuyết*

Cùng chuyển thể từ hình tượng Gióng ra trận đánh giặc Ân nhưng các bức tranh Đông Hồ (1a), (1b), (1c) đều có những điểm khác nhau: hoặc về cách xử lí màu sắc, đường nét, hoặc về bố cục, tư thế, vũ khí, hướng chuyển động của nhân vật, các chi tiết cận cảnh, viễn cảnh,… Các bức tranh hiện đại ((1d) và (1e)) của hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm khác hẳn ba bức tranh Đông Hồ còn lại về nhiều phương diện. Ngay cả hai bức tranh của Nguyễn Tư Nghiêm cũng khác nhau về ý tưởng sáng tạo.

Những sự tương đồng, khác biệt đa dạng như vậy ở *trường hợp bài hát chuyển thể từ bài thơ* và trường hợp *(các) bức tranh chuyển thể từ hình tượng nhân vật truyền thuyết* có thể giúp ta rút ra những kết luận quan trọng về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể/ cải biên[1] và về mức độ/ xu hướng sáng tạo của (các) tác giả chuyển thể/ cải biên.

Chuyển thể (hay *cải biên*) từ văn học là sáng tạo thêm, sáng tạo lại; nhờ đó, tác phẩm văn chương được chuyển thể có thêm cuộc sống mới. Qua chuyển thể, hình tượng và thế giới nghệ thuật biểu đạt bằng ngôn từ văn chương được chắp thêm những đôi cánh mới: hoặc là đôi cánh giai điệu và âm sắc của nghệ thuật âm nhạc; hoặc là đôi cánh đường nét, màu sắc hình khối của nghệ thuật hội hoạ, điêu khắc; hoặc là đôi cánh của các khuôn hình hoạt động và diễn xuất của diễn viên nghệ thuật.

II. Tính sáng tạo trong việc chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm nghệ thuật

Tìm hiểu điều này cũng là để trả lời câu hỏi thứ hai: *Vì sao từ một tác phẩm văn học có thể chuyển thể thành nhiều tác phẩm nghệ thuật với nhiều mức độ, xu hướng sáng tạo khác nhau?*

[1] Chuyển thể/ cải biên có liên quan đến vấn đề bản quyền, tôn trọng và minh bạch về bản quyền, nên đã được định nghĩa trong luật bản quyền. *Chuyển thể*: ở Việt Nam chuyển thể thường được hiểu là hoạt động của văn – nghệ sĩ dựa vào tác phẩm văn học (thơ, truyện, kịch,…) để tạo ra các tác phẩm nghệ thuật thuộc một loại hình hay lĩnh vực nghệ thuật nào đó. Trong bài học này, chủ yếu nói đến các trường hợp chuyển thể phổ biến như chuyển đổi tác phẩm văn học thành tác phẩm âm nhạc, hội hoạ, sân khấu, điện ảnh,… Theo quy định tại khoản 8, Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ, chuyển thể là việc chuyển đổi một tác phẩm (thường là tác phẩm văn học, nghệ thuật) sang loại hình nghệ thuật khác trên cơ sở đảm bảo nội dung của tác phẩm gốc, ví dụ như chuyển thể truyện thành phim, kịch,… hoặc cũng có thể là tác phẩm kịch (sân khấu) được chuyển thành kịch bản điện ảnh, nhạc kịch,… Chuyển thể là quá trình tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm có trước bằng cách thay đổi hình thức thể hiện tác phẩm đã có thành hình thức thể hiện mới hoặc chuyển tác phẩm từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác (xem thêm: *https://thuvienphapluat.vn/van-ban/So-huu-tri-tue/Luat-So-huu-tri-tue-sua-doi-2022-458435.aspx*). *Cải biên*: trong tiếng Anh, thuật ngữ "adaptation" được dùng để chỉ hoạt động cải biên nói chung. Hoạt động này rất đa dạng và khác nhau về mức độ trung thành hay tự do trong sáng tạo so với tác phẩm được chọn để cải biên. Chuyển thể được xem là một dạng thức của hoạt động cải biên.

Văn bản 1

NGÔN NGỮ VĂN HỌC, SÁNG TÁC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC[1]

Theo **Lê Ngọc Trà**[2]

Cũng như các loại hình nghệ thuật khác (điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, múa,…), văn học là một hoạt động sáng tạo độc đáo của con người. Điểm trước tiên khác biệt giữa văn học với các nghệ thuật khác là ở chỗ văn học dùng ngôn ngữ làm chất liệu để tạo nên tác phẩm. Nhà soạn nhạc mượn âm thanh để diễn tả tình cảm, suy nghĩ của mình, hoạ sĩ thì dùng màu vẽ nên các bức tranh nhằm thể hiện cảm xúc và cái nhìn của mình về thế giới, còn nhà văn thì lấy ngôn ngữ làm phương tiện diễn đạt. Vậy ngôn ngữ văn học có những đặc điểm gì? 1

1 Sự khác biệt về chất liệu giữa văn học với các loại hình nghệ thuật khác được tác giả bài viết xem là điểm cần nói đến trước tiên. Vì sao?

[...]

Đặc điểm thứ nhất của lời nói nghệ thuật là *sức truyền cảm* hay còn gọi là tính biểu cảm. Do tính chất riêng của nội dung cần được truyền đạt trong văn học, từ ngữ và cách sắp xếp từ ngữ trong văn bản nghệ thuật (bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, vở kịch,…) thường chứa đựng một năng lượng tình cảm lớn.

Đặc điểm thứ hai của lời nói nghệ thuật là *tính đa nghĩa* hay nói chính xác hơn là tính nhiều tầng ý nghĩa. Trong tác phẩm văn học, đặc biệt là trong thơ, ngôn ngữ thường được sử dụng dưới hình thức ẩn dụ, nhân hoá, tượng trưng,… và điều đó làm cho câu văn, lời văn cùng một lúc mang nhiều ý nghĩa khác nhau, thông thường là nghĩa đen và nghĩa bóng. Chẳng hạn, câu ca dao:

Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

Ở đây, "thuyền" và "bến" không phải chỉ sự vật (thuyền, bến) mà còn được dùng để chỉ hai người thương nhau.

Cách nói bóng bẩy nhiều nghĩa như vậy làm cho câu văn, câu thơ có vẻ như khó hiểu hơn nhưng lại do đó mà làm cho nội dung của chúng phong phú hơn, khêu gợi sự tìm tòi và sáng tạo của người đọc nhiều hơn và nhờ vậy cũng mang đến cho họ nhiều thích thú say mê hơn.

Đặc điểm thứ ba của lời nói nghệ thuật là *tính hình ảnh*. Đặc điểm này gắn với hai đặc điểm trên, bởi vì, để diễn tả được nội dung tình cảm và tác động mạnh mẽ

[1] Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

[2] *Lê Ngọc Trà*: sinh năm 1945, quê ở xã Tịnh Hoà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, là giáo sư, nhà nghiên cứu văn học, văn hoá. Ông đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu văn học, văn hoá. Tiêu biểu là *Lí luận văn học* (1990), *Văn hoá Việt Nam: đặc trưng và cách tiếp cận* (2001), *Thách thức của sáng tạo, thách thức của văn hoá* (2001), *Lí luận và Văn học* (2005), *Tuyển tập Lí luận – Phê bình văn học* (2012),…

vào tình cảm của người đọc, để nói lên được những ý tưởng và sắc thái tình cảm khác nhau vốn có rất nhiều lớp, rất tinh tế, nằm sâu trong suy nghĩ và tâm hồn con người, tốt nhất là dùng cách nói hình ảnh. Các hình nhỏ về cùng một sự vật liên kết lại thành một hình ảnh lớn, toàn vẹn về sự vật. Cách nói bằng hình ảnh mang lại cho người đọc một ấn tượng sinh động về sự vật được nói đến, đồng thời tạo một khoảng không rộng lớn để liên tưởng, phán đoán, cũng như giúp tác giả bày tỏ một tình cảm, một thái độ. 2

2 Tóm tắt các đặc điểm của ngôn ngữ văn học.

Những đặc điểm trên đây của lời nói nghệ thuật giúp chúng ta hiểu thêm về đặc trưng của văn học. Song đặc trưng này không phải chỉ thể hiện ở ngôn ngữ mà còn bộc lộ ở nhiều mặt khác nữa.

Từ sáng tác đến tiếp nhận văn học

Các đặc điểm nêu trên của văn học chi phối quá trình sáng tác của nhà văn cũng như quá trình, phương thức tiếp nhận văn học của người đọc.

Làm thơ, viết văn, soạn kịch là một loại hoạt động sáng tạo tinh thần phức tạp, bắt đầu từ lúc tác giả rung động, suy nghĩ, nghiền ngẫm, nung nấu một điều gì đến mức phải nói ra viết ra và kết thúc khi nó đã được diễn đạt thành tác phẩm (dưới dạng nói hoặc viết). Như vậy quá trình sáng tác văn học bao gồm hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau: sự hình thành các ý tưởng và thể hiện chúng bằng ngôn ngữ. 3

3 Điều làm nên khác biệt giữa tác phẩm văn học và tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh,...) có phải là sự khác biệt về ngôn ngữ không?

Trong quá trình hình thành ý tưởng, bên cạnh sự rung động mãnh liệt, cách cảm nhận trực tiếp cuộc sống một cách sâu sắc, mới mẻ và độc đáo, để có những tác phẩm lớn, người viết còn cần phải có những *tư tưởng, quan niệm* rộng lớn về triết học, chính trị, đạo đức và thẩm mĩ. Những quan điểm lí luận này tự chúng không trực tiếp làm nên nội dung của văn học nhưng lại quyết định phần lớn tầm cỡ, chiều sâu cũng như khuynh hướng của tác phẩm.

Song song với sự xuất hiện những ấn tượng và suy nghĩ về cuộc sống, trong ý thức sáng tạo của nhà văn còn diễn ra một quá trình nữa – đó là sự hình thành các hình tượng nghệ thuật bằng chất liệu ngôn ngữ. Ở đây có hai yếu tố giữ vai trò quan trọng: một là *tưởng tượng*, hai là những *kĩ năng sáng tạo*. Không có tưởng tượng phong phú, nhà văn không thể tạo ra được một thế giới nghệ thuật với bao nhiêu tình huống, bao nhiêu nhân vật không hề có y như vậy trong đời, không thể dựng lên được những cảnh ngộ, những số phận độc đáo làm mê say người đọc. Cũng chính nhờ tưởng tượng, văn học mới có được những hình tượng đẹp đẽ, những hình ảnh kì thú, những cảnh người đi mây về gió, những sinh hoạt trên thiên đàng hoặc dưới địa ngục chưa ai thấy bao giờ. Đồng thời, nếu không có những kĩ năng sáng tạo, tức là khả năng ghi chép, tập hợp tài liệu, trình độ sử dụng ngôn ngữ, tổ chức

cốt truyện, hiểu biết về luật thơ và thể loại,… người viết cũng không thể nào tạo ra được tác phẩm văn học thực sự. Tất cả những đặc điểm trên đây của quá trình sáng tác văn học vừa thể hiện *tài năng bẩm sinh* của người viết, vừa đòi hỏi sự học tập và *lao động nghệ thuật* không ngừng mới có được.

Nhưng sáng tác văn học bao giờ cũng đòi hỏi có người đọc, và cho đến khi tác phẩm được công bố, được nhiều người tiếp nhận thì quá trình sáng tạo mới được xem là hoàn tất, đầy đủ. Dĩ nhiên, người sáng tác bao giờ cũng mong người đọc hiểu điều mình nói và gửi gắm, tìm được sự tri âm, đồng điệu. Song điều đó không phải là dễ có. Mỗi người đọc, do tuổi đời, kinh nghiệm sống, quan niệm và thị hiếu của mình, sẽ cảm thụ, đánh giá tác phẩm theo một kiểu riêng. Trong độc giả sẽ có một số người cùng suy nghĩ theo cách này, một số khác lại suy nghĩ cách kia. Đó là một lí do có thể dẫn đến các ý kiến khen chê khác nhau về tác phẩm. Một lí do khác nữa, tác phẩm văn học, nhất là các tác phẩm hay, sâu sắc và độc đáo, thường chứa đựng nội dung rất phong phú, nhiều mặt, thể hiện trong những hình tượng *nhiều lớp, nhiều nghĩa*; đây là cơ sở cho những cách cảm thụ khác nhau.

Hơn nữa, tiếp nhận văn học cũng là một hoạt động *phức tạp, có nhiều mức độ*. Có người khi đọc thơ chỉ cảm nhận được nhạc điệu và những hình ảnh đẹp đẽ của thơ chứ chưa hiểu hết ý tưởng của tác giả. Có người khi đọc truyện chỉ chú ý đến cốt truyện, đến những tình huống hấp dẫn chứ không thích quan tâm đến chiều sâu nhận thức và tư tưởng của tác phẩm, đến đủ cả ba mặt của nội dung[1]. Hơn nữa, muốn cảm nhận được cái hay cái đẹp của tác phẩm, người đọc phải có sự rung động với tác phẩm, bởi vì nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng không phải chỉ là lĩnh vực để *hiểu* mà còn để *cảm*. Không những thế, họ còn *phải có vốn sống, sự từng trải, thế giới tinh thần phong phú*,… đồng thời, *phải có hiểu biết nhất định về văn học* (chẳng hạn: hiểu bản chất, đặc trưng của văn học, được trang bị những tri thức về tác phẩm,...). 4

4 Sự khác biệt, đa dạng trong tiếp nhận văn học có tạo cơ hội thuận lợi cho việc chuyển thể tác phẩm nghệ thuật không?

(In trong *Văn học 12*, tập hai, Lương Duy Trung – Hoàng Ngọc Hiến – Hoàng Nhân – Lê Ngọc Trà, NXB Giáo dục, 1992, tr. 119 – 133)

Trả lời câu hỏi

1. Ngôn ngữ trong tác phẩm văn học có đặc điểm gì và các đặc điểm đó có quan hệ với nhau như thế nào?

[1] Ba mặt nội dung của tác phẩm văn học quan hệ mật thiết với nhau, gồm: a. thể hiện cái nhìn và sự cảm nhận của nhà văn về hiện thực (đặc biệt là cái nhìn vào đời sống của con người); b. thể hiện ý nghĩ, quan niệm của nhà văn (liên quan đến triết lí về vũ trụ, nhân sinh; tư tưởng chính trị; quan niệm đạo đức; quan niệm thẩm mĩ;...); c. thể hiện tình cảm, thái độ của nhà văn (giãi bày tâm trạng, bộc lộ cảm xúc, bày tỏ tình yêu hay sự bất bình, nỗi khát khao hay niềm tuyệt vọng,...).

2. Theo bạn, việc chuyển thể tác phẩm nghệ thuật từ văn học có đòi hỏi sự gắn bó chặt chẽ giữa "sự hình thành các ý tưởng" và việc "thể hiện chúng bằng ngôn ngữ" hay không? Vì sao?

3. Từ nhận định: "Những sáng tác văn học bao giờ cũng đòi hỏi có người đọc, và cho đến khi tác phẩm được công bố, được nhiều người tiếp nhận thì quá trình sáng tạo mới được xem là hoàn tất, đầy đủ", bạn có suy nghĩ gì về vai trò của người đọc nói chung, trong đó có người đọc là (các) tác giả chuyển thể tác phẩm nghệ thuật từ văn học?

Mỗi tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học là một tác phẩm khác, là tiếng nói của chủ thể tác giả khác, bằng chất liệu, ngôn ngữ nghệ thuật khác; đều là kết tinh của một quá trình sáng tạo theo quy luật, nguyên tắc của lĩnh vực, thể loại mới để sống đời sống của chính nó. Đó cũng chính là những đặc điểm hay sự thay đổi mang tính quy luật của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.

Tác phẩm văn học có nhiều tầng nghĩa, nhiều "khoảng trống" nên thường có nhiều không gian cho người đọc đồng sáng tạo khi tiếp nhận tác phẩm. Đến với tác phẩm văn học, mỗi người có cách đọc riêng. Theo cách đọc tác phẩm và tài năng chuyên môn riêng của mình, người nghệ sĩ tìm thấy ở tác phẩm văn học tiềm năng cải biên, chuyển thể thành tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật mới.

Cùng một tác phẩm văn học có thể có nhiều tác phẩm nghệ thuật chuyển thể; cơ hội sáng tạo, đồng sáng tạo dành cho nghệ sĩ là rất nhiều và rất đa dạng.

III. Mục đích, yêu cầu của việc tìm hiểu, giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Nhóm câu hỏi thứ ba cần trả lời ở mục này là: *Mục đích chính của việc tìm hiểu, giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học là gì? Cần xem xét tác phẩm nghệ thuật chuyển thể trong tương quan như thế nào với tác phẩm văn học được chuyển thể?*

Văn bản 2

VĂN HỌC – ĐIỆN ẢNH, HÀNH TRÌNH CHUNG VÀ RIÊNG

Đào Lê Na[1]

Mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh và sự chuyển hoá những tác phẩm văn học thành tác phẩm điện ảnh không phải là vấn đề mới mẻ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trong nước vẫn thường xem xét mối quan hệ này dựa trên những tác phẩm cụ thể hơn là đi sâu vào hệ thống lí thuyết. Đầu thế kỉ XX, lí thuyết cải biên đã có những bước phát triển đáng kể... Từ đó, những vấn đề của văn học và điện ảnh được đưa ra soi chiếu một cách triệt để hơn nhằm giúp cho độc giả và khán giả

[1] *Đào Lê Na*: tiến sĩ, nhà nghiên cứu điện ảnh và văn học, giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

nhận thấy được những nét riêng biệt trong từng loại hình cũng như sự tác động qua lại lẫn nhau giữa hai loại hình này.

1. Ngôn từ, hình ảnh và sự chuyển hoá

Mặc dù văn học dựa trên chất liệu chính là ngôn từ, điện ảnh dựa trên chất liệu chính là hình ảnh nhưng giữa ngôn từ và hình ảnh không hề có sự tách biệt mà giao thoa, bổ sung lẫn nhau. Trong văn học vẫn có những hình ảnh được gợi lên từ ngôn từ và trong điện ảnh vẫn có sự xuất hiện của ngôn từ để làm rõ nghĩa cho hình ảnh. Chính vì vậy, hai loại hình nghệ thuật này gắn bó mật thiết với nhau trong hành trình hiển lộ bản thân với tư cách là một loại hình nghệ thuật.

Kể từ khi ra đời đến nay, điện ảnh dù gắn với hình ảnh nhưng ngôn từ vẫn đóng vai trò quan trọng. Các bộ phim, dù là phim câm cũng có những lời trần thuật, hoặc lời thoại viết xen giữa các cảnh. Ví dụ, trong bộ phim *Đứa trẻ* (*The Kid*) của Sác-lô, cảnh hai cha con nói chuyện với nhau sẽ bị ngắt quãng bằng dòng chữ trên màn hình đen: "Con có biết những con phố mà chúng ta đã làm việc hôm nay không?".

Ngôn từ trong phim xuất hiện ngày càng nhiều. Những lời thoại, những đoạn độc thoại nội tâm và những tiếng ngoài hình (voice over) dường như không thể thiếu trong các bộ phim hiện đại. Một minh chứng rõ ràng nhất để thấy sự liên quan đến ngôn từ trong điện ảnh là hầu hết các bộ phim đều được quay trên những kịch bản đã được viết ra trước đó. Như vậy, văn học và điện ảnh tuy có những đặc trưng loại hình riêng nhưng vẫn có những sự giao thoa nhất định dựa trên chất liệu của chúng. Cầu nối rõ ràng nhất của văn học và điện ảnh chính là những bộ phim cải biên từ văn học, dựa trên chất liệu có trước là văn học. Tuy nhiên, cũng chính việc dựa vào chất liệu có trước này mà mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh thường bị xem là không đồng đẳng và tác phẩm cải biên hay bị xem là không trung thành với tác phẩm văn chương mà nó cải biên…

Khi nói đến những bộ phim dựa trên chất liệu là các tác phẩm văn chương, lâu nay trong điện ảnh Việt Nam vẫn sử dụng thuật ngữ chuyển thể với hai mức độ phổ biến là: chuyển thể trung thành với nguyên tác văn học và chuyển thể tự do. Chuyển thể trung thành với nguyên tác văn học còn được gọi là dựa theo, trong đó "nhà biên kịch bám sát đường dây câu chuyện, tôn trọng cấu trúc thậm chí cả hình thức của tác phẩm văn học gốc"[1]. Những bộ phim chuyển thể trung thành theo nguyên tác còn được gọi là phim minh hoạ cho tác phẩm văn học. Mức độ chuyển thể thứ hai thường được gọi là phỏng theo, trong đó "nhà biên kịch lựa chọn trong tác phẩm gốc những yếu tố thích hợp theo cách nhìn của mình, hoặc theo ý muốn của nhà sản xuất để đưa lên phim"[2]. Mức độ chuyển thể này khá phổ biến để các nhà làm phim tự do thoải mái thể hiện sự sáng tạo của mình qua việc đọc và tiếp nhận nội dung, ý nghĩa từ tác phẩm văn học. Vậy, nếu chỉ xét riêng về những tác phẩm điện ảnh có lấy chất liệu từ tác phẩm văn học thì nội hàm của thuật ngữ chuyển thể theo

[1, 2] Phan Bích Thuỷ, *Từ tác phẩm văn học đến tác phẩm điện ảnh*, NXB Mĩ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 190, 197.

cách hiểu truyền thống của điện ảnh Việt Nam và thuật ngữ cải biên trong giới hạn nghiên cứu từ tác phẩm văn học đến tác phẩm điện ảnh là gần tương đương nhau. Tuy nhiên, nếu mở rộng ra những bộ phim dựa trên những câu chuyện có thật từ đời sống hoặc lấy ý tưởng từ những tác phẩm nghệ thuật khác như hội hoạ, điêu khắc thì chỉ có thuật ngữ phim cải biên tiếp tục được sử dụng.

Trong kỉ nguyên mới, với sự phong phú của các hệ thống lí thuyết, […] tác phẩm cải biên đã được xem xét và đánh giá lại như là một cách đọc khác của các nhà làm phim đối với tác phẩm văn học và là một sự đồng sáng tạo, tái sáng tạo trong dòng chảy vô cùng vô tận của liên văn bản.

2. Xử lí khái niệm và gợi tưởng tượng

Mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh còn thể hiện ở việc xử lí khái niệm và khả năng khơi gợi tưởng tượng cho người đọc, người xem. Ở bài viết *Mười hai sai lầm trong lí thuyết cải biên đương đại*, tác giả Thô-mát Lây-chơ (Thomas Leitch) đã chỉ ra quan điểm sai lầm mà các nhà nghiên cứu thường mắc phải khi cho rằng: "Tiểu thuyết xử lí khái niệm, phim xử lí cảm thức"[1]. Rõ ràng, theo cách nhìn thông thường, khái niệm được lọc qua ngôn ngữ nên sẽ gắn với văn chương, cảm thức tiếp nhận hình ảnh nên sẽ gắn với điện ảnh. Tuy nhiên, như trên đã nói, người ta không thể gói gọn văn bản văn chương trong ngôn từ và phim là hình ảnh bởi mối quan hệ của chúng phức tạp hơn nhiều. Chúng ta sẽ không thể nào giải mã được những bộ phim noir[2], những bộ phim siêu thực[3] nếu chúng ta không biết đến khái niệm noir, khái niệm siêu thực. Vậy, khái niệm mà ngôn từ gợi ra là cơ sở để giải mã những hình ảnh bí ẩn trong phim. Do đó, có thể nói rằng, khái niệm là một cầu nối giữa văn chương và điện ảnh.

Ngoài việc xử lí khái niệm, khả năng khơi gợi tưởng tượng cho người đọc, người xem cũng cho thấy sự tương quan rất rõ ràng giữa văn học và điện ảnh. Quan điểm nghiên cứu cải biên truyền thống đề cao vai trò của tác phẩm văn chương hơn điện ảnh vì cho rằng sức mạnh của ngôn từ khơi gợi trí tưởng tượng nhiều hơn. Điện ảnh đã đưa ra những hình ảnh khá rõ ràng nên việc giải mã tác phẩm sẽ bị bó hẹp, trí tưởng tượng của người xem sẽ bị phá hỏng giống như việc anh ta bị áp đặt bởi một hình ảnh Gát-xơ-bi (Gatsby) do Lê-ô-na-đô Đi Cáp-ri-ô (Leonardo Di Caprio) đóng chứ không phải mường tượng về nhân vật này như những gì mà tác phẩm của Scốt Phít-giơ-rô (F. Scott Fizgerald) gợi ra. Để biện minh cho điều này, Thô-mát Lây-chơ trong bài viết *Cải biên và liên văn bản, hay cái gì không phải là cải biên và vấn đề là gì?* đã đưa ra khái niệm đối tả (ekphrasis). Đối tả là sự mô tả mang tính văn chương hoặc nhận xét về một tác phẩm nghệ thuật thị giác[4]. Ở đây, có thể dẫn ra ví dụ về một

---

[1] Lawrence Venuti, *Adaptation, Translation, Critique*, Journal of Visual Culture, Sage Publications, 2007.

[2] *Phim noir* (hay *phim đen*; tiếng Pháp: *film noir*): thuật ngữ điện ảnh dùng để mô tả các phim tội phạm Hô-li-út (Hollywood), nhất là các phim nhấn mạnh thái độ hoài nghi và động lực liên quan đến tình dục.

[3] *Phim siêu thực*: thuật ngữ chỉ loại phim dùng yếu tố siêu thực (kì dị, bí ẩn, phi logic,…).

[4] Ray Frensham, *Tự học viết kịch bản phim*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2011, tr. 440, 441.

bức hoạ rất nổi tiếng *Mô-na Li-sa* (*Mona Lisa*) của Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci). Lâu nay, người ta cứ nghĩ rằng, những câu chữ trên trang giấy khi được cải biên thành một hình ảnh cụ thể nào đó, một nhân vật thực thụ sống động nào đó sẽ làm giảm đi rất nhiều ý nghĩa thực sự của tác phẩm. Tuy nhiên, người ta lại không nghĩ theo trường hợp ngược lại. Chỉ với một bức hoạ vẽ một người phụ nữ với nụ cười mỉm nhưng không có ngôn từ nào có thể miêu tả được đầy đủ ý nghĩa những điều mà bức hoạ này gợi ra. Đây rõ ràng là sự bất lực của ngôn từ trong việc miêu tả hình ảnh.

Tác phẩm của Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi đã khiến cho giới phê bình nghệ thuật tốn không biết bao nhiêu giấy mực để miêu tả, giải mã và tán dương nó. Tuy nhiên, tất cả những ngôn từ miêu tả, hay lời giải đều không làm hài lòng người xem và bức hoạ vẫn tiếp tục mời gọi sự tưởng tượng và khám phá, thậm chí là giễu nhại của nhiều thế hệ. Như vậy, chúng ta không thể cho rằng, hình ảnh giết chết trí tưởng tượng của con người. Rõ ràng, một hình ảnh có thể đem đến nhiều cách giải mã khác nhau và không ngôn từ nào có thể giải thích được hết. Thế nên, cảnh phim có thể khiến người xem luận giải theo những hướng khác nhau để giải thích cho hành động nhân vật hoặc giải mã ý nghĩa của bộ phim. Tạo hình của nhân vật cũng có thể làm người xem liên tưởng đến những nhân vật khác của cùng diễn viên đó hoặc những nhân vật có tạo hình tương tự. Đó chính là sức mạnh của liên văn bản trong điện ảnh.

Tài liệu tham khảo

1, 2. Phan Bích Thuỷ, *Từ tác phẩm văn học đến tác phẩm điện ảnh*, NXB Mĩ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.

3, 6. Lawrence Venuti, *Adaptation, Translation, Critique*, Journal of Visual Culture, Sage Publications, 2007.

4. Ray Frensham, *Tự học viết kịch bản phim*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2011.

5. Timothy Corrigan, *Điện ảnh và văn học*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2013.

7. Thomas Leitch, *Film Adaptation & Its Discontents – From Gone with the Wind to The Passion of Christ*, Baltimore: The John Hopkins University Press, 2007.

(In trong tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 376, tháng 10/2015, *http://redsvn.net/van-hoc-dien-anh-hanh-trinh-chung-va-rieng2/*)

Trả lời câu hỏi

1. Bạn hiểu thế nào là "ngôn từ trong phim truyện"? Vì sao có hiện tượng "ngôn từ xuất hiện ngày càng nhiều trong phim truyện"? Điều đó giúp bạn rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật điện ảnh?
2. Dựa vào bài viết, phân biệt "chuyển thể trung thành" và "chuyển thể tự do". Theo tác giả bài viết, trong trường hợp nào thì cần dùng thuật ngữ "cải biên" thay cho thuật ngữ "chuyển thể"?

Chân trời sáng tạo

3. Tìm hiểu về bức danh hoạ *Mô-na Li-sa* của Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi và cho biết bạn có đồng tình với ý kiến của tác giả bài viết, rằng: "… bức hoạ vẽ một người phụ nữ với nụ cười mỉm nhưng không có ngôn từ nào có thể miêu tả được đầy đủ ý nghĩa những điều mà bức hoạ này gợi ra"? Vì sao?

4. Bạn có suy nghĩ gì khi tác giả bài viết cho rằng: Nghiên cứu chuyển thể tác phẩm nghệ thuật từ văn học phải "nhằm giúp cho độc giả và khán giả nhận thấy được những nét riêng biệt trong từng loại hình cũng như sự tác động qua lại lẫn nhau giữa hai loại hình này"?

Hoạt động chuyển thể được hiểu như một dạng thức cải biên, là "một quá trình cụ thể liên quan tới việc chuyển đổi tác phẩm từ một loại hình nào đó thành loại hình khác, chẳng hạn chuyển đổi tiểu thuyết thành phim, kịch thành nhạc, kịch hoá văn xuôi tự sự và văn xuôi tiểu thuyết, hoặc những chuyển đổi ngược của việc làm phim thành văn xuôi".

Tác phẩm nghệ thuật chuyển thể là kết quả của hoạt động chuyển thể. Sau quá trình chuyển thể, (các) tác giả chuyển thể có quyền đứng tên và là chủ sở hữu tác phẩm nghệ thuật cùng với tác giả văn học.

Tìm hiểu, giới thiệu việc chuyển thể tác phẩm nghệ thuật từ văn học phải "nhằm giúp cho độc giả và khán giả nhận thấy được những nét riêng biệt trong từng loại hình cũng như sự tác động qua lại lẫn nhau giữa hai loại hình này".

IV. Thực hành

Bài tập 1

Kẻ bảng dưới đây vào vở và nêu ví dụ về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học mà bạn tìm hiểu/ sưu tầm được:

Lĩnh vực nghệ thuật/ thể loại	Tên tác phẩm nghệ thuật – tác giả	Tên tác phẩm văn học/ thể loại/ tác giả	Ghi chú
Âm nhạc (ca khúc)			
Hội hoạ (tranh vẽ)			
Điện ảnh (phim truyện)			
Sân khấu (chèo, tuồng, cải lương, kịch nói)			
Lĩnh vực/ loại hình nghệ thuật khác			

Chân trời sáng tạo

Bài tập 2

So sánh một bài hát chuyển thể từ thơ với tác phẩm thơ hoặc so sánh một bộ phim chuyển thể từ truyện với tác phẩm truyện (có thể chọn một trong các trường hợp nêu ở Bài tập 1). Chỉ ra:

a. Điểm tương đồng rõ nhất về chủ đề/ cảm hứng giữa hai tác phẩm.

b. Một số điểm khác biệt có tính sáng tạo đáng ghi nhận của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể so với tác phẩm văn học được chuyển thể.

Phần thứ hai

YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC VIẾT BÀI GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT ĐƯỢC CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

Yêu cầu đối với bài giới thiệu

Khi viết giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học, người viết cần kết hợp lí lẽ, bằng chứng với các thông tin liên quan đến tác phẩm văn học, tác phẩm chuyển thể từ văn học để giới thiệu, làm rõ những giá trị, đóng góp mới của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể trong mối liên hệ với tác phẩm văn học được chuyển thể.

Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học gồm nhiều dạng khác nhau, cần có những lưu ý riêng trong cách thực hiện từng dạng thức bài viết. Đặc biệt là các dạng: 1. Bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật là kết quả sáng tạo của cá nhân nghệ sĩ như bài hát, bức tranh chuyển thể từ văn học; 2. Bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật là kết quả sáng tạo của tập thể nghệ sĩ như một bộ phim, một tác phẩm sân khấu tổng hợp.

Yêu cầu về bố cục và cách thức thực hiện một số dạng bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Dưới đây là những lưu ý đối với hai dạng viết bài giới thiệu thường gặp

Dạng 1: Dàn ý (bố cục) bài viết giới thiệu tác phẩm âm nhạc (bài hát), hội hoạ (bức tranh) do cá nhân nghệ sĩ chuyển thể từ tác phẩm văn học

– *Mở bài*: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và tác phẩm văn học được chuyển thể (chẳng hạn: thông tin về tên tác giả, tác phẩm nghệ thuật âm nhạc (bài hát), hội hoạ (bức tranh) chuyển thể và tên tác giả, tác phẩm văn học).

– *Thân bài*: Lần lượt giới thiệu/ so sánh về hai tác phẩm: công việc/ quá trình chuyển thể (xử lí khác biệt về ngôn ngữ nghệ thuật, kĩ thuật biểu đạt giữa hai loại

hình); những điểm gặp gỡ tương đồng, khác biệt giữa tác giả chuyển thể tác phẩm âm nhạc (bài hát), hội hoạ (bức tranh) và tác giả tác phẩm văn học được chuyển thể. Trường hợp giới thiệu tập trung vào một vấn đề (sự gặp gỡ tri âm) trong việc chuyển thể (dạng 2); tuỳ theo mục đích yêu cầu của bài giới thiệu.

– *Kết bài*: Nhận định chung về thành công, hạn chế hay khác biệt quan trọng (nếu có).

I. Đọc ngữ liệu tham khảo

Đọc ngữ liệu 1

CẢM XÚC CHUNG CỦA HAI NGHỆ SĨ TẠO NÊN *EM ƠI HÀ NỘI PHỐ*

Linh Khánh

Từ những câu thơ trong bản trường ca "Em ơi Hà Nội phố", những cảm xúc chung, những nhịp đập chung của nhạc sĩ Phú Quang[1] *và nhà thơ Phan Vũ*[2] *đã làm nên ca khúc bất hủ, nay đã trở thành một trong những bài "Hà Nội ca" đình đám. Cả nhà thơ Phan Vũ và nhạc sĩ Phú Quang nay đều đã đi xa, nhưng "Em ơi Hà Nội phố" thì còn mãi.*

1 Mở đầu bài viết, tác giả đã nêu những thông tin gì?



Nhạc sĩ Phú Quang đệm đàn cho ca sĩ Thu Minh trong buổi ra mắt album của ca sĩ vào năm 2017

[1] *Phú Quang* (1949 – 2021): tên khai sinh là Nguyễn Phú Quang, là nhạc sĩ, quê gốc ở làng Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội, sinh ra trong một gia đình có truyền thống âm nhạc, có nhà ở phố Khâm Thiên. Sáng tác của Phú Quang chủ yếu là tình ca, những bài hát trữ tình viết về Hà Nội. Ngoài ra, ông còn sáng tác khí nhạc (nổi bật là *Khát vọng* và *Tình yêu của biển*) và nhạc phim (*Bao giờ cho đến tháng Mười, Vị đắng tình yêu*),...

[2] *Phan Vũ* (1926 – 2019): tên thật Trần Hồng Hải, là nhà thơ, nhà soạn kịch, đạo diễn phim kiêm hoạ sĩ, quê cha ở Đà Nẵng, quê mẹ ở Hải Phòng; từng có nhiều thành tựu về sân khấu và điện ảnh, là tác giả của nhiều tác phẩm được công chúng ái mộ như: vở kịch *Lửa cháy lên rồi* (giải thưởng Văn học năm 1955), *Thanh gươm và Bà mẹ*, kịch bản phim *Dòng sông âm vang*,...; từng là đạo diễn các phim: *Người không mang họ*, *Bí mật thành phố cấm*, *Như một huyền thoại* (phim về nữ anh hùng Võ Thị Sáu),... Bài thơ dài *Em ơi! Hà Nội phố* của ông được sáng tác trong vòng 10 ngày của tháng Chạp năm 1972 – thời gian mà tất cả quân và dân Thủ đô đang phải gồng mình lên chiến đấu chống lại bom đạn B52 của không lực Hoa Kỳ – cả Hà Nội gầm rung đến tận ngõ phố, ngôi nhà và cả trong tâm trí của mỗi người.

Em ơi Hà Nội phố là tập trường ca của nhà thơ Phan Vũ, sáng tác năm 1972, khi Hà Nội đang ở trong giai đoạn căng thẳng nhất của chiến tranh, bị máy bay Mỹ leo thang đánh phá. Bài thơ gồm 443 câu, chia làm 21 đoạn. Nhà thơ viết về những ngày máy bay B52 Mỹ ném bom bắn phá Hà Nội, nhà ông ở phố Hàng Bún, gần nhà máy điện Yên Phụ. 2a

2a Ở đoạn này, tác giả đã nêu những thông tin gì?

Những sự kiện trong tháng 12 năm đó đã để lại một rãnh sâu đậm trong kí ức của nhà thơ. Bài thơ *Em ơi Hà Nội phố* cứ thế hiện dần, với quá khứ được đẩy lùi về trước đó, êm đềm, buồn dìu dịu, mà thấm đẫm những kỉ niệm ngọt ngào, mềm mại. Đây cũng là bài thơ duy nhất về Hà Nội của nhà thơ Phan Vũ, mặc dù ông sáng tác rất nhiều. Bài hát của nhạc sĩ Phú Quang trích 21 câu, nhưng toát lên toàn bộ cảm xúc, tình cảm, nỗi nhớ, sự hoài niệm về Hà Nội những tháng năm xưa.

Bài thơ từng được nhà thơ Phan Vũ đọc ở nhiều nơi, và cũng nhiều người xin chép lại, được truyền miệng qua nhiều người, và mỗi lần như vậy, lại thay đổi một chút. Thập niên 80, một lần, ba người con của Hà Nội là nhạc sĩ Phú Quang, nhà thơ Phan Vũ và nhạc sĩ Trần Tiến gặp nhau tại một sân khấu tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà thơ Phan Vũ cao hứng đọc *Em ơi Hà Nội phố* cho nhạc sĩ Phú Quang nghe.

Từ những giây phút đầu tiên nghe nhà thơ đọc, nhạc sĩ Phú Quang đã tìm thấy những cảm xúc chung, từ trái tim của một người con Hà Nội xa quê. Và ông đã nói với nhà thơ Phan Vũ là sẽ phổ nhạc cho bài thơ này, theo cách của mình. 21 câu thơ tiêu biểu nhất, đậm nét Hà Nội, có thể vẽ ra cho bất cứ ai hình dung về Hà Nội, đã được nhạc sĩ lựa chọn. Và thế là *Em ơi Hà Nội phố* ra đời.

Những cảm xúc chung của hai nghệ sĩ, hai người con xa Hà Nội đã gặp nhau ở cùng một ca khúc. Một Hà Nội của quá khứ đã lùi xa ngay cả với thời điểm bài thơ ra đời. Một Hà Nội êm đềm và mang những vẻ đẹp tiêu biểu nhất, đến mức ai chưa từng đến Hà Nội cũng có thể hình dung ra nơi này qua từng lời bài hát. Từ "mùi hoàng lan, mùi hoa sữa, con đường vắng"... cho đến "cây bàng mồ côi mùa đông, tiếng dương cầm trong căn nhà đổ, tiếng chuông ngân, một chiều phai tóc em bay". Một Hà Nội trong những cảm xúc về những bóng hồng trong hoài niệm. Những ai yêu Hà Nội, những ai đã đến Hà Nội, những ai chưa đặt chân đến bao giờ, đều biết đến bài hát, thậm chí thuộc lòng, và đều "thấy" được Hà Nội qua lời ca. 2b

2b Việc đề cập đến những gặp gỡ trong cảm xúc giữa nhạc sĩ với nhà thơ có tác dụng gì?

Bài hát ra đời năm 1986. Năm 1987, ca sĩ Lệ Thu là người đầu tiên được nhạc sĩ Phú Quang chọn thể hiện ca khúc và phát trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam. Ca khúc ngay lập tức đã được đông đảo thính giả yêu mến và ca sĩ Lệ Thu cũng trở thành giọng ca được yêu thích lúc bấy giờ. Điều đặc biệt, ca khúc đã khiến cho tên tuổi nhạc sĩ Phú Quang được biết đến như một trong những nhạc sĩ viết về Hà Nội hay nhất.

Chân trời sáng tạo

Em ơi Hà Nội phố cũng được rất nhiều ca sĩ nhiều thế hệ, từ trong Nam đến ngoài Bắc thể hiện, từ những giọng ca đình đám như Nghệ sĩ Nhân dân Lê Dung, Hồng Nhung, Thanh Lam, Mỹ Linh, Ngọc Tân, Cẩm Vân, Bằng Kiều, Nghệ sĩ Ưu tú Tấn Minh,… cho đến những ca sĩ trẻ như Đức Tuấn, Phạm Thu Hà, Phạm Anh Khoa,… Một số giọng ca Việt kiều cũng từng thể hiện *Em ơi Hà Nội phố* như Khánh Ly, Tuấn Ngọc,…2c

2c Việc đề cập đến các ca sĩ cần thiết như thế nào? Đây có phải là yêu cầu riêng khi giới thiệu bài hát phổ thơ không?

Nhạc sĩ Phú Quang còn có nhiều ca khúc khác nữa viết về Hà Nội, như *Im lặng đêm Hà Nội, Chiều phủ Tây Hồ, Hà Nội ngày trở về, Lãng đãng chiều đông Hà Nội*,… Có những ca khúc không hề nhắc đến Hà Nội, nhưng khi cất lên, ai cũng hiểu rằng nhạc sĩ đang nói về thành phố thương nhớ của mình, như *Về lại phố xưa, Nỗi nhớ mùa đông*,... Ca khúc nào cũng nổi tiếng, cũng được nhiều người nghe yêu mến, nhưng những cảm xúc đặc biệt về Hà Nội như trong *Em ơi Hà Nội phố* của hai nghệ sĩ Phan Vũ và Phú Quang thì chỉ có một. 2d

2d Việc liên hệ, so sánh cần thiết cho bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học như thế nào?

Hai tâm hồn có chung một nhịp rung của *Em ơi Hà Nội phố* ấy, nay đều đã trở thành "một màu xanh thời gian" mãi mãi. Nhà thơ Phan Vũ ra đi ngay trước thềm mùa thu (tháng 7/2019), còn nhạc sĩ Phú Quang ở lại mãi với mùa đông, mùa mà Hà Nội đem lại nhiều cảm xúc nhất cho ông. Ông chia tay bạn yêu nhạc vào những ngày Hà Nội đón những cơn gió lạnh và "cái rét đầu đông", ngày 08/12/2021, trong vòng tay của thành phố mà ông mãi yêu thương. 3

3 Tác giả kết bài theo cách nào? Cách kết bài như vậy mang lại hiệu quả gì?

(Nguồn: *https://nhandan.vn/cam-xuc-chung-cua-hai-nghe-si-tao-nen-em-oi-ha-noi-pho-post677545.html*)

Chân trời sáng tạo

Trả lời câu hỏi

1. Ngữ liệu 1 giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể của ai, từ tác phẩm văn học nào? Đoạn mở bài có cung cấp cho người đọc những thông tin cần thiết theo yêu cầu của phần mở bài không? Nêu nội dung chính của phần kết bài.
2. Tóm tắt ý chính của bài viết, từ đó nêu nhận xét về bố cục của bài viết.
3. Tác giả đã giới thiệu quá trình sáng tác và chuyển thể từ thơ thành bài hát như thế nào? Xác định một số biểu hiện của sự gặp gỡ "tri âm" giữa hai tác giả (Phú Quang – Phan Vũ) và những điểm sáng tạo đáng ghi nhận của nhạc sĩ Phú Quang khi phổ nhạc bài thơ.
4. Tác giả đã trình bày bằng chứng theo những cách thức nào?
5. Phương pháp phân tích – tổng hợp và phương pháp so sánh đã được sử dụng như thế nào trong ngữ liệu trên?

Dạng 2: Dàn ý bài viết giới thiệu tác phẩm nghệ thuật sân khấu, điện ảnh chuyển thể từ tác phẩm văn học

– *Mở bài:*

+ *Với tác phẩm điện ảnh* (bộ phim): Giới thiệu tác giả, tác phẩm (thông tin về nhóm tác giả/ tên tác giả kịch bản phim truyện, đạo diễn, nhóm diễn viên, nhà sản xuất và tác phẩm/ nhóm tác phẩm văn học được chuyển thể).

+ *Với tác phẩm sân khấu* (nhạc kịch ba-lê, cải lương, tuồng, chèo, múa rối,…): Giới thiệu tác giả, tác phẩm (thông tin về nhóm tác giả/ tên tác giả kịch bản sân khấu, đạo diễn, nhóm diễn viên, đoàn nghệ thuật và tác phẩm/ nhóm tác phẩm văn học được chuyển thể).

– *Thân bài:*

+ Lần lượt giới thiệu/ so sánh về hai tác phẩm: Công việc/ quá trình chuyển thể (xử lí khác biệt về ngôn ngữ nghệ thuật, kĩ thuật biểu đạt giữa hai loại hình); những điểm gặp gỡ tương đồng, khác biệt giữa tác giả chuyển thể tác phẩm âm nhạc (bài hát), hội hoạ (bức tranh) và tác giả tác phẩm văn học được chuyển thể.

+ Bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể có thể đặt trọng tâm ở so sánh chỉ ra những điểm tương đồng và/ sự khác biệt giữa hai tác phẩm. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải cho thấy được thành công và/ hạn chế (nếu có) trong việc sáng tạo, làm mới tác phẩm nghệ thuật bằng ngôn ngữ của loại hình nghệ thuật chuyển thể.

+ Trường hợp người viết giới thiệu tập trung vào một vấn đề (sự gặp gỡ tri âm) trong việc chuyển thể; tuỳ theo mục đích yêu cầu của bài giới thiệu:

• Đối với tác phẩm *chuyển thể trung thành*: Bài giới thiệu có thể chỉ tập trung thể hiện điểm tương đồng bằng ngôn ngữ nghệ thuật mới.

• Đối với tác phẩm *chuyển thể tự do*: Bài giới thiệu có thể chỉ tập trung thể hiện điểm khác biệt mang tính sáng tạo của tác giả/ nhóm tác giả chuyển thể (xuất phát từ cách đọc tác phẩm văn học khác biệt của tác giả/ nhóm tác giả cũng như sự khác biệt của ngôn ngữ nghệ thuật của loại hình nghệ thuật chuyển thể mà tác phẩm chuyển thể cần tuân thủ.

– *Kết bài*: Đưa ra nhận định chung về thành công, hạn chế hay những đóng góp khác biệt (nếu có) của tác phẩm tác giả/ nhóm tác giả chuyển thể.

Đọc ngữ liệu 2

NHỮNG VỞ BA-LÊ CỔ ĐIỂN CHUYỂN THỂ TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC[1]

Theo Lam Thu

Hồ Thiên Nga (Swan Lake), Sin-đơ-rê-la (Cinderella), Don Quixote, Người đẹp ngủ trong rừng (The Sleeping Beauty), Giselle, Kẹp hạt dẻ (The Nutcracker), Rô-mê-ô và Giu-li-ét,

[1] Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

La Bayadere, *Nàng tiên gió (La Sylphide)*, *Coppelia* là những tác phẩm ba-lê có sức sống, được yêu thích trên mọi sân khấu vũ kịch thế giới. Dưới đây là một số tác phẩm ba-lê chuyển thể từ văn học. 1

1 Tác giả mở bài theo cách nào? Cách mở bài như vậy mang lại hiệu quả gì?

Sin-đơ-rê-la

Tác phẩm của nhà soạn nhạc Séc-gây Prô-kô-phi-ép (Sergei Prokofiev) ra mắt những năm 1900 qua phần biên đạo của Rô-xti-láp Gia-kha-rốp (Rostislav Zakharov). Dù có nhiều phiên bản khác nhau, song nội dung các vở *Sin-đơ-rê-la* đều dựa trên truyện cổ tích *Cô bé lọ lem*. *Sin-đơ-rê-la* được đánh giá cao bởi âm nhạc đẹp, vũ đạo dí dỏm và lãng mạn. 2a

2a Tác giả kết đoạn theo cách nào? Cách kết đoạn như vậy mang lại hiệu quả gì?



Vở ba-lê *Sin-đơ-rê-la* dựa theo truyện cổ tích *Cô bé lọ lem*
(Nguồn: *https://www.shutterstock.com/*)

***Hồ Thiên Nga*[1]**

Nhắc tới nghệ thuật ba-lê, nhiều người nghĩ ngay tới vở *Hồ Thiên Nga*. Phần âm nhạc được viết vào khoảng năm 1875 – 1876 bởi nhà soạn nhạc P. Trai-cốp-xki. Đã có nhiều phiên bản *Hồ Thiên Nga* khác nhau, nhưng hầu hết các tác phẩm đều dựa trên bản năm 1895 của hai biên đạo Ma-ri-ốt Pê-ti-pa (Marius Petipa) và Lép I-va-nốp (Lev Ivanov). Vở ba-lê mẫu mực kể về câu chuyện tình yêu của công chúa Ô-đét (Odette) (người bị phù thuỷ biến thành thiên nga vào ban ngày và trở thành người vào ban đêm) với

[1] *Hồ Thiên Nga:* vở ba-lê số 20 của P. Trai-cốp-xki, sáng tác vào khoảng năm 1875 – 1876. Vở kịch được dựng dựa trên những truyện cổ tích Nga cũng như một truyền thuyết xa xưa của Đức, kể về Ô-đét, một nàng công chúa bị phù phép thành thiên nga. Là một tác phẩm tuyệt đối lãng mạn, chứa đựng triết lí về lời thề và sự phản bội, cuộc xung đột giữa cái đen tối, ác độc và cái trong trắng, thánh thiện, những cảnh hội hè luân phiên xen kẽ những cảnh bi kịch.

hoàng tử Sít-phơ-ri (Siegfried). Đằng sau những vũ điệu bay bổng, lãng mạn là triết lí về thề nguyện và hẹn ước, cái tốt đẹp chiến thắng cái xấu xa, sự hữu hạn và vô hạn của cuộc sống. 2b

2b Cách kết đoạn ở đây giống và khác cách kết đoạn khi giới thiệu *Sin-đơ-rê-la* (2a) như thế nào?



Vở ba-lê *Hồ Thiên Nga*
(Nguồn: *https://www.shutterstock.com/*)

Rô-mê-ô và Giu-li-ét

Dựa trên kịch của W. Sếch-xpia, vở ba-lê có phần âm nhạc được soạn bởi Séc-gây Prô-kô-phi-ép, biên đạo Lê-ô-nít Láp-rốp-xki (Leonid Lavrovsky). Tác phẩm được dựng năm 1935, công diễn bản hoàn thiện vào những năm 1938 tại Séc (Czech). Tới năm 1940, tác phẩm mới được diễn ở Nga và trở nên nổi tiếng. *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* trung thành với cốt truyện của W. Sếch-xpia, tái hiện bi kịch tình yêu thông qua những vũ điệu bay bổng. 2c

2c Chỉ ra câu kết đoạn và cho biết tác dụng của nó.



Rô-mê-ô và Giu-li-ét tái hiện bi kịch tình yêu bằng ba-lê
(Nguồn: *https://www.shutterstock.com/*)

(Lược trích từ bài *10 vở ba-lê cổ điển sống cùng thời gian, https://vnexpress.net/10-vo-ballet-co-dien-song-cung-thoi-gian-3256197.html*)

Chân trời sáng tạo

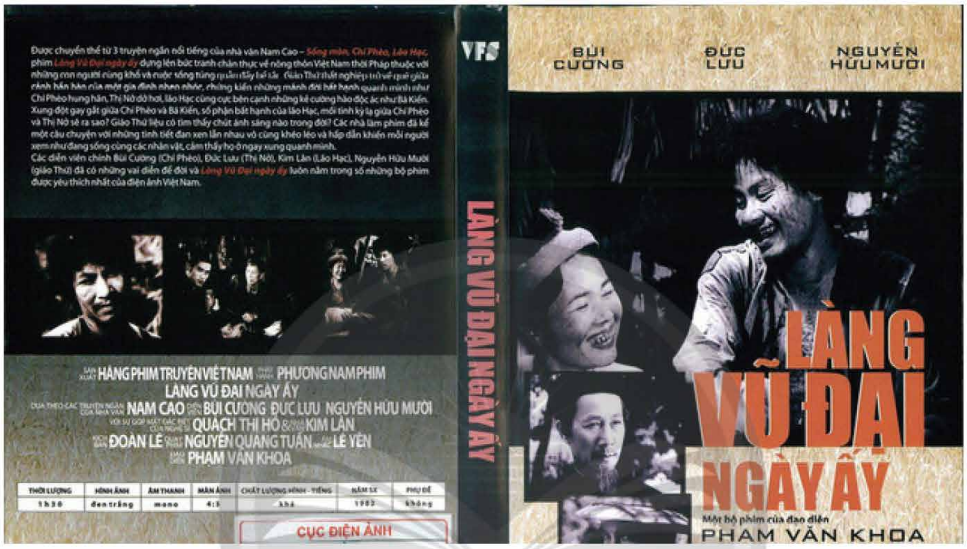
Đọc ngữ liệu 3

TÁC PHẨM KINH ĐIỂN *LÀNG VŨ ĐẠI NGÀY ẤY* TRỞ LẠI VỚI CHẤT LƯỢNG HD

Những nhân vật như Lão Hạc, Chí Phèo hay Thị Nở sẽ một lần nữa xuất hiện trước công chúng sau gần 40 năm.

Làng Vũ Đại ngày ấy là một bộ phim nổi tiếng được xếp vào hàng những tác phẩm kinh điển của điện ảnh Việt Nam thế kỉ XX. Tác phẩm này sản xuất vào năm 1982, dưới sự chỉ đạo của đạo diễn, Nghệ sĩ Nhân dân Phạm Văn Khoa. 1

1 Đoạn mở bài này nêu vấn đề gì và cung cấp những thông tin gì?



Bộ phim góp phần mang lại giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật cho đạo diễn – Nghệ sĩ Nhân dân Phạm Văn Khoa. Diễn viên Bùi Cường – người đảm nhận vai Chí Phèo – cũng nhận Huy chương Vàng hạng mục *Diễn viên chính xuất sắc nhất* trong Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 6 (1983). Và cho tới hiện tại, sau gần 40 năm phim được công chiếu, hầu hết các vai diễn trong phim như: giáo Thứ (diễn viên Hữu Mười), Chí Phèo (diễn viên Bùi Cường), Thị Nở (diễn viên Đức Lưu) và Lão Hạc (nhà văn Kim Lân) vẫn để lại những ấn tượng khó phai trong kí ức của nhiều thế hệ khán giả Việt Nam. 2a

2a Việc giới thiệu, cung cấp thông tin về đạo diễn và diễn viên chính có phải là bắt buộc khi giới thiệu phim chuyển thể không?

Kịch bản của bộ phim được nhà văn, nữ biên kịch Đoàn Lê chuyển thể từ ba tác phẩm độc lập của Nam Cao. Những nhân vật của ông: từ giáo Thứ đến Lão Hạc, từ Chí Phèo, Thị Nở đến Bá Kiến, Lý Cường,... được nhà biên kịch tài ba này quy tụ về trong một không gian văn hoá của làng Vũ Đại trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. 2b

2b Nếu không giới thiệu người soạn kịch bản phim có phải là một thiếu sót không?





Câu chuyện phim mang hơi hướng tự sự qua lời dẫn chuyện của giáo Thứ, người trở thành nhân chứng của những bi kịch khốn cùng ở ngôi làng ấy. Sự cùng quẫn, đời sống bế tắc, nghèo đói lại phải chịu sự hà hiếp, giày xéo của bọn quan lại, cường hào khiến cuộc đời người nông dân rơi vào cùng đường. Không chỉ vậy, phim còn khắc hoạ chân thực nỗi tuyệt vọng, cô độc của người già neo đơn (Lão Hạc) và cả những kẻ bị ức hiếp rồi trở thành lưu manh hoá như Chí Phèo, hay xấu xí, nhỡ nhàng, bị khinh rẻ như Thị Nở. 2c

2c Vì sao trong trường hợp bộ phim chuyển thể này cần giới thiệu người dẫn truyện?

Đặc biệt, *Làng Vũ Đại ngày ấy* cũng cho thấy tính đột phá táo bạo của đạo diễn, Nghệ sĩ Nhân dân Phạm Văn Khoa khi ông dám thực hiện những "cảnh nóng" mà không mấy đạo diễn ở Việt Nam thực hiện ở thời điểm đầu những năm 1980. 2d

2d Đây có phải là cách người viết tạo điểm nhấn khi giới thiệu sáng tạo mới của đạo diễn bộ phim không?

Những khán giả yêu thích bộ phim *Làng Vũ Đại ngày ấy* sẽ có cơ hội theo dõi một lần nữa tác phẩm điện ảnh kinh điển này với chất lượng HD trong Tuần phim Việt trên VTVGo. Bộ phim sẽ được chiếu vào 21 giờ hôm nay (21/12). 3

3 Người viết kết bài theo cách nào?

PV

(Nguồn: *https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri/tac-pham-kinh-dien-lang-vu-dai-ngay-ay-tro-lai-voi-chat-luong-hd-20201221102449 85.htm*)

Trả lời câu hỏi

1. Các bài viết (ngữ liệu 2 và ngữ liệu 3) trên đây giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể của ai, thuộc loại hình nghệ thuật gì, từ tác phẩm văn học nào? Đoạn mở bài của mỗi bài viết có cung cấp cho người đọc những thông tin cần thiết theo yêu cầu của phần mở bài không?
2. Tóm tắt ý chính của phần thân bài và kết bài trong mỗi bài viết, từ đó nêu nhận xét về bố cục của từng bài.

3. Tác giả đã giới thiệu quá trình sáng tác và chuyển thể từ truyện cổ, kịch bản văn học thành tác phẩm nhạc kịch hoặc từ truyện thành phim như thế nào? Xác định một số điểm sáng tạo đáng ghi nhận của các tập thể tác giả chuyển thể.

4. Nhận xét về cách kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ của tác giả mỗi bài viết (ngữ liệu 2 và ngữ liệu 3). Tác giả bài viết về tác phẩm phim truyện đã trình bày bằng chứng theo cách thức nào?

5. Phương pháp phân tích – tổng hợp và phương pháp so sánh đã được sử dụng như thế nào trong bài viết trên?

6. Bạn rút ra lưu ý gì khi cần giới thiệu nhiều tác phẩm nghệ thuật chuyển thể trong một bài viết ngắn?

Một số lưu ý:

• *Với dạng tác phẩm chuyển thể trung thành*: Cần tập trung làm rõ những điểm tương đồng giữa tác phẩm nghệ thuật và tác phẩm văn học, đồng thời chỉ ra việc chuyển thể.

• *Với dạng tác phẩm chuyển thể tự do*: Tập trung thể hiện điểm khác biệt mang tính sáng tạo của tác giả/ nhóm tác giả chuyển thể xuất phát từ ý tưởng, ý đồ chuyển thể.

• *Với bài viết chỉ yêu cầu giới thiệu vắn tắt về tác phẩm*: Chủ yếu nêu thông tin về tác giả, tác phẩm và đưa ra một số nhận định khái quát, cô đúc về giá trị/ đóng góp của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể. Ví dụ:

– "*Sin-đơ-rê-la* được đánh giá cao bởi âm nhạc đẹp, vũ đạo dí dỏm và lãng mạn" (về vở ba-lê *Sin-đơ-rê-la*).

– "Vở ba-lê mẫu mực kể về câu chuyện tình yêu của công chúa Ô-đét (người bị phù thuỷ biến thành thiên nga vào ban ngày và trở thành người vào ban đêm) với hoàng tử Sít-phơ-ri. Đằng sau những vũ điệu bay bổng, lãng mạn là triết lí về thề nguyện và hẹn ước, cái tốt đẹp chiến thắng cái xấu xa, sự hữu hạn và vô hạn của cuộc sống" (về vở ba-lê *Hồ Thiên Nga*).

– "*Rô-mê-ô và Giu-li-ét* trung thành với cốt truyện của W. Sếch-xpia, tái hiện bi kịch tình yêu thông qua những vũ điệu bay bổng" (về vở ba-lê *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*).

• *Với bài viết yêu cầu giới thiệu tổng quát về tác phẩm*: Cần giới thiệu khá đầy đủ về (các) phương diện chuyển đổi nghệ thuật từ tác phẩm văn học sang tác phẩm nghệ thuật hoặc sự gặp gỡ, "tri âm" giữa tác giả tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và tác giả tác phẩm văn học được chuyển thể (tham khảo bài viết *Cảm xúc chung của hai nghệ sĩ tạo nên "Em ơi Hà Nội phố"* của Linh Khánh).

• *Với bài viết yêu cầu giới thiệu chuyên sâu, có tính khoa học về tác phẩm*: Sử dụng nhiều tri thức chuyên môn chuyên ngành hay kiến thức văn hoá – nghệ thuật để diễn giải nghĩa/ ý nghĩa từ chất liệu, cấu trúc nghệ thuật mà nghệ sĩ dày công tìm tòi, sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật chuyển thể (tham khảo bài viết *Bức tranh*

một triệu USD của Việt Nam của Kiều Dương (*https://vnexpress.net/buc-tranh-mot-trieu-usd-cua-viet-nam-4057993.html*) viết về bức tranh sơn mài mang tên *Gióng* của Nguyễn Tư Nghiêm).

II. Hướng dẫn quy trình viết bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Đề bài:

Viết bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (bài hát, bức tranh, bộ phim,…) được chuyển thể từ tác phẩm văn học.

Bạn thực hiện bài viết này theo quy trình bốn bước như đã thực hiện khi làm bài phân tích, đánh giá về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật:

1. Chuẩn bị viết

2. Tìm ý, lập dàn ý

3. Viết bài

4. Xem lại và chỉnh sửa

Tuy nhiên, cần lưu ý những điểm khác biệt trong khi thực hiện một số công đoạn thao tác cụ thể phù hợp với yêu cầu viết bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (bài hát, bức tranh, bộ phim,…) được chuyển thể từ tác phẩm văn học.

• Khi thực hiện Bước 2. *Tìm ý, lập dàn ý*, bạn có thể nêu và trả lời một số câu hỏi như sau:

– Tác phẩm nghệ thuật thuộc loại hình nghệ thuật nào (âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh,…) và được chuyển thể theo dạng trung thành hay tự do? Những dấu hiệu nào giúp tôi nhận biết điều đó? Lựa chọn dạng chuyển thể như vậy, tác giả đã gặp thuận lợi, khó khăn gì?

– Tác phẩm nghệ thuật chuyển thể giữ lại những gì về chủ đề, cảm hứng, câu chuyện, hình tượng, xung đột, kết cấu,… của tác phẩm văn học? Việc giữ lại như vậy có ý nghĩa gì hoặc xuất phát từ (những) nguyên nhân nào?

– Tác phẩm nghệ thuật chuyển thể đã có những thay đổi, bổ sung, điều chỉnh gì về chủ đề, cảm hứng, câu chuyện, hình tượng, xung đột, kết cấu,… so với tác phẩm văn học? Việc thay đổi, bổ sung, điều chỉnh như vậy nhằm dụng ý gì hoặc xuất phát từ (những) nguyên nhân nào?

– …

• Để nắm vững thông tin về tác giả, tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và tác giả, tác phẩm văn học, bạn có thể dùng mẫu phiếu ghi chép dưới đây:

Chân trời sáng tạo

Loại thông tin	Tác phẩm nghệ thuật (bài hát/ bức tranh/ bộ phim/ ca kịch/ nhạc kịch/…)	Tác phẩm văn học (Thơ/ truyện/…)
Tên tác phẩm	Ví dụ: Bộ phim *Làng Vũ Đại ngày ấy.*	Ví dụ: – Các truyện ngắn: *Chí Phèo, Lão Hạc.* – Tiểu thuyết *Sống mòn.*
Tên tác giả/ (các) nhóm tác giả/ diễn viên/…	Ví dụ: – *Đạo diễn*: Nghệ sĩ Nhân dân Phạm Văn Khoa. – *Biên kịch*: Nữ nhà văn Đoàn Lê. – *Các diễn viên*: Bùi Cường: Chí Phèo; Đức Lưu: Thị Nở; Kim Lân (nhà văn): Lão Hạc;… – Sản xuất vào năm 1982. – Đã công chiếu trên 40 năm. – …	Ví dụ: – Nhà văn Nam Cao (tên khai sinh là Trần Hữu Tri). – Sáng tác trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. – …

• Lưu ý khi lập dàn ý: Tuỳ theo tác phẩm nghệ thuật thuộc dạng chuyển thể trung thành hoặc chuyển thể tự do, do một tác giả hay (các) nhóm tác giả chuyển thể để lập dàn ý giới thiệu cho phù hợp (xem mục *Tri thức về kiểu bài*).

• Lưu ý khi viết bài:

– Vận dụng phù hợp một số hiểu biết về văn học và ngành/ loại hình nghệ thuật của tác phẩm chuyển thể để phân tích, đánh giá trong khi giới thiệu tác phẩm; tránh xu hướng lấy tác phẩm văn học làm chuẩn mực khi nhận xét, đánh giá về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.

– Thường xuyên có sự so sánh, chỉ ra các điểm tương đồng, khác biệt có dụng ý, hoặc mang tính nguyên tắc/ quy luật giữa tác phẩm văn học (nguồn) và tác phẩm nghệ thuật (đích), trên cơ sở đó mà đánh giá thành công/ hạn chế của tác phẩm nghệ thuật.

• Khi xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm, bạn có thể dùng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài viết của mình; từ đó chỉnh sửa, rút kinh nghiệm để bài viết hoàn thiện hơn.

Chân trời sáng tạo

Bảng kiểm kĩ năng viết bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (bài hát, bức tranh, bộ phim,...) được chuyển thể từ văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Nhan đề	Nêu được tên tác phẩm, tác giả của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và khái quát được nội dung chính của bài viết.		
Mở bài	Nêu các thông tin liên quan về hai tác giả/ nhóm tác giả của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể và tác giả của tác phẩm văn học.		
	Nêu đánh giá, nhận định khái quát về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai luận điểm về: Việc chuyển thể/ những yếu tố của tác phẩm văn học được bảo lưu và những yếu tố nội dung sáng tạo của (các) tác giả chuyển thể/ dấu hiệu của sự gặp gỡ, "tri âm" giữa tác giả tác phẩm nghệ thuật với tác giả tác phẩm văn học.		
	Lập luận, lí giải để làm rõ những tương đồng/ khác biệt giữa hai tác phẩm dựa trên đặc trưng của loại hình nghệ thuật của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.		
	Sử dụng được bằng chứng thuyết phục, thông tin xác đáng khi phân tích, chứng minh ý tưởng, ý đồ nghệ thuật của nhà nghệ sĩ hoặc điểm gặp gỡ về ý tưởng, cảm xúc giữa nghệ sĩ và nhà văn.		
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của người viết về giá trị hay đóng góp của tác giả tác phẩm chuyển thể.		
Kĩ năng lập luận, diễn đạt	Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí, có sử dụng các phép liên kết và câu chủ đề phù hợp.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính, đảm bảo về chính tả, ngữ pháp.		
	Trích dẫn đúng cách, sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ, các cước chú để làm rõ nội dung bài viết.		

III. Thực hành

Bài tập 1

Vẽ sơ đồ dàn ý của mỗi dạng bài viết:

a. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học dạng chuyển thể trung thành.

b. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học dạng chuyển thể tự do. Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý trong dàn ý bài viết giữa hai dạng chuyển thể trên.

Bài tập 2

Lập dàn ý cho hai dạng bài viết:

a. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học dạng chuyển thể trung thành.

b. Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học dạng chuyển thể tự do.

Bài tập 3

Dựa vào một trong hai dàn ý đã lập ở Bài tập 2, hãy viết bài giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.

IV. Cách viết kịch bản phim ngắn chuyển thể

1. Cấu trúc và cách trình bày kịch bản phim ngắn chuyển thể từ văn học

CẤU TRÚC CHUNG CỦA KỊCH BẢN PHIM NGẮN

1. Nhan đề, tác giả: Tên phim chuyển thể.

2. Mở đầu:

– Miêu tả cảnh vật và môi trường.

– Giới thiệu nhân vật chính và tình huống ban đầu.

3. Khởi đầu:

– Một sự kiện xảy ra, tạo vấn đề hoặc xung đột.

– Đặt nhân vật chính vào xung đột hoặc vấn đề chính của câu chuyện.

4. Phát triển:

– Nhân vật chính đối diện với thử thách, trở ngại hoặc vấn đề cần giải quyết.

– Gia tăng sự căng thẳng và sự tương tác giữa các nhân vật.

5. Đỉnh điểm:

– Cao điểm của câu chuyện, khi sự căng thẳng đạt đến mức cao nhất.

– Trạng thái cuối cùng của xung đột hoặc vấn đề.

6. Giải quyết:

– Xung đột hoặc vấn đề được giải quyết.

– Trạng thái cuối cùng của nhân vật chính và kết cuộc của câu chuyện.

7. Kết thúc:

– Kết thúc câu chuyện hoặc để lại một thông điệp cuối cùng.

– Trở lại trạng thái thăng bằng/ hoà hợp hoặc thông báo về hậu quả của sự kiện trong câu chuyện.

Chân trời sáng tạo

8. Thông tin về tác quyền:

Liệt kê các thành viên của ê-kíp (ekip) phim và các thông tin liên quan khác.

Lưu ý: a. Cấu trúc kịch bản phim có thể thay đổi (điều chỉnh, thêm, bớt) tuỳ thuộc vào thể loại và phong cách của tác phẩm; b. Về nội dung, bất kì kịch bản nào cũng phải có ba phần chính: *Mở đầu, Phát triển, Kết thúc*; c. Với tác phẩm chuyển thể, cần ghi rõ tên tác phẩm (tác giả) văn học được chuyển thể.

2. Một ví dụ về kịch bản phim ngắn chuyển thể từ văn học

ĐĂM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

Chuyển thể từ: *Đăm Săn* – sử thi Ê-đê (trích).

Thể loại: Phim ngắn (sử dụng kĩ xảo điện ảnh để thể hiện yếu tố kì ảo).

Thời lượng: 30 – 35 phút.

Chủ đề: Tính cách anh hùng của Đăm Săn trong cuộc chiến đấu bảo vệ người thân và buôn làng.

Biên kịch: Nhóm biên soạn.

MỞ ĐẦU: ***Giới thiệu bối cảnh, nhân vật, sự kiện***

Tại nhà của Đăm Săn – một dãy nhà dài truyền thống của người Ê-đê. Trước sàn hiên rộng, nhóm tôi tớ gái đang thầm thì với nhau về chuyện Hơ Nhị (vợ của Đăm Săn) bị Mtao Mxây bắt đi.

KHỞI ĐẦU: ***Nhân vật chính và tình huống nảy sinh xung đột***

Cùng lúc đó, Đăm Săn, đầu đội khăn nhiễu vai mang nải hoa, xuống voi, khoan thai bước lên sàn nhà. Nghe tôi tớ báo tin lợi dụng lúc chàng vắng nhà, Mtao Mxây đã đến đây bắt Hơ Nhị đi và ép nàng làm vợ hắn. Đăm Săn nổi giận, giọng nói vang như sấm.

Đăm Săn: – To gan! Mtao Mxây, hãy coi chừng, ta sẽ lấy cái đầu của ngươ…ơi!

Rồi chàng lấy khiên giáo, cưỡi voi, dẫn theo nhiều tôi tớ và dân làng kéo đến nhà Mtao Mxây. Đăm Săn ra hiệu cho đoàn người – những chiến binh trung thành – dừng lại trước một khoảng sân lớn, lặng lẽ chờ lệnh.

Trong nhà Mtao Mxây, Hơ Nhị vừa được Mtao Mxây cởi trói cho một lúc, hai cổ tay vẫn còn đau vì vết trói. Hắn nhìn nàng, tỏ vẻ mãn nguyện.

Mtao Mxây: – Từ nay nàng là người của ta (*cười đắc thắng*).

PHÁT TRIỂN: ***Giáp mặt và giao chiến***

Vừa lúc đó, có tiếng Đăm Săn vọng lên rền vang như sấm dậy từ trước sân.

Chân trời sáng tạo

Đăm Săn: – (*nói như quát từ dưới sân*) Ơ diêng[1], ơ diêng, xuống đây! Ta thách ngươi đọ đao với ta đấy!

Mtao Mxây ghé mắt nhìn qua ô cửa, thấy Đăm Săn đang cưỡi voi chiến, ngang tàng, lẫm liệt trước sân nhà.

Mtao Mxây: (*chột dạ, lẩm bẩm*): "– Chà! Thằng nhóc Đăm Săn, ngươi mau mắn thật!" (*cẩn thận đẩy Hơ Nhị vào phòng trong*).

Mtao Mxây: – (*mỉa mai và thách thức*) Ta không xuống đâu diêng ơi! Tay ta đang còn bận ôm vợ (của) hai chúng ta[2] ở trên nhà này cơ mà.

Đăm Săn: – (*lạnh lùng, kiêu hãnh*) Xuống, diêng! Xuống, diêng! Ngươi không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên của nhà ngươi ta bổ đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà ngươi chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của ngươi cho mà xem!

Tôi tớ dân làng của Đăm Săn: (*đồng thanh*) – Xuống, diêng! Xuống, diêng!

Mtao Mxây: – Khoan, diêng, khoan! Để ta xuống. Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

Đăm Săn: – Sao ta lại đâm ngươi khi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem, đến cả con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Mtao Mxây: – Ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lắm.

Đăm Săn: – Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ? Ngươi xem, đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Nghe vậy, Mtao Mxây vội vàng với lấy khiên giáo treo trên nhà đi ra trước sàn sân. Tay trái cầm chiếc khiên tròn, tay phải cầm thanh gươm sáng loáng. Người hắn cao lớn đóng một cái khố sọc gấp bỏ múi, mặc một cái áo dày nút, đi từ nhà trong ra nhà ngoài. Dáng vẻ kiêu ngạo, hung dữ không che giấu được vẻ tần ngần, do dự, mỗi bước mỗi đắn đo.

Hơ Nhị chạy đến bên cửa sổ, lòng lo lắng và hồi hộp đợi chờ cuộc giao chiến oanh liệt giữa hai vị tù trưởng sắp diễn ra. Đăm Săn giơ tay ra hiệu trấn an Hơ Nhị: "Ta đã đến đây, nàng đừng lo!", nàng gật đầu tỏ cho chàng biết mình đã hiểu ý.

Đăm Săn: – (*thách thức Mtao Mxây*) Ngươi múa trước đi, ơ diêng!

Mtao Mxây: – Ngươi mới là người múa trước, ơ diêng! Ta như gà làng mới mọc cựa[2] kliê, như là gà mới mọc cựa êchăm, chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh.

Đăm Săn: – Ngươi cứ múa đi, ơ diêng!

---

[1] *Diêng*: người bạn kết nghĩa; *diêng* có nghĩa vụ bảo vệ, tương trợ nhau (trong trường hợp này, cách xưng hô hàm ý giễu cợt).

[2] *Vợ (của) hai chúng ta*: chỉ Hơ Nhị; cách nói này nhằm chọc tức Đăm Săn.

[2] *Cựa*: mấu sừng mọc ở phía sau cẳng gà, vũ khí lợi hại của gà trống khi chọi nhau.

Mtao Mxây rung khiên múa vậy. Khiên hắn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Hắn múa một mình, Đăm Săn không nhúc nhích.

Đăm Săn: – Ngươi múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy ngươi học ai vậy? Ngươi múa chơi đấy phải không, diêng?

Mtao Mxây: – Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rồng[1], ta học thần Rồng.

Đăm Săn: – Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, ngươi múa đi ta xem nào!

Mtao Mxây: – Thế ngươi không biết ta đây là một người đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

Đăm Săn: – Vậy thì ngươi hãy xem ta đây!

Đăm Săn bắt đầu múa khiên (*sử dụng kĩ xảo điện ảnh*). Chàng rung khiên múa. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô[2]. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây.

Trong khi đó, Mtao Mxây bước cao bước thấp, chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung đao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chão cột trâu.

Đăm Săn: – (*với Mtao Mxây, mỉa mai*) Sao ngươi lại chém cái chão cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Mtao Mxây xây xẩm mặt mày, nhưng cố gượng lại, cười khẩy và rủa thầm Đăm Săn: "– Đồ khốn! Chờ ông nhai một miếng trầu[3] rồi ngươi sẽ biết tay ông". Rồi hắn cao giọng quát Hơ Nhị.

ĐỈNH ĐIỂM: *Sự trợ giúp*

Mtao Mxây: – Ơ Hơ Nhị, quăng cho ta một miếng trầu!

Hơ Nhị ném xuống một miếng trầu nhưng nàng ném về phía Đăm Săn. Đăm Săn đớp lấy, nhai trầu, sức chàng tăng lên gấp bội. Thấy vậy, Mtao Mxây lầm bầm hăm doạ: "– A! Hơ Nhị, ngươi dám phản ta, liệu hồn! Rồi ta sẽ băm xác chúng mày, ném cho diều tha, quạ mổ!".

Đăm Săn: – Bớ diêng, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Đăm Săn lại múa khiên (*sử dụng kĩ xảo điện ảnh*). Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên[4] đồng. Khi chàng múa trên cao, vang

---

[1] *Thần Rồng (tiếng Ê-đê: ana krai)*: theo người Ê đê, thần Rồng là biểu tượng của sức mạnh phi thường và cái đẹp về hình thể nhưng gian hùng.

[2] *Lồ ô*: một loại tre rừng, thân thẳng, đốt dài, có thành mỏng.

[3] *Miếng trầu*: ở đây hiểu là miếng trầu có sức mạnh siêu nhiên.

[4] *Đĩa khiên*: miếng kim loại tròn, đường kính hơn gang tay, giữa khiên có hai miếng cột lỏng ở giữa mặt ngoài của khiên, dùng để tăng sức chắn.

Chân trời sáng tạo

lên tiếng đĩa khiên kênh[1]. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đùi Mtao Mxây phóng tới, nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây, cũng không thủng.

Mtao Mxây tránh được lưỡi giáo của Đăm Săn, vùng dậy chạy. Đăm Săn đuổi theo hắn. Nhưng chàng đã thấm mệt, bước chân hơi loạng choạng.

Một tôi tớ của Đăm Săn: – (*lo lắng*) Kìa, tù trưởng Đăm Săn!... Người làm sao thế kia?

Một tôi tớ khác của Đăm Săn:– (*hốt hoảng*) Giàng ơi! Chuyện gì đang xảy ra với Người vậy? Đăm Săn ơi!

Mtao Mxây: – (*ngoái lại nhìn Đăm Săn, hổn hển, tinh quái*) Ha ha! Ơ diêng, sao ngươi loạng choạng… thế kia? Sao… không đâm vào đùi ta… nữa đi? Ngươi biết sợ ta, biết sợ… một tù trưởng quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, xéo nát đất đai thiên hạ… rồi phải không?

(*Sử dụng kĩ xảo điện ảnh*) Đăm Săn vẫn cố sức truy đuổi Mtao Mxây. Chàng vừa chạy vừa ngủ. Đăm Săn mộng thấy ông Trời.

Ông Trời – một ông già gương mặt hồng hào vừa giống tiên ông, vừa giống một ông già người Ê-đê, râu tóc bạc phơ, búi tóc sau đầu, tay phải cầm gậy trúc, tay trái khẽ vuốt chòm râu, cưỡi mây trắng từ trên cao đáp xuống lưng chừng trời, trìu mến và bình thản nghe Đăm Săn nói.

Đăm Săn: – (*ngước mặt chăm chăm nhìn ông Trời*) Ôi chao! Chết mất thôi, ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn!

Ông Trời: – (*ôn tồn*) Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn[2] ném vào vành tai hắn là được.

GIẢI QUYẾT: ***Chiến thắng thuộc về Đăm Săn***

Đăm Săn bừng tỉnh, chộp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy. Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng, hắn ngã lăn quay ra đất.

Một người dân của Đăm Săn: – (*đồng thanh*) Thắng rồi! Đăm Săn chiến thắng rồi, bà con ơi!

Những tôi tớ dân làng khác: – (*cầm giáo mác, khí giới vừa gio cao vừa hô to*) Chiến thắng rồi! Hoan hô Đăm Săn, hoan hô tù trưởng!

---

[1] *Khiên kênh*: tên một loại khiên.

[2] *Chày mòn*: chày của người Ê-đê, bằng gỗ, giã vào cối cũng bằng gỗ; khi mòn, đầu chày thường hoá nhọn.

KẾT THÚC: ***Đón nàng Hơ Nhị về buôn***

Đăm Săn đến tận cầu thang đón vợ. Nàng Hơ Nhị xinh đẹp chậm rãi bước xuống cầu thang đến với Đăm Săn. Vẻ mặt đầy xúc động, tự hào, Đăm Săn đỡ nàng ngồi lên mình voi, rồi cùng nàng về lại buôn làng để ăn mừng chiến thắng giữa tiếng cồng chiêng vang động núi rừng.

(Nhóm biên soạn)

3. Quy trình viết kịch bản phim ngắn chuyển thể từ văn học

Bước 1: Tìm ý tưởng

Muốn viết kịch bản phim truyện cũng như kịch bản phim chuyển thể từ tác phẩm văn học, điều đầu tiên, bạn phải tìm được ý tưởng phù hợp, khả thi. Cụ thể:

a. Văn bản văn học để chuyển thể không quá dài, sự kiện tương đối đơn giản, phù hợp cho một kịch bản phim ngắn (khoảng 30 phút trở lại). Chẳng hạn, có thể chọn chuyển thể một truyện cổ tích như *Ăn khế trả vàng*; một truyện ngắn có chủ đề gần gũi với lứa tuổi, giàu kịch tính, thuận lợi cho việc chuyển thể, như *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng), *Cây sồi mùa đông* (Iu-ri Na-ghi-bin (Yuri Nagibin)), *Buổi học cuối cùng* (A. Đô-đê (Daudet)), *Giang* (Bảo Ninh), *Lão Hạc* (Nam Cao),…; một chương, đoạn nào đó của sử thi như *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* hoặc một bài thơ có nhiều yếu tố tự sự như *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp);...

b. Xác định rõ chủ đề mà kịch bản phim cần tập trung thể hiện.

c. Ban đầu, thực hành viết kịch bản phim, bạn nên tập viết theo dạng thức chuyển thể trung thành với tác phẩm văn học.

d. Lựa chọn, xác định cụ thể về cách trình bày văn bản kịch bản phim gồm:

– Đặt nhan đề: Nhan đề kịch bản phim đặt ở trung tâm đầu trang.

– Các mục tiêu: Mô tả ngắn gọn mục tiêu của kịch bản, bao gồm *thể loại*, *thời lượng* và *chủ đề/ thông điệp chính*.

– Định dạng trang: Sử dụng font chữ Times New Roman hoặc Courier với cỡ chữ 12 và canh lề trái 1,5 inch.

Bước 2: Phác thảo đề cương kịch bản

Bạn phác thảo đề cương kịch bản chuyển thể theo cấu trúc chung nêu ở phần trên; lưu ý trong một kịch bản phim, về nội dung chính, nhất thiết phải có các phần *Mở đầu*, *Phát triển*, *Kết thúc*. Khi bạn đã tương đối thành thạo, nên triển khai đủ các phần nội dung chính như trong cấu trúc chung (tham khảo kịch bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*).

Chân trời sáng tạo


Nhiệm kỳ 10 năm lần thứ nhất
2006-2016

Bước 3: Viết kịch bản

Bạn dựa vào đề cương kịch bản phim để viết các phần *Mở đầu* (có thể gộp chung với *Khởi đầu*), *Phát triển* (có thể gộp chung với *Đỉnh điểm* và *Giải quyết*), *Kết thúc*.

Để viết được kịch bản phim, bạn có thể vận dụng một số kĩ năng đã thực hành từ chuyên đề 10.2: *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* ở lớp 10. Tuy nhiên, sự việc, câu chuyện trong phim phải kể bằng hình ảnh. Toàn bộ các hoạt động, hành động, suy nghĩ, lời nói (đối thoại, độc thoại) của nhân vật; cảnh vật, ngoại hình, hành vi của nhân vật; sự vận động, thay đổi về không gian, thời gian;… đều phải biểu đạt bằng hình ảnh. Do vậy, người viết kịch bản phim phải hình dung mọi thứ cần kể lại, tả lại một cách rõ rệt như trong một cuốn phim quay chậm. Theo đó, khi trình bày đối thoại, miêu tả hành động, cảnh vật, nhân vật trong kịch bản phim, bạn cần lưu ý những điểm nêu trong bảng sau.

Cách trình bày đối thoại, miêu tả hành động, miêu tả cảnh vật, nhân vật

Dựng, trình bày đối thoại	Miêu tả hành động	Miêu tả cảnh vật, nhân vật
Mỗi lượt thoại cần được đánh dấu bằng gạch đầu dòng ở lề trái như trong kịch bản văn học.	Lời miêu tả và hành động của nhân vật viết ngắn gọn, chính xác dưới dạng cụm từ hoặc câu ngắn và đặt ở vị trí phù hợp trong tương quan với lời thoại của nhân vật.	Lời miêu tả cảnh vật nên được đặt trước đoạn đối thoại hoặc đoạn mô tả hành động.
– Tên nhân vật nên in đậm, kèm dấu hai chấm. – Mỗi lời thoại cần góp phần thúc đẩy hành động, thể hiện tính cách của nhân vật; thường được đặt sau dấu hai chấm và dấu gạch đầu dòng.	– Lời miêu tả hành động gắn với lời thoại cần đặt trong ngoặc đơn và in nghiêng. – Lời miêu tả hành động gắn với lời miêu tả cảnh vật, có thể viết thành đoạn văn, câu văn ngắn, in nghiêng.	Lời miêu tả cảnh vật nên được viết ngắn gọn và chỉ đưa ra những chi tiết cần thiết để làm rõ bối cảnh không gian và môi trường cho câu chuyện.
Ví dụ: **Mtao Mxây**: – Khoan, diêng, khoan! Để ta xuống. Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe! **Đăm Săn**: – Sao ta lại đâm ngươi khi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem, đến cả con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!	***Ví dụ***: **Ông Trời**: – (*ôn tồn*) Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hắn là được.	***Ví dụ***: Ông Trời – một ông già gương mặt hồng hào vừa giống tiên ông, vừa giống một ông già người Ê-đê, râu tóc bạc phơ, búi tóc sau đầu, tay phải cầm gậy trúc, tay trái khẽ vuốt chòm râu, cưỡi mây trắng từ trên cao đáp xuống lưng chừng trời, trìu mến và bình thản nghe Đăm Săn nói.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa kịch bản

Bạn xem lại và chỉnh sửa như đã thực hiện với các văn bản mà bạn đã thực hành viết trước đây. Tuy nhiên, kịch bản phim là cơ sở để dàn dựng, diễn xuất, quay phim,… và cuối cùng là để sản xuất phim. Vì thế, cũng như khi viết, trong khi chỉnh sửa, bạn cần chú ý khắc phục những chỗ trong kịch bản được xem là không có tính khả thi. Nhất là với những lời thoại dài gây cảm giác dàn trải; những câu văn, từ ngữ kể về hành động, tâm lí nhân vật,… hoặc miêu tả cảnh vật quá chung chung, mơ hồ, kém gợi tả, gây khó khăn cho diễn xuất, dựng cảnh, quay phim. Ví dụ: Trong kịch bản phim ngắn *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*, có thể lược bớt, rút gọn một số câu thoại của Đăm Săn, Mtao Mxây, cần thêm một số câu miêu tả cụ thể thời gian, không gian núi rừng, cảnh trí, đồ vật,… tô đậm văn hoá, tập tục của người Ê-đê.

Phần thứ ba
YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC THUYẾT TRÌNH GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT ĐƯỢC CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

I. Tìm hiểu cách thức thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Bạn thực hiện bài nói này theo quy trình ba bước như đã thực hiện khi giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật:

1. Chuẩn bị nói

2. Luyện tập và trình bày

3. Trao đổi và đánh giá

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài/ vấn đề, không gian, thời gian thuyết trình

Đề tài của bài thuyết trình đã được xác định ở bài giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học. Mục đích của bài thuyết trình là trình bày nội dung cho người nghe và thuyết phục được về những đóng góp hoặc những điểm đặc sắc của tác phẩm đó trong sự liên hệ đối chiếu với tác phẩm văn học được chuyển thể.

Bạn cần nêu và trả lời một số câu hỏi: *Ai sẽ là người nghe bạn trình bày? Bạn sẽ nói ở đâu? Bài thuyết trình có thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?...*

Tìm ý, lập dàn ý

Nội dung trình bày đã được bạn chuẩn bị trong bài giới thiệu. Ở đây, bạn cần chuyển dàn ý đó thành dàn ý bài thuyết trình.

Chân trời sáng tạo

– Phác thảo một sơ đồ tóm tắt các ý chính của bài giới thiệu để tiện theo dõi khi thuyết trình và giúp người nghe dễ dàng nắm được các ý chính.

– Sử dụng một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như tranh hoặc ảnh chân dung tác giả (nhạc sĩ, hoạ sĩ, nhà biên kịch, đạo diễn, diễn viên,…); hình ảnh bút tích của tác giả, ảnh bìa các tác phẩm đã in của tác giả, một số trích đoạn vở diễn, bài hát được trình diễn, cảnh trong phim, sân khấu nhạc kịch,...

– Thiết kế tập tin trình chiếu để hỗ trợ cho bài thuyết trình.

– Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi. Chẳng hạn, với bài thuyết trình giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học, người nghe có thể sẽ muốn biết thêm về hoàn cảnh sáng tác/ chuyển thể tác phẩm; ý kiến và dư luận về tác phẩm; những mẩu chuyện hậu trường trong quá trình làm phim;…

Bước 2: Luyện tập và trình bày

Lưu ý khi luyện tập, cần lựa chọn cách mở đầu hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người nghe; chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu; trích dẫn bằng chứng gãy gọn, chọn lọc; có chuyển tiếp phù hợp giữa các phần, các ý giúp người nghe dễ theo dõi. Khi trình bày, cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị từ trước; kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; tạo tương tác với người nghe (ánh mắt, cử chỉ phù hợp); đảm bảo thời gian cho phép.

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi, bạn cần:

– Thể hiện thái độ cầu thị, tôn trọng ý kiến đóng góp của người nghe.

– Lắng nghe và trả lời câu hỏi một cách nhẹ nhàng, lịch sự, tôn trọng quan điểm của người khác.

Dùng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài giới thiệu của bạn:

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào hỏi và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể, tác giả chuyển thể; nêu nhận định khái quát về đóng góp của tác phẩm chuyển thể/ tác giả chuyển thể.		
Nội dung chính	Giới thiệu vắn tắt về tác phẩm văn học được chuyển thể.		

Chân trời sáng tạo

	Giới thiệu nội dung hình thức của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.		
	Đưa ra một số ý kiến, nhận định về đóng góp/ giá trị của tác phẩm chuyển thể kèm theo bằng chứng thuyết phục.		
	Lí giải, đánh giá về những đóng góp của tác giả tác phẩm nghệ thuật chuyển thể so với tác phẩm văn học.		
Kết thúc	Tóm tắt và khẳng định được nội dung trình bày về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính.		
	Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		

II. Thực hành

Bài tập 1

Chuẩn bị bài thuyết trình giới thiệu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học mà bạn đã viết thành bài văn trong mục *III. Thực hành*, thuộc *Phần thứ hai* của chuyên đề. Sau đó, thuyết trình trong nhóm học tập.

Bài tập 2

Tìm ý, lập dàn ý cho bài thuyết trình đối với một trong các đề tài sau:

– Giới thiệu hai trong những bức tranh vẽ hình tượng Thánh Gióng (xem 5 bức tranh *Gióng* ở *Phần thứ nhất*).

– Giới thiệu bài hát *Lá đỏ* (nhạc: Hoàng Hiệp, thơ: Nguyễn Đình Thi) hoặc *Đi trong hương tràm* (nhạc: Thuận Yến, thơ: Hoài Vũ).

– Giới thiệu phim truyện chuyển thể từ văn học: *Làng Vũ Đại ngày ấy*.

– Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể tự do từ tác phẩm văn học.

– Giới thiệu ý tưởng và đề cương (dàn ý) kịch bản phim ngắn/ bức tranh/ bài hát mà bạn/ nhóm học tập của bạn đã/ đang chuyển thể.

Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 3
TÌM HIỂU PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC: CỔ ĐIỂN, HIỆN THỰC HOẶC LÃNG MẠN

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
• Nhận biết được phong cách sáng tác của một trường phái (trào lưu) văn học qua một số đặc điểm cơ bản. • Biết các yêu cầu và cách thức tìm hiểu một phong cách sáng tác của một trường phái văn học. • Biết viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học. • Vận dụng được những hiểu biết từ chuyên đề để tìm hiểu về một số phong cách sáng tác của một trường phái văn học khác. • Biết thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.	1. Phong cách sáng tác của một trường phái văn học: một số đặc điểm cơ bản. 2. Cách tìm hiểu phong cách của một trường phái văn học. 3. Cách viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học. 4. Thực hành tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học. 5. Yêu cầu của việc thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.

Khi học Bài 1. *Những sắc điệu thi ca* (*Ngữ văn 12*, tập một), bạn đã được tìm hiểu một số biểu hiện của phong cách sáng tác cổ điển và phong cách sáng tác lãng mạn trong thơ Việt Nam và Trung Hoa. Khi học Bài 2. *Những thân phận bé mọn* (*Ngữ văn 12*, tập một), bạn lại được tìm hiểu một số biểu hiện của phong cách sáng tác lãng mạn và phong cách sáng tác hiện thực trong tác phẩm truyện Việt Nam hiện đại. Trong chuyên đề học tập này, bạn sẽ được thực hành tìm hiểu sâu hơn, hệ thống hơn các phong cách sáng tác nêu trên. Chuyên đề gồm ba phần:

Phần thứ nhất: *Yêu cầu và cách thức tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)*

Phần thứ hai: *Yêu cầu và cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)*

Phần thứ ba: *Yêu cầu và cách thức thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)*

Trước khi bước vào tìm hiểu và thực hiện các nhiệm vụ học tập, bạn đọc kĩ và nắm vững các yêu cầu cần đạt cùng kiến thức nền của chuyên đề này. Sau đây là nội dung từng phần của chuyên đề học tập.

Phần thứ nhất

YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC TÌM HIỂU PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC (CỔ ĐIỂN, LÃNG MẠN HOẶC HIỆN THỰC)

Để hiểu, phân tích, đánh giá, lí giải phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực), bạn cần nắm vững và vận dụng được một số khái niệm cũng như yêu cầu, cách thức tìm hiểu những vấn đề liên quan.

I. Tìm hiểu các khái niệm: phong cách sáng tác, phong cách sáng tác của một trường phái/ trào lưu văn học

Ở Bài 1. *Những sắc điệu thi ca* (*Ngữ văn 12*, tập một), *phong cách* được định nghĩa là một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định, có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại) hay một nền văn học (phong cách dân tộc).

Trên thực tế, dù xem xét phong cách sáng tác văn học ở bất kì cấp độ nào (tác phẩm, thể loại, tác giả, trường phái/ trào lưu, thời đại, loại hình, dân tộc,...) thì vẫn phải có đủ các biểu hiện cụ thể:

– Là tập hợp những nét độc đáo có giá trị thẩm mĩ;

– Những nét độc đáo có giá trị thẩm mĩ được tạo thành từ quan niệm (cái nhìn) riêng về thế giới, con người, thể hiện qua hệ thống đề tài; tư tưởng, cảm hứng; hình tượng nhân vật và các thủ pháp nghệ thuật được ưa chuộng.

Theo đó, *phong cách của một trường phái/ trào lưu văn học* được hiểu là một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định, có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác của một trường phái/ trào lưu văn học. Nét độc đáo này được tạo lập dựa trên sự thống nhất hài hoà giữa nhiều loại yếu tố của tác phẩm như cái nhìn về vũ trụ, nhân sinh (hay quan niệm về thế giới, con người); cách xử lí mối quan hệ giữa người sáng tác (nhà văn) với đời sống hiện thực; hệ thống đề tài, cảm hứng chủ đạo, kiểu nhân vật và các thủ pháp nghệ thuật, các phương tiện, phương thức biểu đạt;... được ưa chuộng.

Từ cách hiểu này, ta có thể nói đến phong cách sáng tác của chủ nghĩa cổ điển (hay phong cách sáng tác thơ cổ điển), phong cách sáng tác của chủ nghĩa lãng mạn, phong cách sáng tác của chủ nghĩa hiện thực. Và đó chính là nội dung cần tìm hiểu trong phần tiếp theo của chuyên đề này.

II. Tìm hiểu và chỉ ra những nét độc đáo có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác văn học

Bạn hãy đọc các bài viết sau đây và trả lời các câu hỏi nêu phía dưới để tìm hiểu một số đặc điểm chính của các phong cách sáng tác của các trường phái/ trào lưu văn học (Chủ nghĩa lãng mạn, Chủ nghĩa hiện thực, Thi pháp thơ cổ điển).

Văn bản 1

CHỦ NGHĨA CỔ ĐIỂN, CHỦ NGHĨA LÃNG MẠN, CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC

Huỳnh Như Phương[1]

Chủ nghĩa cổ điển

Đề cao lí tính và coi trọng chức năng giáo hoá đạo đức, chủ nghĩa cổ điển trong văn học phương Tây thế kỉ XVII khẳng định con người phải có nghĩa vụ đối với Nhà nước chuyên chế và xem điều đó cao hơn lợi ích cá nhân. Nghĩa vụ thuộc phạm trù lí trí, tình yêu thuộc phạm trù tình cảm. Khi lí trí và tình cảm xung đột, chiến thắng phải thuộc về lí trí, bởi lí trí là giá trị cao nhất. Lí trí là đại diện của xã hội và Nhà nước bên trong tính cách nhân vật, còn tình cảm là đại diện của nhân tố cá nhân. Lí trí, trật tự, sự trong sáng là những chuẩn mực của cả khoa học lẫn nghệ thuật.

Tinh thần duy lí này chi phối quan niệm nghệ thuật về con người và cách xây dựng nhân vật của chủ nghĩa cổ điển. Trong văn học cổ điển chủ nghĩa, quan niệm nghệ thuật về con người có tính chất thống nhất, dựa trên cảm hứng công dân, niềm tin vào sức mạnh của lí trí, sự phân minh và chính xác trong cách đánh giá đạo đức. Đó là con người của nghĩa vụ trong nhà nước chuyên chế. Cảm xúc, trí tưởng tượng không có vị trí quan trọng trong nghệ thuật vì nghệ thuật là sản phẩm chủ yếu xuất phát từ lí trí và được xây dựng trên lí tính.

[...]

Với chủ nghĩa cổ điển, cá nhân tan biến trong nguyên lí và cái cụ thể tan biến trong cái trừu tượng. Không khó hiểu khi các nhân vật của trào lưu này thường suy nghĩ và phát ngôn một cách duy lí. Sự tách rời tình cảm và lí trí được khúc xạ trong bi kịch của Coóc-nây (Corneille) qua mối xung đột tình cảm cá nhân và nghĩa vụ xã hội. Trong *Lơ Xít* (*Le Cid*) của Coóc-nây, Đông Rô-đri-gơ (Don Rodrigue) và Si-men (Chimène) là đôi tình nhân mà cũng là hai người thù địch đang tìm cách thực hiện hành động trả thù nhằm rửa mối nhục gia đình. Lí trí tỉnh táo phục tùng của họ cao đến mức họ không chỉ tán thành mà còn tạo điều kiện để thực hiện hành động trả thù nhằm rửa mối nhục gia đình. Si-men nói với Đông Rô-đri-gơ: "Bằng việc xúc phạm đến thiếp, chàng đã tỏ ra xứng đáng với thiếp. Thiếp phải giết chàng để được xứng đáng với chàng". May thay, sau những tình tiết éo le, trắc trở, nhờ công trạng của Đông Rô-đri-gơ, nhà vua đã tìm cách hoà giải hai người yêu nhau, một sự kết hợp mà cũng là sự thoả hiệp giữa lí trí và tình cảm. Có thể nói, Coóc-nây đã diễn đạt tinh

---

[1] *Huỳnh Như Phương*: sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giáo sư, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học. Ông đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu và sáng tác văn học như: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Mĩ học đại cương* (đồng tác giả, 1994); *Những tín hiệu mới* (1994); *Lí luận văn học – vấn đề và suy nghĩ* (đồng tác giả, 1995); *Trường phái Hình thức Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (2008); *Lí luận văn học – nhập môn* (2010); *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Tác phẩm và thể loại văn học* (2017); *Thành phố – những thước phim quay chậm* (2018); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019); *Tiến trình văn học (Khuynh hướng và trào lưu)* (2019); *Ước vọng cho học đường* (2022),...

thần duy lí của thời đại mình và trở thành chiếc cầu nối liền chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng (thế kỉ XIV – XVI) với thế kỉ Ánh sáng (thế kỉ XVIII).

Tinh thần duy lí dẫn đến hệ quả là tính chất quy phạm hoá trong nghệ thuật. Luật tam duy nhất là chuẩn mực của kịch cổ điển. Theo đó, thời gian dàn dựng vở kịch trên sân khấu phải thống nhất với thời gian diễn ra câu chuyện ngoài đời trong 24 giờ, vì vậy không thể dung nạp kết cấu phức tạp, đa tuyến. Địa điểm trong kịch thống nhất với địa điểm xảy ra câu chuyện. Hành động kịch cũng phải thống nhất chứ không được mâu thuẫn với tính cách; yêu cầu chủ đề phải đơn giản, không có chi tiết thừa. Qua luật tam duy nhất, chủ nghĩa cổ điển đồng nhất "cái giống như thật" (le vraisemblable) với "cái thật" (le vrai), dẫn đến sự hạn chế trong sáng tạo kịch của tác giả.

Vì vậy, tính cách nhân vật của chủ nghĩa cổ điển thường đơn nhất, tĩnh tại, thiếu sinh động vì ít có sự biến đổi. Đó là sản phẩm của tư duy khái quát hoá và trừu tượng hoá của nhà văn, được làm nổi bật và phóng đại nét bản chất, vĩnh hằng của nhân vật. Nhân vật có thể đi qua nhiều môi trường và hoàn cảnh, nhưng những môi trường và hoàn cảnh đó xét cho cùng chỉ là sự triển khai của tính cách một chiều và đơn điệu. Trong tính cách nhân vật kịch cổ điển, ít thấy nét riêng tây, đa dạng, sự phát triển và đột biến như trong chủ nghĩa hiện thực. Độc giả và khán giả dễ ghi nhớ bản chất của các nhân vật: An-đrô-mác (Andromaque) thuỷ chung, Đông Rô-đri-gơ cao thượng, Tác-tuýp (Tartuffe) đạo đức giả, Ác-nôn (Arnolphe) nham hiểm, Ác-pa-gông (Harpagon) keo kiệt, Giuốc-đanh (Jourdain) hám danh, A-ga-mê-nông (Agamenon) kiêu ngạo,…

[…]

Chủ nghĩa cổ điển đề cao bi kịch và anh hùng ca, được xem là những thể loại cao quý vì tái hiện những biến cố lớn lao, quan trọng và xây dựng những nhân vật uy quyền trong xã hội như ông hoàng, bà chúa, những anh hùng hay tướng lĩnh, công thần của triều đình. Trong khi đó, các thể loại hài kịch, thơ trữ tình, thơ trào phúng bị xem là những thể loại "hạ đẳng" vì phản ánh đời sống của thứ dân, những sự việc bình thường và những con người tầm thường. Đồng thời di sản văn hoá dân gian cũng bị xem nhẹ, và về mặt này, văn học cổ điển chủ nghĩa là một bước thụt lùi so với văn học thời Phục hưng.

[…]

Ở Việt Nam, xã hội phong kiến thế kỉ XVIII – XIX tuy có dấu hiệu suy tàn, uy tín của chủ nghĩa quân chủ chuyên chế bị suy giảm nhưng chưa đến mức bị tranh giành thế lực bởi tầng lớp thương nhân và thị dân vốn manh nha trong nền kinh tế hàng hoá buổi phôi thai. Về mặt ý thức hệ, Nho giáo bị khủng hoảng nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo, tư tưởng duy lí chưa có vị trí đáng kể trong đời sống văn hoá.

Chân trời sáng tạo

Đầu thế kỉ XX, trong bước đầu giao lưu văn hoá với phương Tây, chủ nghĩa cổ điển Pháp đã đến nước ta qua con đường dịch thuật, giới thiệu của các học giả theo Tây học. Trương Minh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh dịch thơ ngụ ngôn của La Phông-ten (La Fontaine); Nguyễn Văn Vĩnh dịch các vở kịch của Mô-li-e (Molière): *Trưởng giả học làm sang*, *Giả đạo đức*, *Người bệnh tưởng*, *Người biển lận*; Phạm Quỳnh dịch *Tuồng Lôi xích* của Coóc-nây, *Tuồng Hoà lạc* của Ra-xin (Racine); Hồ Biểu Chánh phóng tác *Lơ Xít* thành truyện *Vậy mới phải*;... Như vậy là ba thế kỉ sau khi xuất hiện ở Tây Âu, chủ nghĩa cổ điển mới có ảnh hưởng ở Việt Nam.

Chủ nghĩa lãng mạn[1]

[...]

Cách mạng Pháp 1789 lật đổ chế độ phong kiến, đem lại niềm hứng khởi và những nguồn hi vọng cho con người và cho văn học châu Âu. Nhưng rồi cũng chính cuộc cách mạng này gây ra tâm trạng bi quan, bất hoà với thực tại, sự thật thất vọng và nỗi đau trước ảo tưởng tan vỡ. Một bộ phận văn học lãng mạn Tây Âu đã quay lưng với hiện thực, tìm quên trong tâm trạng hoài cổ hay ẩn náu trong thế giới ảo mộng. Đó là tác phẩm của Hôn-đơ-lin (Holderlin), Hốp-man (Hoffmann), Cơ-lơ-rít-giơ (Coleridge), Bai-ron (Byron), La-mác-tin (Lamartine), Vi-nhi (Vigny), Muy-xê (Musset), Huy-gô (Hugo), Sa-tô-bri-ăng (Chateaubriand),...

[...]

Chủ nghĩa lãng mạn đưa người đọc trở về với tự nhiên, lí tưởng hoá trạng thái nguyên thuỷ, tin vào đức hạnh và phẩm chất con người chưa bị xã hội làm cho suy đồi. Nó cũng đề cao giá trị của dân tộc gắn liền với giá trị của cá nhân. Thành tựu của văn học không phải là kết quả của lao động thủ công mà là sáng tạo của những tài năng xuất chúng góp vào cho văn hoá nhân loại.

Dấu chỉ về nghệ thuật phân biệt chủ nghĩa lãng mạn với chủ nghĩa cổ điển, và phần nào với chủ nghĩa tình cảm, là tính chất cụ thể, phóng túng và sinh động. Ngòi bút trữ tình của các nhà thơ lãng mạn đào sâu thế giới nội tâm, thể hiện một cách tế vi những biểu hiện của tâm trạng. Thiên nhiên trở thành người bạn tâm giao, nguồn an ủi của con người. Văn xuôi lãng mạn xây dựng những hình tượng lí tưởng, khắc hoạ những tính cách phi thường, cao cả, những cá tính độc đáo, nhiều khi là hoá thân những ước nguyện của chính tác giả: tác giả đem cá tính, tình cảm của mình san sẻ cho các nhân vật. Nhân vật của chủ nghĩa lãng mạn, vì vậy, có sức ám ảnh hơn chủ nghĩa cổ điển, nhưng lại thiếu tính phổ biến và ý nghĩa khái quát so với chủ nghĩa hiện thực.

[1] Rô-man-ti-xi-dầm (Romanticism).

Văn học Việt Nam thế kỉ XX chịu ảnh hưởng của văn học lãng mạn phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa lãng mạn Pháp, khởi đầu là tiểu thuyết *Những người khốn khổ* của Vích-to Huy-gô (Victor Hugo) được Hồ Biểu Chánh phóng tác thành *Ngọn cỏ gió đùa*. Đến những năm 1932 – 1945, chủ nghĩa lãng mạn thực sự trở thành một trào lưu với phong trào Thơ mới (Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng,…); một số tác phẩm văn xuôi của Khái Hưng (*Hồn bướm mơ tiên*, *Tiêu Sơn tráng sĩ*), Nguyễn Tuân (*Thiếu quê hương*, *Vang bóng một thời*), Thanh Tịnh (*Hận chiến trường*, *Quê mẹ*), Hồ Dzếnh (*Quê ngoại*, *Chân trời cũ*); tác phẩm kịch của Nguyễn Huy Tưởng (*Vũ Như Tô*);…

Phong trào Thơ mới là một hiện tượng độc đáo cho thấy cảm hứng chủ đạo của chủ nghĩa lãng mạn kết hợp với yếu tố tượng trưng và siêu thực, truyền thống thơ ca của dân tộc kết hợp với thơ Pháp, thơ Đường. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh và Hoài Chân chia Thơ mới thành ba dòng: dòng thơ chịu ảnh hưởng của thơ Pháp (Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Thanh Tịnh, Vũ Đình Liên, Đoàn Phú Tứ, Bích Khê,…); dòng thơ chịu ảnh hưởng của thơ Đường (J. Leiba, Thái Can, Vân Đài, Phan Khắc Khoan, Thâm Tâm, Đông Hồ, Mộng Tuyết, Quách Tấn,…) và dòng thơ chịu ảnh hưởng của thơ Việt (Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Bính, Nguyễn Đình Thư, Vũ Hoàng Chương, Thúc Tề, TTKH,…). Tác giả *Thi nhân Việt Nam* xem dòng thơ chịu ảnh hưởng thơ Pháp là "dòng thơ mạnh nhất trong những dòng thơ đi xuyên qua thời đại. Riêng về dòng thơ này, thơ Việt đã diễn lại trong mười năm cái lịch sử một trăm năm của thơ Pháp, từ lãng mạn đến Thi Sơn, tượng trưng và những nhà thơ sau tượng trưng"[1]. Hoài Thanh và Hoài Chân viết thêm: "Đó là ba dòng thơ đã đi song song trong mười năm qua. Cố nhiên trong sự thực ba dòng ấy không có cách biệt rõ ràng như thế. Nếu ta nghĩ đến những dòng sông thì đó là những dòng sông nước tràn bờ và luôn luôn giao hoán với nhau"[2].

Chủ nghĩa hiện thực

Đến thế kỉ XIX, ở phương Tây, khuynh hướng hiện thực phát triển thành một trào lưu nghệ thuật phản ánh trung thành hiện thực cả về bản chất lẫn hiện tượng và mang tinh thần tôn trọng sự thật khách quan về hoàn cảnh xã hội và thời đại lịch sử. Sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực gắn liền với sáng tác của các nhà văn Pháp: Hô-nô-rê đờ Ban-dắc (H. Balzac), Sten-đan (Stendhal),…; các nhà văn Anh: S. Đích-ken (S. Dickens), W. Thác-cơ-rây (W. Thackeray); các nhà văn Nga: N. Gô-gôn (N. Gogol), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoi), F. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky), A. Tsê-khốp (A. Tchekhov),… Thuật ngữ "Chủ nghĩa hiện thực" chính thức được xác định trong tiểu luận *Réalisme* (1857) của Xăng-phơ-lơ-ri (Champfleury).

---

[1] *Hoài Thanh – Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam*, Hoa tiên tái bản, Sài Gòn, 1968, tr. 33.

[2] *Hoài Thanh – Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam*, Hoa tiên tái bản, Sài Gòn, 1968, tr. 38.

Nhấn mạnh tất định luận xã hội, khi miêu tả con người, chủ nghĩa hiện thực luôn chú ý bản chất xã hội và các nhân tố lịch sử khách quan vốn quy định và chi phối sự phát triển của tính cách nhân vật. Khi phân tích tâm lí và tình cảm con người, các nhà văn hiện thực đề cao chủ nghĩa lịch sử, quy luật nhân quả và logic nội tại của tính cách.

[…]

Như vậy, cảm hứng chủ đạo của chủ nghĩa hiện thực là cảm hứng về sự thật, nó đòi hỏi ở các nhà văn một tinh thần phân tích nghiêm ngặt về xã hội đương thời và trong khi phân tích thực trạng đen tối của xã hội, văn học không thể không cất lên tiếng nói phê phán, tố cáo những phương diện xấu xa, tiêu cực của đời sống, đồng thời đặt ra những vấn đề đạo đức. Vì vậy, chủ nghĩa hiện thực thế kỉ XIX còn được gọi là chủ nghĩa hiện thực phê phán (Résalisme critique).

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong văn học hiện thực phê phán tinh thần phủ định bao trùm tất cả. Không phải trong chủ nghĩa hiện thực chỉ có những bức tranh đời màu xám, những đêm đen như mực, những con người bị thui chột nhân tính, những tính cách bị hoàn cảnh đè bẹp. Lồng vào bức tranh xã hội tiêu cực và thông qua sự phê phán, các nhà văn hiện thực gián tiếp hướng người đọc đến lí tưởng tích cực và khát vọng về sự hoàn thiện đạo đức. Hơn nữa, bên cạnh những nhân vật cơ hội, thâm hiểm, giảo hoạt đủ loại, chủ nghĩa hiện thực đã xây dựng được những hình tượng nghệ thuật đẹp đẽ, đầy khát vọng nhân văn. Những hình tượng đó có sức vẫy gọi cuộc đấu tranh chống lại mọi thế lực ngăn trở sự chấn hưng xã hội và hoàn thiện nhân cách. An-drây Bôn-côn-xki, Pi-e Bê-du-khốp (*Chiến tranh và hoà bình*), Lê-vin (*An-na Ka-rê-nhi-na*), Nhê-khliu-đốp (*Phục sinh*) của L. Tôn-xtôi là những nhân vật như vậy.

Ở Việt Nam, từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, trong một số tác phẩm văn học đã xuất hiện những yếu tố của khuynh hướng hiện thực, qua những bức tranh miêu tả xã hội phong kiến suy đồi với tinh thần phê phán. *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái phản ánh thế sự chao đảo dưới triều đại vua Lê, chúa Trịnh, sự tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn thống trị, cuộc sống truỵ lạc, cương thường đảo lộn trong chốn cung đình.

Đến cuối thế kỉ XIX, thơ Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Học Lạc, Nhiêu Tâm, Nguyễn Thiện Kế,… phác hoạ bức tranh xã hội nhiễu nhương buổi giao thời, cất lên tiếng cười chế giễu tầng lớp ăn trên ngồi trốc, từ ông sứ, ông cò, tổng đốc, đốc phủ, tri phủ, tri huyện,… cho đến thầu khoán, ông lí, ông thông,…

Nhưng phải đến đầu thế kỉ XX, xã hội thực dân nửa phong kiến hình thành ở Việt Nam mới cung cấp chất liệu cho văn học hiện thực phát triển. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh miêu tả hiện thực trên lập trường đạo đức; truyện ngắn Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn phản ánh những lề thói ở nông thôn: đó là những tác phẩm đặt nền móng cho chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam hiện đại. Đến những năm 1932 – 1945, văn xuôi hiện thực đạt được những thành tựu rực rỡ với những phong cách khác nhau. Có thể nói đến chủ nghĩa hiện thực phong tục của Ngô Tất Tố, Trần Tiêu, Mạnh Phú Tư, Bùi Hiển, Tô Hoài, Nguyễn Đình Lạp,...; chủ nghĩa hiện thực tâm lí của Nam Cao, Thạch Lam, Nguyên Hồng,...; chủ nghĩa hiện thực trào phúng của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Đồ Phồn, Tú Mỡ,...

(In trong *Tiến trình văn học (Khuynh hướng và trào lưu)*, Huỳnh Như Phương, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 37 – 41; 47 – 49; 62 – 66)

Trả lời câu hỏi

1. Tóm tắt những đặc điểm chính trong phong cách sáng tác của Chủ nghĩa cổ điển được đề cập ở văn bản. Theo văn bản trên, vì sao trong văn học Việt Nam không có Chủ nghĩa cổ điển theo kiểu phương Tây?
2. Bạn hiểu thế nào về luật "tam duy nhất" trong sáng tác kịch cổ điển?
3. Kẻ bảng sau vào vở, tóm tắt đặc điểm phong cách sáng tác của Chủ nghĩa lãng mạn và phong cách sáng tác của Chủ nghĩa hiện thực được đề cập trong văn bản:

Đặc điểm	Phong cách sáng tác lãng mạn	Phong cách sáng tác hiện thực
1. Nguyên tắc chung		
2. Đặc điểm về nội dung, cảm hứng		
3. Đặc điểm về hình thức, phương tiện biểu đạt		
4. Biểu hiện trong văn học Việt Nam		

4. Chia sẻ một số hiểu biết của bạn về văn học lãng mạn hoặc văn học hiện thực/ hiện thực phê phán trong văn học Việt Nam (chẳng hạn: về trào lưu/ phong cách sáng tác văn học; về thể loại/ tác giả/ tác phẩm tiêu biểu;…).

Chân trời sáng tạo

Văn bản 2

THI PHÁP THƠ CỔ ĐIỂN

(Trích)

Trần Đình Sử[1]

Thơ ca bất cứ của dân tộc nào, khi phát triển tới một trình độ nhất định thì mang tính chất cổ điển. Khái niệm "cổ điển" ở đây không đơn giản là thơ thời cổ xưa hay thơ của trường phái cổ điển chủ nghĩa mà là thơ thuộc loại hình cổ điển. G. Hê-ghen (1770 – 1831), là người đầu tiên chia lịch sử phát triển của nghệ thuật thành các loại hình (kunstform): nghệ thuật tượng trưng, nghệ thuật cổ điển, nghệ thuật lãng mạn[2]. Theo nhà mĩ học cổ điển Đức, nghệ thuật cổ điển là nghệ thuật đạt tới sự hài hoà lí tưởng giữa cái chung và cái riêng, nội dung và hình thức, bộ phận với chỉnh thể. Cũng theo ông, tiêu biểu cho nghệ thuật cổ điển là điêu khắc cổ Hy Lạp, trong đó ý niệm phổ biến về thần linh được thể hiện trong các hình tượng con người cá biệt sinh động.

Phát triển khái niệm loại hình nghệ thuật cổ điển của Hê-ghen, V. M. Gơ-mun-xki (V.M.Girmunski) (1891 – 1971) cũng phân biệt thơ ca cổ điển và thơ ca lãng mạn. Tác phẩm thơ ca cổ điển tiêu biểu, theo ông, là sử thi của Hô-me-rơ (Homère), bi kịch của W. Sếch-xpia, Ra-xin, hài kịch của Mô-li-e, trường ca *Pôn-ta-va (Pontava)*, bi kịch nhỏ của A. Pu-skin,... Đặc điểm của thơ ca cổ điển, theo Gơ-mun-xki, là sáng tạo những tác phẩm đẹp, toàn vẹn, hoàn chỉnh, vững chãi như một công trình kiến trúc, trên cơ sở vận dụng các quy luật của sự cân bằng hài hoà. Tác phẩm là một thế giới tự nó đầy đủ. Nhà thơ cổ điển là nhà kiến trúc, biết sử dụng các thuộc tính của chất liệu, xây dựng công trình theo đặc điểm chất liệu, còn nhu yếu tố chủ quan thì hầu như không sử dụng đến: khi nhìn ngắm một công trình kiến trúc đẹp đẽ, vững chãi, thì cá tính và tâm lí của nhà kiến trúc phỏng có ý nghĩa gì trong công trình đó? Nhà thơ cổ điển là một người thợ trong xưởng thợ của mình. Nghệ thuật là một nghề thiêng liêng, anh ta yêu phương diện kĩ thuật của nghề nghiệp, anh ta nắm vững chất liệu và các quy luật, quy tắc như là những điều kiện để sáng tạo ra một vẻ đẹp hoàn thiện[3]. Nhà phê bình thơ ca cổ điển là người phán xét thơ ca theo các quy luật khách quan của cái đẹp: từ ngữ, âm điệu, kết cấu, cấu tứ.

---

[1] *Trần Đình Sử*: sinh năm 1940 tại Huế, quê gốc ở làng Phú Lễ, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên – Huế), là giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, nhà nghiên cứu lí luận văn học. Ông là nhà nghiên cứu uyên bác với một sự nghiệp nghiên cứu văn học đồ sộ. Một số công trình chính: *Giáo trình Lí luận văn học*, tập một và tập hai, viết chung (1986, 1987), *Dẫn luận thi pháp học* (1998), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập một và tập hai, viết mới (2003, 2004), *Trần Đình Sử tuyển tập*, hai tập (2004, 2005), *Môn Ngữ văn và dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông* (2018), *Lí luận và thi pháp văn học* (2020), *Tự sự học – từ kinh điển đến hậu kinh điển* (sách tái bản) (Chủ biên) (2022),...

[2] Hê-ghen, *Mĩ học* (bản dịch Trung văn của Chu Quang Tiềm), Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1979 (chú thích của tác giả Trần Đình Sử).

[3] V. M. Gơ-mun-xki, *Bàn về thơ cổ điển và thơ lãng mạn* trong sách *Lí luận văn học, thi pháp học, phong cách học*, NXB Khoa học, Lê-nin-grát (Leningrad), 1977, tr. 134 – 137 (chú thích của tác giả Trần Đình Sử).

Khái niệm cổ điển này có thể soi sáng đặc điểm loại hình thơ ca cổ điển phương Đông. Dĩ nhiên, ở đây yếu tố chủ quan có đặc điểm riêng. Thơ ca thời kì này hình thành với hai đặc điểm tiêu biểu: 1) Miêu tả một thế giới tinh thần lí tưởng, thống nhất hài hoà khách quan và chủ quan. Thơ ca cổ điển không nghiêng về miêu tả thế giới khách quan như thơ ca hiện thực, cũng không nghiêng về biểu hiện cảm xúc chủ quan như thơ ca lãng mạn. Các nhà thơ cổ điển chưa có ý thức đối lập tách bạch chủ thể và khách thể để chỉ nhìn thế giới từ một trong hai phía. 2) Xây dựng những quy tắc tổ chức tác phẩm trên cơ sở đặc tính chất liệu với mô hình tác phẩm thơ lấy hài hoà, cân đối, chặt chẽ làm nền tảng. Trong thơ ca cổ điển phương Đông, đó là các quy tắc hiệp vần, bằng trắc, niêm, đối của thơ luật và các cách dùng chữ, đặt câu, bố cục *"đề – thực – luận – kết"*, *"cảnh tình"*, *"ý cảnh"* đặc thù trong thơ.

Ở Trung Quốc, thơ cổ điển hình thành từ đời Hán, đạt đến quy phạm với đời Đường, được ý thức trọn vẹn từ đời Tống. […]

Ở Việt Nam, thơ cổ điển chữ Hán được hình thành ngay từ đầu, từ đời Lý – Trần, nhờ tiếp thu ảnh hưởng thơ cổ điển Trung Quốc cùng một lúc với phú. Thơ cổ điển tiếng Việt thịnh từ đời Lê, mở đầu với Nguyễn Trãi và hoàn thiện với Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du,…

Thơ cổ điển Việt Nam mất địa vị độc tôn từ đầu thế kỉ XX, khi các nhà thơ tiêu biểu thời này hướng về thơ ca dân gian và bị thay thế bởi phong trào Thơ mới (1932 – 1945).

[…]

Thực ra thì thơ trữ tình thời nào mà không có cảnh và tình, tâm và vật? Đặc sắc của thơ cổ điển là ở chỗ các yếu tố ấy bị quy định bởi quan niệm con người vũ trụ thời ấy. Con người vẫn sống trong gia đình, trong xã hội, nhưng luôn cảm thấy sự tồn tại đích thực của mình là trong vũ trụ, đối diện với vũ trụ. Lí tưởng của họ là sự sống tự do vĩnh hằng của tự nhiên.

Hãy đọc mấy bài thơ của Nguyễn Trãi qua bản dịch:

– *Cỏ xanh như khói bến xuân tươi*
Lại có mưa xuân nước vỗ trời
Quạnh quẽ đường đồng thưa vắng khách,
Con đò gối bãi suốt ngày ngơi.

(*Bến đò xuân đầu trại*, bản dịch thơ của Khương Hữu Dụng)

– *Suốt ngày nhàn nhã khép phòng văn,*
Khách tục không ai bén mảng gần.
Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn,
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.

(*Cuối xuân tức sự*, bản dịch thơ của Khương Hữu Dụng)

Sự sống của thiên nhiên: chim kêu, hoa nở, mưa tưới, cỏ tươi được phú cho một ý nghĩa tuyệt đối trong lành, vô tư, thanh cao, khác với cuộc sống sinh hoạt phàm tục. Đó là tư tưởng của Nho gia: cái đức lớn nhất của vũ trụ là đức sinh cho vạn vật. Sự sinh hoá hanh thông của vạn vật là niềm vui lớn nhất của con người.

[…]

Đặc điểm của cái tôi trữ tình trong thơ cổ điển là tính chất *phi cá thể* (chứ không phải phi ngã!), *siêu cảm giác*. *Cái nhìn* trong thơ cũng siêu cá thể, như là không của ai cả, vì không giới hạn trong cái nhìn trực tiếp của chủ thể trong thơ, hơn nữa lại là cái nhìn của thế giới, nhìn theo cái biết hơn là thị giác. Hãy đọc bài tứ tuyệt *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế:

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,

Giang phong ngư hoả, đối sầu miên.

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,

Dạ bán, chung thanh đáo khách thuyền[1].

Bài thơ này làm theo cái cảm biết của nhà thơ, là người khách nằm trên thuyền, đang "đối sầu miên", nhưng lại không miêu tả mọi thứ theo con mắt từ trong thuyền nhìn ra, mà như cái biết của nhà thơ. Cũng vậy, trong bài *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan nói tới cảnh bơ vơ của mình mà như của ai khác: "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi – Dặm liễu sương sa khách bước dồn"!

Cùng với cái nhìn siêu cá thể ấy, mọi vật được miêu tả trong các thuộc tính chung, phổ biến: trăng, sương, mai, liễu, gió, chim, thu thảo, tịch dương, xe ngựa,… Nhà thơ thường tự gọi mình bằng danh từ chung: "người lữ thứ", "khách", "thi nhân",… Với cái nhìn siêu cá thể này, thật thú vị là trong thơ của mình nhà thơ cổ điển hiện diện vừa như chủ thể lại vừa như khách thể. Hứng thú của thơ cổ điển không ở chi tiết cá biệt được miêu tả, mà ở sự gặp gỡ, cơ ngộ giữa tình cảnh tương đồng, tương phản,… làm cho các hình ảnh trở thành biểu tượng. Cả bản thân nhà thơ cũng được gọi thành "khách", "người" để có thể trở thành bộ phận của biểu tượng thế giới.

[Lược thuật: *Trong phần tiếp theo của bài viết, tác giả đề cập đến cách "luyện chữ", "luyện hình ảnh, luyện ý", "luyện câu",… trong thi pháp thơ cổ điển.*]

Thơ cổ điển còn chuộng dùng điển cố. Điển cố là các sự việc, câu chữ của tác phẩm văn học đời trước mà người đọc cũng biết, được sử dụng lại trong tác phẩm mới nhằm tăng cường sức biểu hiện, mở rộng, đổi mới ý thơ. Chẳng hạn, câu thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm : "Rượu đến cội cây ta sẽ uống – Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao", hay câu thơ Nguyễn Khuyến : "Nhân hứng cũng vừa toan cất bút – Nghĩ ra lại

[1] Dịch nghĩa: *Trăng lặn, quạ kêu, sương phủ đầy trời./ Hàng phong bên sông, ngọn đèn thuyền chài ở trước người đang ngủ buồn./ Ngoài thành Cô Tô là chùa Hàn San,/ Tiếng chuông lúc nửa đêm vẳng đến thuyền khách.*

thẹn với ông Đào" hoặc câu *Kiều*: "Trước sau nào thấy bóng người – Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông",... đều dùng điển. Đỗ Phủ ngày xưa cho rằng "dùng điển như dùng muối", tức không thể dùng nhiều, đồng thời điển phải hoà tan, tự nhiên, nhìn không thấy, nhưng ngẫm thời thấy. Dùng điển phải thoát sáo, linh hoạt, làm ra ý mới thì mới hay. Đây là đặc trưng tư duy trung đại, nhìn mọi sự việc hiện tại từ góc nhìn hôm qua, lịch sử vừa tiến lên, vừa lặp lại.

Đối ngẫu là một phép tu từ rất tiêu biểu của thơ xưa, và cũng là một yêu cầu chặt chẽ của thơ luật. Đối là phép đối xứng được sử dụng đặc biệt: kết cấu cụm từ, từ loại trong từng câu phải như nhau, đặt song song như đội nghi trượng ngày xưa, nhưng ý nghĩa, bằng trắc thì có thể nghịch nhau. Ví dụ:

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.

Có phải tiếc xuân mà đứng đợi,

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.

(Nguyễn Khuyến, *Cuốc kêu cảm hứng*)

[...]

Thi pháp thơ cổ điển còn thể hiện các cách chơi chữ, chơi hình thức thuần tuý, có tính trang sức của người xưa. Có cách chơi "thuận nghịch độc", có cách chơi "tiệt hạ", có cách chơi "liên hoàn", "liên ngâm", "xướng hoạ", "hạn vận",... tức là đặt ra các điều kiện khó khăn về kĩ thuật buộc người làm phải khắc phục để chứng tỏ cái tài. Những yêu cầu hình thức này không nhất thiết xuất phát từ nội dung, mà lấy hình thức làm mục đích. Vẻ đẹp hình thức và vẻ đẹp nội dung đi song song bên nhau, không nhất thiết lúc nào cũng thống nhất làm một. Nhà nghiên cứu văn học Lê Đình Ky ngạc nhiên tại sao Kiều tự tử, chết ngất trong tay Tú Bà khi mới đến lầu xanh, thế mà Nguyễn Du lại viết: "Nàng thì bẵn bặt *giấc tiên*". Còn khi Ưng, Khuyển đổ thuốc mê làm Kiều bất tỉnh thì nhà thơ lại viết: "Hãy còn thiêm thiếp *giấc nồng* chưa phai – Hoàng lương chợt tỉnh *giấc mai*",... Rõ ràng những chỗ này tác giả chỉ cốt kể cho đẹp, tả cho đẹp, bất chấp có phù hợp thực trạng hay không. Điều này cũng giống như Nguyễn Khuyến làm câu đối cho vợ người thợ nhuộm khóc chồng, nhưng đau xót là một việc, lời thơ vui, ngộ nghĩnh là một việc khác. Không nhất thiết thơ khóc chồng cũng phải mặc tang phục:

*Thiếp kể từ lá **thắm** xe duyên, khi vận **tía**,*

*Lúc con **đen**, **điều** dại, **điều** khôn, nhờ bố **đỏ**;*

*Chàng ở dưới suối **vàng** nghĩ lại, vợ má **hồng**,*

*Con răng **trắng**, **tím** gan **tím** ruột với ông **xanh**.*

Tác giả không hề nghĩ rằng các màu sắc đưa ra đối nhau từng cặp kia sẽ làm phai nhạt nỗi buồn đau, thậm chí là như giễu cợt sự mất mát nữa! Hiện tượng này cho thấy trong thơ cổ điển nhiều khi vẻ đẹp ngôn từ có tính độc lập bên cạnh vẻ đẹp của cuộc sống được miêu tả. Đó là vẻ đẹp trang sức, trang trí của các đồ phụ tùng lộng lẫy được giăng mắc khắp nơi.

Tóm lại, thơ cổ điển là một phạm trù thơ đặc biệt, mọi nguyên tắc, hình thức của nó đều nhằm tạo dựng một bức tranh đẹp khách quan, "tình – cảnh", "vật – ngã" giao hoà, tuy phản ánh thực trạng, nhưng không trực tiếp miêu tả hay biểu hiện, đồng thời là một bức gấm thêu sặc sỡ, vui mắt bằng ngôn từ. Họ vừa thi với thợ trời trong việc gợi ra vẻ đẹp của vũ trụ khách quan, vừa chứng tỏ tài nghệ của thợ người trong việc dùng chữ, tạo câu, bố cục. Bằng cách đó thơ cổ điển đem lại một cái đẹp thâm trầm, nghiêm trang, thanh tao mà lặng lẽ, ít xôn xao, quằn quại, ít tiếng nói con người.

[...]

(In trong *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Trần Đình Sử, NXB Giáo dục, 1995)

Trả lời câu hỏi

1. Giải thích nhận định: "Thơ ca cổ điển không nghiêng về miêu tả thế giới khách quan như thơ ca hiện thực, cũng không nghiêng về biểu hiện cảm xúc chủ quan như thơ ca lãng mạn".
2. Kẻ bảng sau vào vở, tóm tắt các đặc điểm chính của thi pháp thơ cổ điển được trình bày trong văn bản:

Đặc điểm	Thi pháp thơ cổ điển
1. Nguyên tắc chung thể hiện cái nhìn nghệ thuật về thế giới, con người	
2. Cái tôi/ chủ thể trữ tình	
3. Những hình thức, phương tiện biểu đạt ưa chuộng	

3. Chỉ ra điểm khác biệt và tương đồng (nếu có) giữa hai khái niệm "thơ cổ điển" (hay "văn chương cổ điển") được đề cập trong văn bản *Thi pháp thơ cổ điển* (Trần Đình Sử) và khái niệm "Chủ nghĩa cổ điển" được đề cập trong văn bản *Chủ nghĩa cổ điển, Chủ nghĩa lãng mạn, Chủ nghĩa hiện thực* (Huỳnh Như Phương).
4. Văn bản *Thi pháp thơ cổ điển* gợi cho bạn những lưu ý gì khi tìm hiểu phong cách sáng tác cổ điển trong thơ ca trung đại Việt Nam?

Chân trời sáng tạo

III. Thực hành

Bài tập 1

Tìm hiểu các phong sáng tác được đề cập trong chuyên đề và chỉ ra một số đặc điểm của mỗi phong cách sáng tác theo các khía cạnh sau:

a. Những nét độc đáo trong cái nhìn, cách nhìn thế giới, con người (đặc điểm nội dung).

b. Những nét độc đáo trong việc lựa chọn, sử dụng các phương thức/ phương tiện biểu đạt chủ đề, cảm hứng, tư tưởng của tác phẩm (đặc điểm hình thức: thể loại, nhân vật, cốt truyện, cách kể chuyện; kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần luật, nhịp điệu, biện pháp tu từ; xung đột, không gian, thời gian, hành động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, bàng thoại,…).

Bài tập 2

Hãy chỉ ra một số biểu hiện của phong cách cổ điển (Chủ nghĩa cổ điển phương Tây) trong tác phẩm của Mô-li-e như *Trưởng giả học làm sang*/ *Lão hà tiện*,... hoặc trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten như *Chó sói và chiên con*/ *Ve và kiến*,...

Bài tập 3

So sánh hai bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến) và *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), chỉ ra một số biểu hiện của phong cách sáng tác trong mỗi bài thơ.

Phần thứ hai

Yêu cầu và cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)

Ở phần này, sau khi tìm hiểu yêu cầu cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học, bạn cần thực hành viết theo quy trình mà bài học hướng dẫn.

I. Những lưu ý chung về yêu cầu, cách thức viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của trường phái cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực

Văn bản

GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG TRUYỆN *CHÍ PHÈO*

Hoàng Ngọc Hiến

Nam Cao (1917 – 1951) là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán trước Cách mạng. Sáng tác của ông trước Cách mạng

tập trung vào hai đề tài lớn: đề tài nông dân và đề tài tiểu tư sản nghèo. *Chí Phèo* (1941) là tác phẩm nổi bật trong sáng tác của Nam Cao về đề tài nông dân, trong truyện này, bút pháp hiện thực được thực hiện xuất sắc và cảm hứng nhân đạo được bộc lộ sâu sắc hơn cả.

I. CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC

Chủ nghĩa hiện thực yêu cầu miêu tả cuộc sống một cách *chân thật*. Chủ nghĩa hiện thực yêu cầu "tái hiện chân thật *tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình*" (Ăng-ghen).

A. Tính cách điển hình

Trong truyện *Chí Phèo*, Chí Phèo và Bá Kiến là hai nhân vật có tính cách điển hình.

1. *Tính cách Chí Phèo*: Nói rằng Chí Phèo là điển hình của người nông dân lao động thì chung chung quá. Chí Phèo là điển hình của bần cố nông ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ những năm trước thảm hoạ nạn đói 1945. Nếu như Chí Phèo được xây dựng như một nhân vật trong nông thôn thì tính cách và số phận của y sẽ khác. Y là một cố nông. Loại người này hoàn toàn không có sở hữu, không có năng lực làm chủ, cực kì dốt nát do đó dễ bị lưu manh hoá, và sau khi lưu manh hoá thì mất năng lực lao động, xây dựng, chỉ còn năng lực phá phách: rạch mặt ăn vạ, cướp giật, đâm chém, trả thù, say rượu.

Tính cách và cuộc đời của nhân vật điển hình liên quan mật thiết với nhau. Tính cách của Chí Phèo bị quy định bởi cuộc đời của y, ra đời như một đứa con hoang, không có gia đình thân thích, không nơi nương tựa, hết đi ở cho người này lại đi ở cho người khác, bị hành hạ áp bức, bị bắt giam và đi tù oan uổng, ra khỏi tù trở thành lưu manh,... Mặt khác, tính cách của Chí Phèo chi phối cuộc đời của y: y kết liễu cuộc đời bằng việc đâm chết Bá Kiến và tự đâm chết mình. Số phận của Chí Phèo có tính quy luật. Trong làng Vũ Đại, có những nhân vật cùng một số phận với y: Binh Chức, Năm Thọ. Ở đoạn kết, tác giả cho ta thấy đời sống nông thôn không thay đổi thì những Chí Phèo sẽ tiếp tục ra đời ở làng Vũ Đại: sau khi được tin Chí Phèo chết, Thị Nở có lúc nhìn xuống bụng mình và nghĩ đến "cái lò gạch bỏ không" (Chí Phèo ra đời, bị vứt bỏ ở một cái lò gạch như vậy).

2. *Tính cách Bá Kiến*: Tính cách của Bá Kiến là tính cách điển hình cho tầng lớp địa chủ – cường hào ở nông thôn thời bấy giờ: độc ác, tính mọi cách để bóc lột và lường gạt nông dân, sẵn sàng cấu kết với nhau để bóc lột người nghèo nhưng luôn tìm cách xâu xé, hãm hại nhau; một nét nữa khá đặc sắc là tính chất nham hiểm: đối xử với Chí Phèo khi thì nạt nộ, hăm doạ, khi thì mềm mỏng nói những lời ngọt xót, bày mưu để Đội Tảo và Chí Phèo diệt nhau.

B. Hoàn cảnh điển hình

Nói đến hoàn cảnh điển hình, cần phân biệt hoàn cảnh nhỏ, hoàn cảnh lớn. *Hoàn cảnh nhỏ* là hoàn cảnh sống trực tiếp của nhân vật, những quan hệ gia đình, bạn bè, xóm giềng,… *Hoàn cảnh lớn* là tình hình và xu thế chung của xã hội. Trong *Chí Phèo*, qua cuộc sống của làng Vũ Đại, tác giả đã làm nổi bật một số nét cơ bản trong *hoàn cảnh lớn* của nông thôn Việt Nam thời bấy giờ: bọn thống trị cũng như những người lao động đều bị tha hoá, "những chất độc ở ngay trong sự sống" thấm vào máu từng người, vùi đạp những gì tốt đẹp và kích thích những gì nhỏ nhen, xấu xa trong con người. […]

C. Đặc sắc của bút pháp hiện thực của Nam Cao

Nhà văn hiện thực Nam Cao cố tránh những gì "giả dối", "phù phiếm" của loại văn chương "thơm tho" thời bấy giờ. Mặc dù có sự thông cảm với số phận những người nông dân nghèo, ngòi bút của Nam Cao vẫn lạnh lùng, khách quan khi miêu tả những sự nhếch nhác mất nhân hình, nhân tính của Chí Phèo, Thị Nở, không né tránh những khía cạnh tàn nhẫn, sần sùi của cuộc sống (tả những cảnh rạch mặt ăn vạ, nôn oẹ, những cảnh âu yếm "bình dân" bấu véo nhau).

II. CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO

Ở những tác phẩm hiện thực lớn, chủ nghĩa hiện thực bao giờ cũng được kết hợp với nhân đạo. Không có cảm hứng nhân đạo, "chủ nghĩa hiện thực" dễ hoá thành chủ nghĩa tự nhiên cường điệu những sự nhếch nhác, xấu xí ở người lao động, xem họ như loài vật. Quan điểm của Nam Cao là nhà văn phải "cố tìm mà hiểu" "cuộc sống đáng thương" và "cái bản tính tốt" của người nghèo thường bị che lấp, vùi dập.

Cảm hứng nhân đạo của Nam Cao thể hiện ở sự thông cảm của tác giả với con người Chí Phèo. Ở nhân vật xấu xí và nhếch nhác đến tuyệt vọng này, tác giả vẫn nhìn nhận phần nhân tính còn lại: đó là khát vọng muốn làm người lương thiện, ước ao có gia đình, có bạn. Sau đêm "âu yếm" với Thị Nở, ta thấy một Chí Phèo khác. Thị Nở đã không khơi dậy bản năng sinh vật ở gã đàn ông, tình yêu thương mộc mạc của chị đã thức dậy ở Chí Phèo những tình cảm nhân tính sơ đẳng nhất. Lần đầu tiên Chí Phèo "mắt ươn ướt", "tiếng cười nghe thật hiền". Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm Chí Phèo mới lại nghe tiếng chim hót vui vẻ, tiếng cười nói của mấy người đi chợ về, tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá,… Những thanh âm ấy bỗng vang động sâu xa trong lòng Chí Phèo như là những tiếng gọi thiết tha của sự sống.

Chí Phèo là một kiệt tác của văn xuôi hiện đại Việt Nam, ở tác phẩm này, một bút pháp hiện thực xuất sắc được kết hợp với một cảm hứng nhân đạo sâu sắc và đây là một vấn đề then chốt của văn học lớn mọi thời đại.

(In trong *Văn học, học văn*, Hoàng Ngọc Hiến, Trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh – Trường viết văn Nguyễn Du – Hà Nội, 1990, tr. 91 – 94)

Trả lời câu hỏi

1. Vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung của văn bản. Xác định các phần mở bài, thân bài, kết bài và cho biết các phần này trong văn bản đã đáp ứng yêu cầu của việc viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học như thế nào.
2. Nhận xét về cách chọn đề tài/ vấn đề cho bài viết, cách đặt nhan đề, cách nêu vấn đề (trong đoạn mở đầu), cách đặt đề mục và sắp xếp các đề mục trong văn bản.
3. Tính cách điển hình của hai nhân vật chính (Chí Phèo, Bá Kiến) được phân tích bằng các lí lẽ, bằng chứng nào? Các lí lẽ, bằng chứng đó có thuyết phục không? Vì sao?
4. Theo bạn, văn bản có giúp người đọc nhận thấy được mối quan hệ giữa tính cách điển hình và hoàn cảnh điển hình hay không? Hãy nói rõ ý kiến của bạn.
5. Mục *C. Đặc sắc của bút pháp hiện thực của Nam Cao* và phần *II. Chủ nghĩa nhân đạo* có thật sự cần thiết trong một văn bản giới thiệu một phong cách sáng tác hiện thực hay không? Vì sao?
6. Bạn rút ra được những lưu ý gì khi tìm hiểu và viết bài giới thiệu về phong cách một tác giả thuộc trường phái văn học hiện thực Việt Nam 1930 – 1945?

II. Cách viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)

1. Một số dạng bài viết giới thiệu một phong cách sáng tác của một trường phái/ trào lưu văn học

Dạng 1: Giới thiệu về phong cách nghệ thuật của tác giả thuộc về một trường phái văn học

Dạng bài viết này thường trình bày những điểm độc đáo, đặc sắc nhất trong phong cách nghệ thuật của tác giả so với tác giả khác, với các thể loại khác, giai đoạn khác trong sáng tác của chính tác giả. Bài viết *Tìm hiểu đặc điểm cái đẹp trong văn xuôi hư cấu của Thạch Lam* của tác giả Nguyễn Thành Thi (ở Chuyên đề 1. *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại*) tiêu biểu cho dạng này. Khi thực hiện bài viết dạng này, các tác giả thường đặt sáng tác của một tác giả trong bối cảnh sáng tác chung của thời đại, giai đoạn văn học; liên hệ, so sánh, đối chiếu với nhiều tư liệu liên quan nhằm thể hiện rõ nhất những điểm độc đáo, những nét riêng trong phong cách sáng tác của một tác giả, đồng thời cũng làm rõ phong cách sáng tác của trường phái văn học mà tác giả là người đại diện. Đây là dạng văn bản thường gặp trong tạp chí nghiên cứu, sách tham khảo,…

Chân trời sáng tạo

Dạng 2: Giới thiệu về biểu hiện phong cách nghệ thuật của tác giả, một trường phái văn học qua một tác phẩm cụ thể

Dạng bài viết này thường trình bày những điểm độc đáo, đặc sắc nhất trong phong cách nghệ thuật của tác giả, cũng chính là của một trường phái, biểu hiện qua một tác phẩm. Tiêu biểu cho dạng bài này là bài viết về chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo qua *Chí Phèo* (Nam Cao) của tác giả Hoàng Ngọc Hiến.

Trong nhà trường, đối với học sinh khi học chuyên đề này, việc viết bài giới thiệu một phong cách sáng tác của một trường phái văn học chủ yếu tập trung thực hành theo dạng 1 và dạng 2.

Dạng 3: Giới thiệu khái quát về phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Dạng bài viết này thường giới thiệu khái quát về phong cách sáng tác của một trường phái văn học, như bài viết (trích) của các tác giả Huỳnh Như Phương, Trần Đình Sử trong bài học này. Đây là dạng bài viết nhằm mang lại một cái nhìn tổng quan, có tính khoa học về các phong cách sáng tác. Dạng văn bản này thường được sử dụng trong các tài liệu lí luận văn học, từ điển văn học, từ điển thuật ngữ văn học,…

2. Yêu cầu và sơ đồ dàn ý kiểu bài

Yêu cầu về kiểu bài:

– *Về nội dung:* Nêu được một số nét độc đáo thuộc về phong cách nghệ thuật của tác giả và trường phái qua sự nghiệp văn học/ một mảng sáng tác/ một thể loại/ một tác phẩm của tác giả.

– *Về hình thức:* Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận giới thiệu phong cách sáng tác:

+ Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc; sử dụng phương pháp so sánh một cách phù hợp, hiệu quả.

+ Đưa ra được những lí lẽ và bằng chứng văn bản đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm.

+ Có sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

+ Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

3. Hướng dẫn quy trình viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Đề bài:

Viết bài giới thiệu về biểu hiện của một trong những phong cách cổ điển, lãng mạn, hiện thực qua một hoặc một số tác phẩm tiêu biểu.

Chân trời sáng tạo

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc

Đề tài bài giới thiệu chính là đề bài về phong cách tác giả đại diện cho một trường phái văn học mà bạn đã lựa chọn để thực hiện ở phần trước. Mục đích của bài giới thiệu là để công bố với bạn đọc kết quả tìm hiểu của bạn về những đóng góp của một tác giả, tác phẩm về phong cách sáng tác trong mối lên hệ với phong cách sáng tác của trường phái văn học. Người đọc có thể là thầy, cô giáo, nhóm học sinh hoặc người đọc của một tờ báo, một đặc san nội bộ,…

Thu thập tài liệu

Bạn đã tiến hành thu thập, xử lí tài liệu trong quá trình tìm hiểu về tác giả, sự nghiệp văn học và những biểu hiện của phong cách nghệ thuật của tác giả; phong cách sáng tác của một trường phái văn học liên quan. Ở bước này, bạn lập danh mục tài liệu tham khảo cho bài viết bằng cách chọn lọc những tài liệu liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu sẽ trình bày trong bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để tìm ý, bạn có thể thực hiện phiếu thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái/ trào lưu văn học dựa vào mẫu sau:

Tên tác giả/ tác phẩm/ thể loại/ trường phái văn học: .....

Giai đoạn lịch sử hoặc giai đoạn văn học.	?
Vị trí của tác giả trong trường phái/ trào lưu/ giai đoạn văn học.	?
(Các) tác phẩm nổi bật và một số thông tin liên quan.	?
Cái nhìn thế giới, con người có tính riêng biệt của tác giả qua tác phẩm.	?
Các đề tài, chủ đề thường gặp trong tác phẩm của tác giả.	?
Các hình thức/ phương tiện/ thủ pháp nghệ thuật thường gặp trong tác phẩm của tác giả.	?
Đóng góp chính của tác giả đối với trường phái/ trào lưu và nền văn học.	?

Trên cơ sở kết quả tìm hiểu, khảo sát về phong cách tác giả/ trường phái văn học, bạn tiến hành tìm ý cho bài giới thiệu. Cụ thể như sau:

Dạng 1: Giới thiệu về phong cách nghệ thuật của tác giả thuộc về một trường phái văn học

Bạn có thể tìm những ý chính về phong cách nghệ thuật của tác giả văn học bằng cách trả lời các câu hỏi:

Chân trời sáng tạo

– Tác giả thuộc trường phái/ trào lưu văn học nào và giữ vị trí thế nào trong trường phái/ trào lưu văn học ấy?

– Tác giả thường sáng tác những thể loại nào và có đóng góp quan trọng nhất ở thể loại nào?

– Tác giả sáng tác theo những đề tài, chủ đề, cảm hứng nào? Đâu là những đề tài, chủ đề, cảm hứng độc đáo nhất?

– Khi sáng tác, tác giả có những kiểu hình tượng, kiểu nhân vật nào đặc trưng/ khác biệt?

– Tác giả thường thành công khi sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào (về kết cấu, cốt truyện; cách xây dựng nhân vật; về từ ngữ, hình ảnh; các biện pháp tu từ;...)?

– Những thông tin về đặc điểm nội dung, hình thức biểu đạt trên đây cho thấy điều gì mang tính khác biệt, riêng biệt trong cái nhìn nghệ thuật về thế giới, con người của tác giả?

– Các tác giả khác có viết về những đề tài, chủ đề tương tự hay không? Có sử dụng những thủ pháp nghệ thuật tương tự hay không? Nếu có, cách viết của tác giả này so với các tác giả khác có gì độc đáo, khác biệt?

– Trước khi tác giả đó xuất hiện, nền văn học đang có những đặc điểm gì nổi bật? Khi xuất hiện, tác giả đã mang đến điều gì mới mẻ cho văn học?

Dạng 2: Giới thiệu về biểu hiện phong cách nghệ thuật của tác giả, một trường phái văn học qua một tác phẩm cụ thể

Bạn có thể tìm những ý chính về tác phẩm cần giới thiệu và phong cách của tác giả/ trường phái văn học bằng cách tự đặt ra những câu hỏi:

– Vì sao bạn quan tâm đến tác phẩm này?

– Tác phẩm được viết theo phong cách sáng tác của trường phái/ trào lưu văn học nào, ở giai đoạn văn học nào? Tác phẩm đó có những biểu hiện nào tiêu biểu cho phong cách sáng tác của tác giả, trường phái văn học?

– Tác phẩm cho thấy đặc điểm nổi bật nào trong cái nhìn nghệ thuật về thế giới, con người?

– Trong tác phẩm, sự lựa chọn về thể loại của tác giả có ưu thế gì trong việc thể hiện cái nhìn nghệ thuật về thế giới, con người?

– Trong tác phẩm, các phương tiện, phương thức biểu đạt, các yếu tố hình thức có ưu thế gì trong việc thể hiện cái nội dung tư tưởng và cái nhìn nghệ thuật về thế giới, con người?

– Nếu thiếu đi tác phẩm mà bạn đang khảo sát thì việc tìm hiểu đóng góp của tác giả về mặt phong cách sáng tác sẽ gặp khó khăn, thiếu sót gì không? Khó khăn, thiếu sót đó là gì?

Chân trời sáng tạo

Lập dàn ý

Bạn có thể dựa vào hai sơ đồ dàn ý dạng bài dưới đây để sắp xếp, bổ sung, tổ chức các ý đã tìm được thành dàn bài:

Dạng 1: Giới thiệu về phong cách nghệ thuật của tác giả thuộc về một trường phái văn học

Mở bài	Giới thiệu phong cách sáng tác của tác giả và trường phái/ trào lưu văn học: – Tên tác giả, tên trường phái văn học. – Nêu khái quát đặc điểm phong cách sáng tác của tác giả trong phong cách sáng tác của trường phái/ trào lưu văn học.
Thân bài	– Lần lượt phân tích, đánh giá, lí giải những nét độc đáo trong sáng tác của tác giả (cái nhìn nghệ thuật của tác giả và việc lựa chọn sử dụng các hình thức phương tiện biểu đạt phù hợp với cái nhìn ấy). – Sử dụng phương pháp/ thao tác so sánh để làm nổi bật những nét riêng, những điểm độc đáo trong sáng tác của tác giả; liên hệ với các đặc điểm trong phong cách sáng tác của trường phái/ trào lưu mà tác giả là người đại diện.
Kết bài	Khẳng định lại các điểm chính về phong cách và đóng góp của tác giả đối với trường phái và nền văn học.

Dạng 2: Giới thiệu về biểu hiện phong cách nghệ thuật của tác giả, một trường phái văn học qua một tác phẩm cụ thể

Mở bài	Giới thiệu tác phẩm, tác giả và vấn đề nghị luận liên quan đến phong cách sáng tác của tác giả và trường phái/ trào lưu văn học.
Thân bài	– Lần lượt phân tích, đánh giá, lí giải những nét độc đáo trong tác phẩm thể hiện phong cách sáng tác của trào lưu và phong cách sáng tác trong tác phẩm của tác giả (cái nhìn nghệ thuật của tác giả và việc lựa chọn sử dụng các hình thức, phương tiện biểu đạt phù hợp với cái nhìn ấy). – Có thể sử dụng phương pháp/ thao tác so sánh để làm nổi bật những nét riêng, những điểm độc đáo trong tác phẩm; liên hệ với các đặc điểm trong phong cách sáng tác của trường phái/ trào lưu mà tác giả là người đại diện.
Kết bài	Khẳng định lại các điểm chính về phong cách của tác giả qua tác phẩm và đóng góp của tác phẩm, tác giả đối với trường phái và/ nền văn học.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn tiến hành viết bài giới thiệu hoàn chỉnh. Cần đảm bảo:

– Có những câu văn nêu rõ luận điểm, nhấn mạnh chủ đề của từng đoạn.

– Ngôn ngữ khách quan, trung tính, không ca ngợi thái quá, không nặng cảm xúc. Sử dụng lớp từ ngữ chung, không dùng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

– Nhan đề ngắn gọn, súc tích, nêu tên tác giả và có thể nêu đặc điểm quan trọng nhất của sự nghiệp/ phong cách tác giả đó.

– Có thể trích dẫn một số ý kiến đánh giá của các nhà phê bình văn học có uy tín về tác giả/ tác phẩm đó nhằm tăng sức thuyết phục cho bài giới thiệu.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, bạn hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Tiêu đề	Nêu được tên vấn đề thuộc một phong cách sáng tác của một trường phái văn học gắn với tên tác giả/ tác phẩm và khái quát được nội dung chính của bài viết.		
Mở bài	Nêu đánh giá, nhận định khái quát về phong cách nghệ thuật của tác giả/ tác phẩm đại diện cho phong cách sáng tác của trường phái văn học.		
	Nhận xét chung về đóng góp của tác giả/ tác phẩm đối với phong cách sáng tác của trường phái văn học.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai luận điểm về những nét độc đáo trong sáng tác của tác giả/ tác phẩm được xem là tiêu biểu cho phong cách sáng tác của trường phái văn học.		
	Lập luận, lí giải để làm rõ cho các đặc điểm về phong cách nghệ thuật của tác giả/ tác phẩm mang tính đại diện cho trường phái văn học.		
	Đưa ra bằng chứng và phân tích để chứng minh những nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của tác giả/ tác phẩm.		

Chân trời sáng tạo

Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của người viết về đóng góp của tác giả/ tác phẩm đối với nền trường phái văn học, lịch sử văn học.		
Kĩ năng lập luận, diễn đạt	Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí, có sử dụng các phép liên kết và câu chủ đề phù hợp.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính, đảm bảo về chính tả, ngữ pháp.		
	Trích dẫn đúng cách, sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ, các cước chú để làm rõ nội dung bài viết.		

Từ bài viết của mình, hãy nêu một số kinh nghiệm khi viết bài giới thiệu về một tác giả văn học.

III. Thực hành

Bài tập 1

Tóm tắt quy trình viết bài giới thiệu về tác giả văn học theo mẫu sau:

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Điều cần lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết		
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý		
Bước 3: Viết bài		
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa		

Chân trời sáng tạo

Bài tập 2

Viết bài phân tích, so sánh hai tác phẩm *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* (Lý Bạch) và *Tống biệt hành* (Thâm Tâm), chỉ ra một số điểm khác biệt về phong cách sáng tác giữa hai bài thơ này.

Bài tập 3

Chọn một trong hai đề a hoặc b:

a. Viết bài phân tích biểu hiện của phong cách sáng tác lãng mạn trong một tác phẩm truyện thuộc văn học lãng mạn Việt Nam 1930 – 1945.

b. Viết bài phân tích biểu hiện của phong cách sáng tác hiện thực trong một tác phẩm truyện thuộc văn học hiện thực Việt Nam 1930 – 1945.

Phần thứ ba

Yêu cầu và cách thức thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học (cổ điển, lãng mạn hoặc hiện thực)

I. Cách thức thuyết trình giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài/ vấn đề, không gian, thời gian thuyết trình

Đề tài của bài thuyết trình đã được xác định ở bài viết giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học. Mục đích của bài thuyết trình là trình bày nội dung nhằm thuyết phục người nghe về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học.

Do đó, bạn cần đặt các câu hỏi: *Ai sẽ là người nghe bạn trình bày? Bạn sẽ nói ở đâu? Bài thuyết trình có thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?...*

Tìm ý, lập dàn ý

Nội dung trình bày đã được bạn chuẩn bị trong bài viết giới thiệu về một phong cách sáng tác của một trường phái văn học. Việc bạn cần làm là chuyển dàn ý đó thành dàn ý bài thuyết trình. Do đó, bạn nên chuẩn bị thêm:

– Sơ đồ tóm tắt nội dung bài giới thiệu nhằm thuyết trình một cách rõ ràng và hiệu quả, giúp người nghe nắm được các ý chính.

– Một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để phần thuyết trình thêm rõ ràng và thu hút: tranh hoặc ảnh chân dung tác giả, hình ảnh bút tích của tác giả, hình ảnh các địa danh liên quan đến cuộc đời tác giả, ảnh bìa các tác phẩm đã in của tác giả,...

– Thiết kế tập tin trình chiếu để hỗ trợ cho bài thuyết trình.

– Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi.

Bước 2: Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập, bạn cần:

– Lựa chọn cách mở đầu hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người nghe.

– Lựa chọn từ ngữ sao cho đơn giản, dễ hiểu, khách quan, đúng với ý bạn cần biểu đạt.

– Trích dẫn các bằng chứng một cách hợp lí, làm sáng tỏ được luận điểm.

– Chú ý chuyển tiếp giữa các phần, các ý để người nghe dễ theo dõi.

Khi trình bày, bạn cần:

– Dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị từ trước.

– Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

– Tương tác với người nghe bằng ánh mắt và sử dụng cử chỉ vừa phải.

– Đảm bảo thời gian cho phép.

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi, bạn cần:

– Thể hiện thái độ cầu thị, trân trọng ý kiến đóng góp của người nghe.

– Lắng nghe nắm bắt đúng ý câu hỏi của người hỏi.

– Trả lời câu hỏi một cách khúc chiết, lịch sự, tôn trọng quan điểm của người khác.

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào hỏi và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu chung về phong cách sáng tác của một trường phái văn học và vấn đề cần thuyết trình.		
Nội dung chính	Lần lượt giới thiệu các biểu hiện/ đặc điểm của phong sáng tác của trường phái văn học (qua tác giả, tác phẩm, thể loại).		
	Đưa bằng chứng và phân tích để chứng minh về biểu hiện/ đặc điểm của phong sáng tác của trường phái văn học.		
	Lí giải, đánh giá về những đóng góp về phong cách sáng tác của trường phái đối với sự phát triển văn học.		
Kết thúc	Tóm tắt và khẳng định được nội dung trình bày về phong cách sáng tác của trường phái văn học.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ chuẩn xác, khách quan, trung tính.		
	Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		

II. Một số đề thực hành

– Biểu hiện của phong cách sáng tác cổ điển trong tác phẩm của một trong những tác giả văn học trung đại Việt Nam tiêu biểu (Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương,…).

– Phong vị cổ điển và tính hiện đại trong một/ một số bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.

– Đóng góp về phong cách nghệ thuật của một nhà Thơ mới (1932 – 1945).

– Đóng góp về phong cách nghệ thuật của một nhà văn hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.

Chân trời sáng tạo

BẢNG THUẬT NGỮ

TT	Khái niệm/ thuật ngữ	Nghĩa	Trang
C	chủ nghĩa hậu hiện đại	một trào lưu văn hoá phương Tây kết tinh những giá trị của xã hội hậu hiện đại, được hình thành khoảng những năm 60 của thế kỉ XX, nền tảng tư tưởng triết học bắt nguồn từ những biến đổi xã hội phương Tây sau Thế chiến thứ hai và thời đại xã hội "hậu công nghiệp" với nền văn minh máy tính	11
	chuyển thể	quá trình tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm có trước bằng cách thay đổi hình thức thể hiện tác phẩm đã có thành hình thức thể hiện mới hoặc chuyển tác phẩm từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác	32
G	giới thiệu tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học	kiểu bài nghị luận – thông tin kết hợp lí lẽ, bằng chứng với các thông tin liên quan để giới thiệu, làm rõ những giá trị, đóng góp mới của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể trong mối liên hệ với tác phẩm văn học được chuyển thể	41
H	hiện đại hoá văn học	quá trình làm cho văn học đổi mới theo hướng hiện đại để hoà nhập với nền văn học thế giới	6
P	phong cách sáng tác	một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định, có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một thể loại (phong cách thể loại), một loại hình sáng tác (phong cách loại hình), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại) hay một nền văn học (phong cách dân tộc),...	65
T	tác phẩm nghệ thuật	khái niệm chỉ chung các sản phẩm thuộc các ngành nghệ thuật khác nhau: kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, vũ đạo, sân khấu, điện ảnh,... được sáng tạo bởi cá nhân hay tập thể tác giả	26
	tác phẩm nghệ thuật chuyển thể	khái niệm chỉ chung các tác phẩm thuộc về một loại hình hay một lĩnh vực nghệ thuật nào đó được chuyển thể từ một tác phẩm thuộc loại khác, trong đó phổ biến nhất là chuyển thể từ văn học	28

Chân trời sáng tạo

	tác phẩm văn học	sản phẩm nghệ thuật ngôn từ được sáng tạo bởi nhà văn (hữu danh hoặc vô danh)	26
	thời hiện đại	thời đại lịch sử gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, quá trình đô thị hoá, chủ nghĩa tư bản và ý thức cá nhân	9
V	văn học hiện đại Việt Nam	thời kì văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay thoát li khỏi hệ thống thi pháp văn học trung đại và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây để hoà nhập với văn học thế giới	10

Group: TÀI LIỆU VẬT LÝ CT GDPT 2018
Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – VŨ TRỌNG THANH
Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ
Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TỐNG THANH THẢO
Sửa bản in: PHÚC HỒNG – TRỌNG THANH
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 12 – Chân trời sáng tạo

Mã số:
In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:…… địa chỉ ……
Cơ sở in:…… địa chỉ ……
Số ĐKXB:
Số QĐXB:…/QĐ - GD - HN ngày …. tháng …. năm 20….
In xong và nộp lưu chiểu tháng …. năm 20….
Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 12, Tập một
2. Toán 12, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 12
4. Ngữ văn 12, Tập một
5. Ngữ văn 12, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
7. Tiếng Anh 12
   Friends Global – Student Book
8. Lịch sử 12
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
10. Địa lí 12
11. Chuyên đề học tập Địa lí 12
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
14. Vật lí 12
15. Chuyên đề học tập Vật lí 12
16. Hoá học 12
17. Chuyên đề học tập Hoá học 12
18. Sinh học 12
19. Chuyên đề học tập Sinh học 12
20. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 12
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Cào lớp nhũ trên tem rồi quét mã để xác thực và truy cập học liệu điện tử.